**Báo cáo**

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng Biến đổi**

**Khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

**Xã Viên An Đông- Huyện Ngọc Hiển (BQLRPH Nhưng Miên) - tỉnh Cà Mau**

**MỤC LỤC**

[A. Giới thiệu chung 4](#_Toc521071056)

[1. Vị trí địa lý 4](#_Toc521071057)

[2. Đặc điểm địa hình 4](#_Toc521071058)

[3. Đặc điểm thời tiết khí hậu 4](#_Toc521071059)

[4. Xu hướng thiên tai, khí hậu 5](#_Toc521071060)

[5. Phân bố dân cư, dân số 5](#_Toc521071061)

[6. Hiện trạng sử dụng đất đai 5](#_Toc521071062)

[7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế 6](#_Toc521071063)

[B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã 7](#_Toc521071064)

[1. Lịch sử thiên tai 7](#_Toc521071065)

[2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH 8](#_Toc521071066)

[3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH 8](#_Toc521071067)

[4. Đối tượng dễ bị tổn thương 8](#_Toc521071068)

[5. Hạ tầng công cộng 8](#_Toc521071069)

[6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè) 11](#_Toc521071076)

[7. Nhà ở 12](#_Toc521071077)

[8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 12](#_Toc521071078)

[9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến 12](#_Toc521071079)

[10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý 13](#_Toc521071080)

[11. Hoạt động sản xuất kinh doanh 13](#_Toc521071081)

[12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 14](#_Toc521071082)

[13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 15](#_Toc521071083)

[14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 16](#_Toc521071084)

[15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) 16](#_Toc521071085)

[C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã 17](#_Toc521071086)

[1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng 17](#_Toc521071087)

[2. Hạ tầng công cộng 17](#_Toc521071088)

[3. Công trình thủy lợi 18](#_Toc521071089)

[4. Nhà ở 18](#_Toc521071090)

[5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 19](#_Toc521071091)

[6. Y tế và quản lý dịch bệnh 20](#_Toc521071092)

[7. Giáo dục 21](#_Toc521071093)

[8. Rừng 21](#_Toc521071094)

[9. Trồng trọt 22](#_Toc521071095)

[10. Chăn nuôi 23](#_Toc521071096)

[11. Thủy Sản 23](#_Toc521071097)

[12. Du lịch 24](#_Toc521071098)

[13. Buôn bán và dịch vụ khác 25](#_Toc521071099)

[14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 25](#_Toc521071100)

[15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 26](#_Toc521071101)

[16. Giới trong PCTT và BĐKH 27](#_Toc521071102)

[17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 28](#_Toc521071103)

[D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp 28](#_Toc521071104)

[1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH 28](#_Toc521071105)

[2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH 28](#_Toc521071106)

[3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã 29](#_Toc521071107)

[4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã 29](#_Toc521071108)

[E. Phụ lục 30](#_Toc521071109)

[1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá 30](#_Toc521071110)

[2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn 30](#_Toc521071111)

[3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá 30](#_Toc521071112)

[F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai 31](#_Toc521071113)

[1. Khái niệm 31](#_Toc521071114)

[2. Nội dung đánh giá 32](#_Toc521071115)

# Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đối khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

## Vị trí địa lý

Viên An Đông là xã ven biển, thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Viên An Đông có tổng diện tích tự nhiên 13.112,4 ha, có bờ biển dài 12 km; phía Bắc giáp sông Cửa Lớn, phía Đông giáp Thị trấn Rạch Gốc và Tân Ân Tây, phía Tây giáp xã Viên An, phía Nam giáp biển Đông, toàn xã có 14 ấp gồm: Xóm Mới, Xẻo Ngay, Xưởng Tiện, Tắc Biển, Xẻo lá, Láng Tròn, Nhưng Miên, Biện Nhạn, Kinh Ranh, Đồng Khởi, Kinh Ráng, Bàn Quỳ, Cây Phước, Kinh Ba; Về dân số toàn xã có 3.196 hộ với 14.175 khẩu. Dân cư xã Viên An Đông sống rải rác trên địa bàn và có 5 điểm tập trung là khu trung tâm xã (vàm Nhưng Miên), khu So Đũa, ngã ba Cạnh Đền, ngã ba Đồng Khởi và ngã ba Ngọn Cái. Khoảng cách đến trung tâm huyện (km): 32 km đường ô tô.

## Đặc điểm địa hình

Đặc điểm địa bàn của xã: Địa hình: Do ranh giới phía bắc của xã là [sông Cửa Lớn](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_C%E1%BB%ADa_L%E1%BB%9Bn). Nhìn chung địa hình bằng phẳng, nhưng địa hình bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông rạch tự nhiên và kênh mương chằng chịt, có nhiều con sông rất rộng (sông Cửa Lớn có chiều rộng từ 400 - 1.000m).

- Các ấp dễ bị chia cắt, vùng đảo: Không có.

- Các ấp vùng sâu vùng xa: 14 ấp.

- Đặc điểm thủy văn Thủy văn:xã Viên An Đông có cả bờ biển phía Đông vì vậy chịu tác động trực tiếp của cả triều [biển Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%90%C3%B4ng) (bán nhật triều không đều) Thuỷ triều Biển Đông lớn, vào các ngày triều cường biên độ triều vào khoảng 300 – 500 cm, các ngày triều kém biên độ triều cũng đạt từ 180 – 220 cm. biên độ triều lớn nhất khoảng 100 cm. Mực nước triều hàng năm cao trùng với mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau). Trong thời kỳ có gió chướng có thể gây ra hiện tượng nước dâng. Thuỷ triều trên sông Cửa Lớn tại [Năm Căn](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C4%83m_C%C4%83n) có thời gian triều lên kéo dài 5 giờ 43 phút và thời gian thuỷ triều xuống là 6 giờ 40 phút (chu kỳ triều 12 giờ 23 phút).

Nhìn chung, đặc điểm địa hình, thuỷ văn của xã nói chung và vùng [Đất Mũi](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A5t_M%C5%A9i) nói riêng thuận lợi cho phát triển giao thông đường thuỷ, du lịch sông nước, phát triển nuôi trồng thuỷ sản, rừng ngập mặn… Những đặc thù của điều kiện thuỷ văn đã được nhân dân địa phương ứng dụng vào sản xuất và đời sống từ lâu đời, tạo nên những nét đặc thù của vùng sông nước [miền Tây Nam Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long) nói chung và của xã Viên An Đông nói riêng, đó là: việc xuồng ghe đi lại theo con nước, đóng đáy sông, đáy biển, lấy nước và xả nước các đầm tôm… đã tiết kiệm được nhiều về chi phí và sức lao động, phù hợp với sinh trưởng phát triển tự nhiên của hệ sinh thái rừng ngập mặn, nhất là rừng đước

## Đặc điểm thời tiết khí hậu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **TT** | **Chỉ số về thời tiết khí hậu** | **ĐVT** | **Giá trị** | **Tháng xảy ra** | **Dự báo BĐKH của Cà Mau năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (\*)** |
| *1* | *Nhiệt độ trung bình* | *Độ C* | 26,6-27,7 *oC* |  | *Tăng 1,8oC* |
| *2* | *Nhiệt độ cao nhất* | *Độ C* | 28,6 *oC* |  | *Tăng thêm khoảng 1,4-2,8oC* |
| *3* | *Nhiệt độ thấp nhất* | *Độ C* | 25,6 *oC* | Tháng 1 | *Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8oC*  *(Hình 5.7a, trang 52 – kịch bản BĐKH)* |
| *4* | *Lượng mưa Trung binh* | *mm* | 200-400ml/ tháng | Tháng 10, tháng 11 | *Tăng thêm khoảng 10,8% (Giao động trong khoảng 6% đến 16,2%*  *mm) (Bảng 5.a, trang 55)* |
| *5* | *Lượng mưa cực trị - 5 ngày lớn nhất trong năm* | *mm* |  |  | *Tăng thêm khoảng 20-40ml/đợt (Hình 5.14a, trang 59)* |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

## Xu hướng thiên tai, khí hậu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương** | **Giảm** | **Giữ nguyên** | **Tăng lên** | **Dự báo BĐKH của Cà Mau năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (\*)** |
| *1* | *Xu hướng hạn hán: tăng, nắng nóng kéo dài 5-8* |  |  | *X* |  |
| *2* | *Xu hướng bão: tăng, ít thay đổi, tập trung cuối mùa bão. Khoảng 15-16 cơn bão/năm* |  |  | *X* |  |
| *3* | *Xu hướng lũ: tăng ( xảy ra bất ngờ, lớn lên vào ban đêm, ngày càng mạnh, từ tháng 9-11)* |  |  | *X* |  |
| *4* | *Số ngày rét đậm: tăng, xu hướng kéo dài, số ngày rét đậm trên 1 đợt rét từ tháng 12 năm nay đến tháng 1 năm sau* |  | *X* |  |  |
| *5* | *Mực nước biển tại các trạm hải văn* |  |  | *X* | *Tăng 25cm( Giao động trong khoảng 17-35 cm tại các trạm từ mũi Cà Mau đến Kiên Giang) (Bảng 6.7, trang 69- RCP 8.5)* |
| 6 | *Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão: ngày càng tăng từ tháng 8-11* |  |  | *X* | *Cà Mau có 3 mặt tiếp giáp với biển ( Đông, Tây, Nam) khoảng 57,7% diện tích tỉnh Cà Mau có nguy cơ bị ngập trong đó huyện Trần Văn Thời (90,02% diện tích), huyện Cái Nước (87% diện tích) (Bảng B11, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối TK, trang 134)* |
|  | *Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)* |  |  |  |  |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

## Phân bố dân cư, dân số

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn (ấp)** | **Số hộ** | **Số hộ phụ nữ làm chủ hộ** | **Số khẩu** | | | **Hộ nghèo** | **Hộ cận nghèo** | |
|  | Tổng | Nữ | Nam |  |
| 1 | Ấp Bàn Quỳ | 159 | 5 | 755 | 374 | 381 | 18 | 9 | |
| 2 | Ấp Biện Nhạn | 160 | 7 | 687 | 340 | 347 | 23 | 0 | |
| 3 | Ấp Cây Phước | 150 | 9 | 709 | 351 | 358 | 16 | 3 | |
| 4 | Ấp Đồng Khởi | 165 | 6 | 851 | 421 | 430 | 5 | 1 | |
| 5 | Ấp Láng Tròn | 74 | 2 | 375 | 186 | 189 | 14 | 0 | |
| 6 | Ấp Tắc Biển | 201 | 12 | 1.037 | 513 | 524 | 34 | 0 | |
| 7 | Ấp Nhưng Miên | 625 | 55 | 2.427 | 1.201 | 1.226 | 80 | 3 | |
| 8 | Ấp Kinh Ba | 141 | 10 | 560 | 277 | 283 | 14 | 2 | |
| 9 | Ấp Kinh Ráng | 234 | 7 | 966 | 478 | 488 | 5 | 19 | |
| 10 | Ấp Kinh Ranh | 283 | 9 | 1.220 | 604 | 616 | 18 | 5 | |
| 11 | Ấp Xóm Mới | 310 | 15 | 1.108 | 548 | 560 | 13 | 3 | |
| 12 | Ấp Xẻo Lá | 230 | 20 | 1.281 | 634 | 647 | 9 | 0 | |
| 13 | Ấp Xẻo Ngay | 265 | 19 | 1.274 | 631 | 643 | 14 | 6 | |
| 14 | Ấp Xưởng Tiện | 199 | 17 | 925 | 458 | 467 | 8 | 10 | |
| **Tổng số** | | **3196** | **193** | **13077** | **7016** | **7159** | **271** | | **61** |

## Hiện trạng sử dụng đất đai

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất (ha)** | **Số lượng (ha)** |
| **I** | **Tổng diện tích đất tự nhiên** | 13.112,6 |
| **1** | **Nhóm đất Nông nghiệp** | 12.102,16 |
| **1.1** | **Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp** | 686,95 |
| 1.1.1 | Đất lúa nước | 0 |
| 1.1.2 | Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía, rau màu: rau muống, cải các loại) | 53,95 |
| 1.1.3 | Đất trồng cây hàng năm khác | 0 |
| 1.1.4 | Đất trồng cây lâu năm (cây đước, mắm) | 686,95 |
| **1.2** | **Diện tích Đất lâm nghiệp** | 5372,49 |
| 1.2.1 | Đất rừng sản xuất (cây đước, mắm, vẹt) | 3.114,27 |
| 1.2.2 | Đất rừng phòng hộ (cây đước mắm) | 2.258,22 |
| 1.2.3 | Đất rừng đặc dụng | 0 |
| **1.3** | **Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản** | 5.796,75 |
| **1.3.1** | Diện tích thủy sản nước ngọt | 0 |
| **1.3.2** | Diện tích thủy sản nước mặn/lợ (nuôi tôm cua sinh thái) | 5.796,75 |
| **1.4** | **Đất làm muối** | 0 |
| **1.5** | **Diện tích Đất nông nghiệp khác**  (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh) | 13,8 |
| **2** | **Nhóm đất phi nông nghiệp** | 952,32 |
| **3** | **Diện tích Đất chưa Sử dụng** | 0 |
| **4** | **Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng** | 4 |
| * Đất nông nghiệp |
| * Đất ở |

## Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình sản xuất** | **Giá trị sản xuất của lĩnh vưc/ngành nghề (%)** | **Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)** | **Thu nhập bình quân/hộ** | **Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính (%)** | |
|  | **Nông nghiệp:** | | | | | |
| 1 | Trồng trọt | 0 | 1.502 | 15,8 triệu VND | | 92% |
| 2 | Chăn nuôi | 0 | 1.391 | 20,2 triệu VND | | 91% |
| 3 | Nuôi trồng thủy sản | 70 | 2.619 | 40,5 triệu VND | | 12 ,2% |
| 4 | Đánh bắt hải sản | 0 | 1.502 | 11,4 triệu VND | | 92% |
|  | **Tiểu thủ công nghiệp:** | | | | | |
| 5 | Sản xuất tiểu thủ công nghiệp | 0 | 95 | 250 (triệu VND/năm) | 67% | |
| 6 | Buôn bán | 8 | 718 | 450 (triệu VND/năm) | 72,56% | |
| 7 | Du lịch | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Rừng ngập mặn | 12 | 2.619 | 24,6 triệu VND | 3% | |

# Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

## 1. Lịch sử thiên tai

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại**  **thiên tai** | **Số thôn**  **bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | **Số lượng** | | |
| **1997** | **Bão số 5** | 14/14 ấp | * Nhưng Miên * Xẻo Ngay * Xẻo Lá * Tắc Biển * Biện Nhạn * Bàn Quỳ * Kinh Ba * Kinh Ranh * Kinh Ráng * Xóm Mới * Đồng Khởi * Cây Phước Láng Tròn * Xưởng Tiện | Số người chết do sập nhà và đi ghe hàng | Nam: 01 | Nữ:01 |
| Số người bị thương: | Nam: | Nữ: |
| Số nhà bị thiệt hại (Sập hoàn toàn: 34 căn, có 05 trường tạm, còn lại là tốc mái, hư một phần) | 1.200 | |
| Số trường học bị thiệt hại: | 4 | |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | 1 | |
| Số km đường bị thiệt hại: | 1,2 | |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | 19,2 | |
| Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0,9 | |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 450,8 | |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 76 | |
| Các thiệt hại khác…: | 0 | |
| **Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **Trên 10 tỷ VNĐ)** | |
|  | **Lũ lụt** |  | **0** | 0 | 0 | |
| **2016** | **Hạn hán** | 14/14 ấp | * Nhưng Miên * Xẻo Ngay * Xẻo Lá * Tắc Biển * Biện Nhạn * Bàn Quỳ * Kinh Ba * Kinh Ranh * Kinh Ráng * Xóm Mới * Đồng Khởi * Cây Phước * Láng Tròn * Xưởng Tiện | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 0 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,8 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 4,3 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 4.057 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác (chăn nuôi) | 3.120 con | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **9,4 tỷ VND** | |
|  | **Một số quan sát về nước biển dâng trong quá khứ** | 0 | 0 | 0 | 0 | |
|  | **Các loại thiên tai khác** | 0 | **0** | 0 | 0 | |
| **2012** | **Lốc xoáy** | 1/14 ấp | Ấp Nhưng Miên | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 0 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,8 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 1,2 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| 13.Ước tính thiệt hại kinh tế: | 40 triệu VND | |
| **2014** | **Lốc xoáy** | 1/14 ấp | Ấp Nhưng Miên | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 2 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,4 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0,72 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 1 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | 55 triệu VND | |
| **2015** | **Lốc Xoáy** | 1/14 ấp | Ấp Xưởng Tiện | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
|  |  |  |  | 3. Số nhà bị thiệt hại: | 1 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,3 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0,2 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **45 triệu VND** | |
| **2016** | **Lốc xoáy** | 1/14 ấp | Ấp Biện Nhạn | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 1 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **6 triệu VND** | |
| **2017** | **Lốc xoáy** | 6/14 ấp | * Ấp Bàn Quỳ * Biện Nhạn * Tắc Biển * Kinh Ba * Kinh Ráng * Kinh Ranh * Nhưng Miên | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 29 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,1 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0,8 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: |  | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 3 | |
| 12.Các thiệt hại khác (chăn nuôi) | 38 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **315 triệu VND** | |
| 2018 | **Lốc xoáy** | 6/14 ấp | * Ấp Tắc Biển * Nhưng Miên * Biện Nhạn * Xẻo Lá * Kinh Ba * Xóm Mới | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 16 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,3 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **215 triệu VND** | |
| 2014 | **Sạt lở** | 2 | Ấp Nhưng Miên,  Ấp Xưởng Tiện | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 3 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 1 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **295 triệu VND** | |
| **2015** | **Sạt lở** | 1/14 ấp | **Ấp Xưởng Tiện** | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 1 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **10 triệu VND** | |
| 2016 | **Sạt lở** | 1/14 ấp | Ấp Xẻo Lá | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 1 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **100 triệu VND** | |
| 2018 | **Sạt lở** | 1/14 ấp | **Ấp Xẻo Lá** | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 2 | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 0 | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 | |
| 12.Các thiệt hại khác | 0 | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế:** | **32 triệu VND** | |
| Hằng năm | **Triều cường (nước dâng)** | 14/14 ấp | * Nhưng Miên * Xẻo Ngay * Xẻo Lá * Tắc Biển * Biện Nhạn * Bàn Quỳ * Kinh Ba * Kinh Ranh * Kinh Ráng * Xóm Mới * Đồng Khởi * Cây Phước * Láng Tròn   Xưởng Tiện | 1.Số người chết/mất tích (Nam/Nữ) | 0 | |
| 2. Số người bị thương: (Nam/Nữ) | 0 | |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: | 532 căn nhà tam, yếu, ngập nước 1m | |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: | 0 | |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 | |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: | 12km bê tông  32% đường đất | |
| 7.Số ha rừng bị thiệt hại: | 0,3ha rừng phòng hộ | |
| 8.Số ha ruộng bị thiệt hại: | 0 | |
| 9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0,2ha | |
| 10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 57% | |
| 11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 20% | |
| 12.Các thiệt hại khác | **0** | |
| **13.Ước tính thiệt hại kinh tế hàng năm:** | **2,8 tỷ** | |

## Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến** | **Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai** | **Mức độ thiên tai**  **hiện tai**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** | **Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050**  **(Tăng, Giảm, Giữ nguyên)** | **Mức độ thiên tai**  **theo kịch bản**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** |
| 1 | Bão (Năm 1997) | 14 ấp  2.725 hộ | Cao | Tăng | Cao |
|  |
| 2 | Lũ lụt | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Hạn Hán | 14 ấp  2.725 hộ | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| 4 | Ngập lụt do nước dâng do bão | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Các dạng thiên tai khác (Triều cường, lốc xoáy kèm theo mưa to, sạt lở) | 14 ấp  2.725 hộ | Cao | Tăng | Cao |
| **Ghi chú khác** :   * ***Triều cường:*** là loại thiên tai thường xuyên xảy vào các tháng 10- 12 dương lịch của năm trước kéo dài đến tháng 1 năm sau. Triều cường dâng cao đến trên 1m kể từ cột mốc cao độ ở các ấp tiết giáp biển (Ấp Đồng Khởi, Kinh Ráng, Cây Phước, Láng tròn và Xưởng Tiện). Tám ấp còn lại (ấp Kinh Ráng, Bàn Quỳ, Xẻo Lá, Biện Nhạn, Tắc Biển, Kinh Ba, Xẻo Ngây và Nhưng Miên) ở phía trong xa biển bị ngập dưới 1m kể từ cột mốc cao độ. Riêng ấp Xóm mới do vị trí ở nơi cao nên không bị ảnh hưởng của triều cường, đây là nơi an toàn của xã. Đặc điểm triều cường là nước lên bất thường vào ban đêm (từ nửa đêm về sáng) và kéo dài trong khoảng 2-3 tiếng có khi 4- 5 tiếng là nước rút và có 8-10 đợt trong một tháng. Những năm gần đây nhiều hơn 10 đợt. * ***Sạt lở đất***: đã xảy ra vào các tháng 5, 6 và tháng 7 (trong thời gian có mưa to kèm lốc xoáy) làm cho đất bị sạt lở và gây thiệt hại cho 3/14 ấp (ấp Láng Tròn, Kinh Ranh và Xẻo Ngây). Sạt lở thường xảy ra ban đêm, vì ban đêm nước thấp hơn (sát hơn) ban ngày. Khi nước dâng chỉ bể đất, khi nước sát (thấp) sạt lở nhiều. Trong vòng 10 năm lại đây sạt lở đất xảy ra dọc mép biển kéo dài khoảng 12 km và sâu vào khu dân cư khoảng 30m. * ***Mưa to kèm Lốc xoáy***: thường xảy ra từ các tháng 5, 6, 7, 8 và 9 (Dương lịch). Số lốc xoáy xảy ra có chiều hướng tăng lên có năm có đến 6 trận lốc xoáy, sức gió mạnh hơn, xảy ra đột ngột, khoảng cách giữa các trận lốc xoáy gần nhau hơn và phạm vi ảnh hưởng rộng hơn vài chục mét so với 05 năm trước đây. Lốc xoáy xảy ra không tập trung mà rải rác ở nhiều ấp. Trong xã có 6/14 ấp thường xuyên bị thiệt hai do Lốc xoáy (Ấp Láng Tròn, Biện Nhạn, Tắc Biển, Xẻo Ngay, Nhưng Miên và Xóm Mới). | | | | | |

## Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



## Đối tượng dễ bị tổn thương

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn/Ấp** | **Đối tượng dễ bị tổn thương** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Trẻ em dưới 5 tuổi** | | **Trẻ em từ 5-18 tuổi** | | **Phụ nữ có thai\*** | **Người cao tuổi** | | **Người khuyết tật** | | **Người bị bệnh hiểm nghèo** | | **Người nghèo** | | **Người dân tộc thiểu số** | |
| Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |  | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |
| 1 | Bàn Quỳ | 30 | 71 | 79 | 160 | 5 | 34 | 57 | 5 | 6 | 0 | 0 | 10 | 18 | 0 | 2 |
| 2 | Biện Nhạn | 29 | 64 | 85 | 150 | 6 | 25 | 54 | 6 | 8 | 0 | 0 | 6 | 23 | 0 | 4 |
| 3 | Cây Phước | 50 | 66 | 67 | 111 | 3 | 28 | 53 | 2 | 4 | 0 | 0 | 2 | 16 | 3 | 7 |
| 4 | Đồng Khởi | 32 | 53 | 54 | 109 | 5 | 42 | 89 | 6 | 14 | 0 | 0 | 0 | 5 | 2 | 2 |
| 5 | Láng Tròn | 19 | 39 | 31 | 69 | 4 | 12 | 21 | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | 14 | 0 | 0 |
| 6 | Tắc Biển | 48 | 76 | 51 | 106 | 7 | 31 | 47 | 3 | 12 | 0 | 1 | 4 | 34 | 0 | 3 |
| 7 | Nhưng Miên | 103 | 246 | 152 | 300 | 17 | 128 | 223 | 18 | 34 | 1 | 3 | 33 | 80 | 2 | 6 |
| 8 | Kinh Ba | 25 | 42 | 62 | 126 | 6 | 30 | 56 | 1 | 5 | 0 | 0 | 1 | 14 | 1 | 3 |
| 9 | Kinh Ráng | 41 | 74 | 65 | 154 | 8 | 32 | 61 | 3 | 4 | 1 | 2 | 4 | 5 | 0 | 3 |
| 10 | Kinh Ranh | 46 | 91 | 86 | 172 | 7 | 43 | 82 | 6 | 7 | 0 | 0 | 5 | 18 | 1 | 6 |
| 11 | Xóm Mới | 29 | 62 | 102 | 198 | 9 | 31 | 99 | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | 13 | 2 | 7 |
| 12 | Xẻo Lá | 49 | 90 | 80 | 190 | 9 | 45 | 94 | 2 | 6 | 0 | 0 | 5 | 9 | 1 | 3 |
| 13 | Xẻo Ngay | 39 | 79 | 84 | 178 | 11 | 50 | 63 | 7 | 13 | 0 | 0 | 4 | 14 | 1 | 4 |
| 14 | Xưởng Tiện | 25 | 56 | 110 | 219 | 9 | 59 | 117 | 4 | 5 | 0 | 0 | 7 | 8 | 0 | 1 |
| **Ghi chú khác:** Trong xã có người dân tộc có 46 hộ gồm người Mường, Khơ Me và Người Hoa sinh sống. Người Mường chỉ có 1 hộ ở ấp Nhưng Miên, Người Khơ Me có: 40hộ, Người Hoa có: 05hộ sống trong 13/14 ấp. | | | | | | | | | | | | | | | | |

## Hạ tầng công cộng

### Điện

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ thống điện** | **Thô/Ấp** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị tính**  (cột/km/trạm) | **Hiện trạng** | |
| Kiên cố | Chưa kiên cố |
| 1 | Cột điện | 14/14 ấp | 2011 | 3040 cột | 2985 | 55 |
| 2 | Dây diện | 14/14 ấp | 2011 | 152 Km | 136 | 16 |
| 3 | Trạm điện | 12/14 ấp | 2011 | 94 Trạm | 93 | 11 |

### Đường và cầu cống

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn/Ấp** | **Số lượng đường, cầu, cống** | **ĐVT** | **Hiện trạng** | | |
| **I** | **Đường** | | | **Nhựa** | **Bê Tông** | **Đất** |
| 1 | **Nhưng Miên** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường tỉnh/huyện: | Km | 1,5 | 0 | 0 |
| Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 4,806 | 4 |
| Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 2 | **Kinh Ranh** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 7,454 | 1,5 |
| Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 3 | **Đồng Khởi** | Đường quốc lộ: | Km | 1,2km | 4km | 4,2% |
| Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
| Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 3,4km | 25% |
| Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 4 | **Xẻo Lá** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 5 | **Xóm Mới** | Đường quốc lộ: | Km | 1,1 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 3 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 4,287 | 50% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 6 | **Tắc Biển** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 2,2km | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 0 | 4km |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 85% |
| 7 | **Kinh Ba** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 1,4km | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 8 | **Kinh Ráng** | Đường quốc lộ: | Km | 2,5km | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 3km | 60% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 9 | **Bàn Quỳ** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 10 | **Xưởng Tiện** | Đường quốc lộ: | Km | 3,5 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 11 | **Láng Tròn** | Đường quốc lộ: | Km | 3km | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn/ấp: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 12 | **Cây Phước** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 13 | **Biện Nhạn** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | m | 200m | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 3,5km | 55% |
|  |  | Đường thôn: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| 14 | **Xẻo Ngay** | Đường quốc lộ: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường tỉnh/huyện: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường xã: | Km | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Đường thôn: | Km | 0 | 0 | 100% |
|  |  | Đường nội đồng: | Km | 0 | 0 | 100% |
| **II** | **Cầu, Cống** | | | **Kiên cố** | **Yếu** | **Tạm** |
| 1 | **Nhưng Miên** | Cầu giao thông bê tông: | Cái | 3 | 0 | 0 |
| Cống: | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 2 | **Kinh Ranh** | Cầu giao thông: | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Cống : | Cái | 0 | 1 | 0 |
| 3 | **Đồng Khởi** | Cầu giao thông: | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Cống | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 4 | **Xẻo Lá** | Cầu giao thông: | Cái | 3 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 5 | **Xóm Mới** | Cầu giao thông: | Cái | 3 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 6 | **Tắc Biển** | Cầu giao thông: | Cái | 2 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 7 | **Kinh Ba** | Cầu giao thông: | Cái | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 8 | **Kinh Ráng** | Cầu giao thông: | Cái | 4 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 9 | **Bàn Quỳ** | Cầu giao thông: | Cái | 3 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 10 | **Xưởng Tiện** | Cầu giao thông: | Cái | 3 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 11 | **Láng Tròn** | Cầu giao thông: | Cái | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 12 | **Cây Phước** | Cầu giao thông: | Cái | 5 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 13 | **Biện Nhạn** | Cầu giao thông: | Cái | 3 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 14 | **Xẻo Ngay** | Cầu giao thông: | Cái | 4 | 0 | 0 |
|  |  | Cống : | Cái | 0 | 0 | 0 |

### Trường

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trường** | **Thôn/Ấp\*** | **Năm xây dựng** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
| 1 | Mầm non\*\* | Ấp Nhưng Miên | 2017 | 12 | 12 | 0 | 0 |
| 2 | Trường PTCS:  - Tiểu học 1  - Tiểu học 2  - Tiểu học 3 | Ấp Nhưng Miên  Ấp Kinh Ráng  Ấp Xóm Mới | 2000  2007  2012 | 25  13  16 | 25  13  16 | 0  0  0 | 0  0  0 |
| 3 | Trường THCS | Ấp Nhưng Miên | 2005 | 21 | 21 | 0 | 0 |
| **Ghi chú khác:** Không có số liệu ghi “0”  (\*) Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường  (\*\*)Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê | | | | | | | |

### Cơ sở Y tế

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở Y tế** | **Thôn/Ấp** | **Năm xây dựng** | **Số Giường** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
|  | Bệnh viện\* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Trạm y tế | Ấp Nhưng Miên | 2013 | 5 | 13 | 13 | 0 | 0 |
|  | Cơ sở khám | Ấp Nhưng Miên | 2014 | 4 | 2 | 0 | 2 | 0 |

### Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trụ sở** | **Thôn/Ấp** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
| 1 | Trụ Sở UBND | Nhưng Miên | 2017 | 21 Phòng | 21 | 0 | 0 |
| 2 | Nhà văn hóa xã | 0 | 0 | Cái | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Nhà văn hóa thôn | 10 | 2010-2017 | Cái | 10 | 0 | 0 |
| Kinh Ba | 2017 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Xẻo Lá | 2017 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Kinh Ráng | 2013 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Kinh Ranh | 2015 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Xẻo Ngay | 2016 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Xưởng Tiện | 2016 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Xóm Mới | 2013 | Cái | 1 | 0 | 0 |  |
| Nhưng Miên | 2010 | Cái | 1 | 0 | 0 |
| Tắc Biển | 2016 | Cái | 1 | 0 | 0 |
|  | **Ghi chú khác:** Có 10/14 ấp đã xây dựng nhà văn hóa ấp, còn lại 04 ấp chưa có nhà văn hóa ấp và xã đang tiếp tục vận động vốn trong dân để xây dựng. | | | | | | |

### Chợ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chợ** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
| 1 | Chợ huyện/xã | 0 | 0 | Cái | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Chợ tạm/chợ cóc | Nhưng Miên | 0 | Cái | 0 | 0 | 0 | 1 |
| **Ghi chú khác:** Hiện nay xã chỉ mới có 1 chợ tạm tại ấp Nhưng Miên, xã đã có quy hoạch chợ, nhưng chưa thực hiện được do chưa có ngồn vốn để xây dựng. | | | | | | | | |

## Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị tính** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | | |
| **Kiên cố** | **Bán kiên cố** | **Chưa kiên cố** |
| 1 | **Ấp Xẻo Lá** | | | | | |
| Đê | 5 Km | 2012 | 5 | 0 | 0 |
| Kè | Km | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kênh mương | km | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cống thủy lợi | Cái | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Trạm bơm | Cái | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Ghi chú khác:** 1/14 ấp có đê ngăn triều cường với chiều dài 5 km chỉ mới đáp ứng được 0,5% nhu cầu của xã. Hiện xã cần xây dựng khoảng 36 km để ngăn triều cường cho các ấp ven biển và gần biển đê ngăn triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn (Ấp Đồng khởi, Kinh Ráng, Cây Phước, Xưởng Tiện, Láng Tròn). | | | | | | |

## Nhà ở

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn/ấp** | **Số hộ** | **Nhà kiên cố** | **Nhà bán kiên cố** | **Nhà thiếu kiên cố** | **Nhà đơn sơ** |
| 1 | Nhưng Miên | 625 | 187 | 251 | 117 | 70 |
| 2 | Biện Nhạn | 160 | 47 | 64 | 34 | 15 |
| 3 | Bàn Quỳ | 159 | 48 | 63 | 30 | 18 |
| 4 | Láng Tròn | 74 | 23 | 29 | 12 | 10 |
| 5 | Cây Phước | 150 | 43 | 61 | 35 | 11 |
| 6 | Kinh Ráng | 234 | 71 | 94 | 63 | 6 |
| 7 | Kinh Ranh | 283 | 85 | 113 | 74 | 11 |
| 8 | Xẻo Ngay | 265 | 79 | 107 | 66 | 13 |
| 9 | Xẻo Lá | 230 | 68 | 93 | 63 | 6 |
| 10 | Đồng Khởi | 165 | 50 | 66 | 42 | 7 |
| 11 | Xưởng Tiện | 199 | 59 | 80 | 51 | 9 |
| 12 | Tắc Biển | 201 | 62 | 80 | 35 | 25 |
| 13 | Kinh Ba | 141 | 42 | 56 | 29 | 14 |
| 14 | Xóm Mới | 310 | 92 | 124 | 84 | 10 |
| **Tổng** | | **3196** | **956** | **1280** | **733** | **223** |

## Nước sạch, vệ sinh và môi trường

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt** | | | | | **Số hộ sử dụng nhà vệ sinh** | | |
| **Giếng**  **(đào/**  **khoan)** | **Nước máy** | **Trạm cấp nước công cộng** | **Tự chảy** | **Bể chứa nước** | **Hợp vệ sinh**  **(tự hoại, bán tự hoại)** | **Tạm** | **Không có** |
| 1 | Nhưng Miên | 625 | 398 | 227 | 3 | 0 | 0 | 495 | 130 | 0 |
| 2 | Đồng Khởi | 165 | 131 | 0 | 0 | 0 | 0 | 129 | 02 | 0 |
| 3 | Kinh Ráng | 234 | 219 | 0 | 0 | 0 | 0 | 203 | 32 | 0 |
| 4 | Kinh Ranh | 283 | 274 | 0 | 0 | 0 | 0 | 251 | 32 | 0 |
| 5 | Biện Nhạn | 160 | 147 | 0 | 0 | 0 | 0 | 136 | 24 | 0 |
| 6 | Bàn Quỳ | 159 | 147 | 0 | 0 | 0 | 0 | 113 | 48 | 0 |
| 7 | Tắc Biển | 201 | 198 | 0 | 0 | 0 | 0 | 158 | 53 | 0 |
| 8 | Kinh Ba | 141 | 138 | 0 | 0 | 0 | 0 | 113 | 28 | 0 |
| 9 | Cây Phước | 150 | 145 | 0 | 0 | 0 | 0 | 109 | 41 | 0 |
| 10 | Láng Tròn | 74 | 68 | 0 | 0 | 0 | 0 | 51 | 23 | 0 |
| 11 | Xưởng Tiện | 199 | 181 | 0 | 0 | 0 | 0 | 180 | 19 | 0 |
| 12 | Xóm Mới | 310 | 307 | 0 | 0 | 0 | 0 | 301 | 09 | 0 |
| 13 | Xẻo Ngay | 265 | 256 | 0 | 0 | 0 | 0 | 240 | 25 | 0 |
| 14 | Xẻo Lá | 230 | 228 | 0 | 0 | 0 | 0 | 211 | 19 | 0 |
| ***Tổng*** | | ***3196*** | ***2837*** | ***227*** | ***03*** | ***0*** | ***0*** | ***2.690*** | ***506*** | 0 |

## Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch bệnh phổ biến** | **Trẻ em** | **Phụ nữ** | **Nam giới** | **Trong đó Người cao tuổi** | **Trong đó Người khuyết tật** |
|  | Sốt rét | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Sốt xuất huyết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Viêm đường hô hấp | 48 | 25 | 61 | 07 | 08 |
|  | Tay chân miệng | 03 | 0 | 01 | 0 | 0 |
|  | Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo) | 99 | 99 | 0 | 0 | 0 |
| **Ghi chú khác**: Số liệu do Trạm Y tế xã cung cấp theo Báo cáo 6 tháng đầu năm 2018 | | | | | | |

## Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại rừng** | **Năm trồng rừng** | **Ấp** | **Tổng diện tích (ha)** | **Tỷ lệ thành rừng** | **Các loại cây được trồng bản địa** | **Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng** | **Diện tích do dân làm chủ rừng** |
| 1 | Rừng ngập mặn sản xuất | 1993 | Cây Phước | 375ha | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 85% |
|  |  |  | Xẻo Ngay | 810 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| Tắc Biển | 747 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| Xóm Mới | 715 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
|  | Xẻo Lá | 820 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| Kinh Ba | 301,31 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| Nhưng Miên | 390,2 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| Biện Nhạn | 295 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| Bàn Quỳ | 250,7 | 100% | Đước | Tôm, cua, cá | 100% |
| 2 | Rừng ngập mặn phòng hộ | 1994 | Xưởng Tiện | 485,10 | 100% | Đước | Bắt thủ công ốc, ba khía, cua, thòi lòi, vọp… | 0 |
|  |  |  | Đồng Khởi | 264,3 | 100% | Đước | Bắt thủ công ốc, ba khía, cua, thòi lòi, vọp… | 0 |
| Láng Tròn | 130,9 | 100% | Đước | Bắt thủ công ốc, ba khía, cua, thòi lòi, vọp… | 0 |
| Kinh Ráng | 430,5 | 100% | Đước | Bắt thủ công ốc, ba khía, cua, thòi lòi, vọp… | 0 |
| 3 | Rừng trên cát | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Rừng tự nhiên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng | Hàng năm | Các ấp chưa đảm bảo 70% diện tích trồng rừng theo quy định | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Rừng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** |  |  | **5.714,1** |  |  |  |  |
| **Ghi chú khác:**   * Rừng ngập mặn do Ban Quản lý rừng Nhưng Miên thuộc Sở NNPTNT quản lý. 14/14 ấp đều có rừng ngập mặn sản xuất và người dân có sổ giao khoán đất lâm nghiệp sử dụng 20 năm. Rừng ngập mặn sản xuất nằm xen kẽ trong vùng ao nuôi thuỷ sản sinh thái. Theo quy định 7/3 (rừng 7 và nuôi TTS 3), nhưng thực tế người dân chỉ đảm bảo được 40-50% diện tích trồng rừng số còn lại đều sử dụng NTTS. Tổng diện tích rừng ngập mặn sản xuất của toàn xã là: 3.179,7ha trồng cây Đước và sau 15 năm trở lên thu hoạch một lần. Việc thu hoạch do Ban Quản lý Rừng thiết kế quyết định. * Rừng phòng hộ và rừng phòng hộ rất xung yếu nằm ở 4 ấp của xã (Ấp Đồng Khởi, Kinh Ráng, Láng Tròn và Xưởng Tiện) với tổng diện tích là: 2.560ha hàng năn phảo trồng thay thế những cây bị sạt lở, chết, gãy đổ và chặt phá. | | | | | | | | |

## Hoạt động sản xuất kinh doanh

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Thôn/Ấp** | **Đơn**  **vị tính** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| Tiềm năng phát triển (\*) | Tỷ lệ (%) thiệt hại (\*\*) |
| G  1 | **Trồng trọt** |  |  |  |  |  |  |
| a. Lúa |  | Ha | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b. Rau ăn dùng cho gia đình, không sản xuất tập trung chỉ tận dụng đất bở bao vuông tôm, quanh nhà. | 14/14 | 53,2ha | 2.600 | 80% | Thấp | Thấp |
| c. Cây lâu năm |  | Ha | 0 | 0 | 0 | 0 |
| d. Cây hàng năm |  | Ha | 0 | 0 | 0 | 0 |
| e. Cây ăn quả |  | Ha | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | **Chăn nuôi: quy mô hộ gia đình nhỏ (3-5 con heo/hộ và gia cầm khoảng 20-70 con/hộ) rãi rác trên 14 ấp.** |  |  |  |  |  |  |
| a. Gia súc: heo | 14/14 | Hộ | 1.391 | 90% | Thấp | 40% |
| b. Gia cầm: | 14/14 | Hộ | 1.391 | 90% | Thấp | 60% |
| 3 | **Thủy Hải Sản Đánh bắt** |  | Hộ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| a. Người dân đi biển |  | Hộ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b. Tàu thuyền gần bờ |  | Tàu | 0 | 0 | 0 | 0 |
| c. Tàu thuyền gần bờ |  | Tầu | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | **Nuôi trồng thuỷ sản sinh thái (tôm, cua, cá)** | **Thôn/Ấp** | **Đơn**  **vị tính** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| Tiềm năng phát triển (\*) | Tỷ lệ (%) thiệt hại (\*\*) |
| a. Bãi nuôi |  | Ha | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b. Ao, hồ nuôi | Nhưng Miên | Ha | 125/625 | 67% | Cao | 57% |
| Đồng Khởi | 229 | 121/165 hộ | 78,3% | Trung bình | 45% |
| Kinh Ráng | 559,4 | 160/234 hộ | 36,3% | Trung bình  (tôm , cua) | 50% |
| Kinh Ranh | 560 | 189/283 hộ | 65% | Trung bình | 55% |
| Biện Nhạn | 495 | 127/160 hộ | 52% | Trung bình | 38% |
| Bàn Quỳ | 328 | 118/141 hộ | 50% | Tôm sú, cua | 50%  (do mưa nhiều và nhiệt độ tang) |
| Kinh Ba | 390 | 111/141 hộ | 70% | Trung bình | 50% |
| Cây Phước | 385 | 112/150 hộ | 90% | Khá | 61% |
| Láng Tròn | 160 | 55/74 hộ | 85% | Trung bình | 50% |
| Xưởng Tiện | 480 | 136/156 hộ | 45% | Trung bình | 60% |
| Xóm Mới | 825 | 258/310 hộ | 42% | Trung bình  (tôm cua) | 35% |
| Xẻo Ngay | 810,4 | 181/265 hộ | 80% | Trung bình | 40-50% |
| Xẻo Lá | 832 | 203/230 hộ | 50% | Nuôi tôm sú sinh thái (bán thâm canh) | 40-50%  (do nắng mưa thất thường) |
|  | Tắc Biển | 747 | 165/210 hộ | 55% | Trung bình  (Tôm, cua, cá) | 80%  (do mưa nhiều ngọt hóa môi trường nước gây dịch bệnh) |
| c. Lồng bè |  | Cái | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | **Du lịch** | 14/14ấp | hộ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn | 14/14 | Điểm/khách sạn | 0 | 0 | 0 | 0 |
| b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | 14/14 | Điểm/  trung tâm | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Buôn bán và dịch vụ khác (thu mua tôm cá nguyên liệu, tạp hoá) | Nhưng Miên | Hộ | 125 | 65% | Cao | 70% |
|  |  | Đồng Khởi | Hộ | 06 | 50% | Cao | 60% |
| Kinh Ranh | Hộ | 09 | 57% | Cao | 62% |
| Xẻo Ngay | Hộ | 15 | 72% | Cao | 75% |
| Xẻo Lá | Hộ | 10 | 82% | Cao | 76% |
| Xóm mới | Hộ | 09 | 74% | Cao | 52% |
| 7 | Hộ không có đất sản xuất phải đi làm thuê, bắt Ba khía, ốc…dọn dẹp nhà thuê sau triều rút | Nhưng Miên | Hộ | 460/625 | 80% | Cao | 40% |
|  |  | Đồng Khởi | Hộ | 45/165 hộ | 40% | Thấp | 50% |
|  |  | Kinh Ráng | Hộ | 52/234 hộ | 42% | Thấp | 55% |
|  |  | Kinh Ranh | Hộ | 61/283 hộ | 40% | Thấp | 45% |
|  |  | Biện Nhạn | Hộ | 15/160 hộ | 32% | Thấp | 50% |
|  |  | Bàn Quỳ | Hộ | 54/141 hộ | 56% | Thấp | 45% |
|  |  | Kinh Ba | Hộ | 39/141 hộ | 48% | Thấp | 40% |
|  |  | Cây Phước | Hộ | 43/150 hộ | 35% | Thấp | 45% |
|  |  | Láng Tròn | Hộ | 36/74 hộ | 54% | Thấp | 40% |
|  |  | Xưởng Tiện | Hộ | 48/156 hộ | 42% | Thấp | 40% |
|  |  | Xóm Mới | Hộ | 18/310 hộ | 86% | Thấp | 45% |
|  |  | Xẻo Ngay | Hộ | 63/265 hộ | 52% | Thấp | 55% |
|  |  | Xẻo Lá | Hộ | 22/230 hộ | 28% | Thấp | 40% |
|  |  | Tắc Biển | Hộ | 53/210 hộ | 48% | Thấp | 45% |
| **Ghi chú khác:**   * Hộ không có đất phải đi làm mướn, khai thác thuỷ sản thủ công (bắt ba khía, ốc, tôm, cá…). Những hộ này đa số là hộ nghèo và cận nghèo. Một số hộ tuy không có đất sản xuất nhưng có dịch buôn bán tạp hoá, thu mua hải sản (những hộ này thuộc hộ khá, có vốn làm ăn nên khả năng phòng ngừa rủi ro thiên tai tốt hơn những hộ khác). * Hộ không có đất sản xuất tập trung nhiều nhất ở Ấp Nhưng Miên, số còn lại ở rãi rác các ấp. | | | | | | | |

## Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Địa bàn ấp** |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | 95% | 95% | 14/14ấp |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | 95% | 95% | 14/14ấp |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | loa | 30 | 14/14 ấp |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 | 14/14 ấp |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 | 0 |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Hồ chứa | 0 | 0 |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | hộ | 1917  (70%) | 14/14 ấp |
| **Ghi chú khác:** Ngoài hệ thống truyền thanh không giây, xã còn có nhóm truyền thông lưu động chạy ghe/xuồng dọc kênh rạch để thong báo cảnh báo sớm cho dân. | | | | |

## Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng Ấp có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm | Ấp | 0 | Theo kế hoạch PCTT của xã |
| 2 | Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm | Trường | 0 | Theo kế hoạch PCTT của xã |
| 3 | Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã | Lần | 0 | * Chưa được tổ chức lần nào |
| 4 | Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã | Người | 37 | * Cán bộ xã: 18 * Hiệu Trưởng các trường: 05 * Trưởng các ấp: 14 |
| * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 06  (Có 01 hiệu trưởng) | * Phụ trách tài chính, tham mưu kinh phí * Văn phòng, tổng hợp số liệu báo cáo * Phối hợp với các ngành đoàn thể để làm công tác tuyên truyền |
| * Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu | Người | 0 | Chưa tổ chức tập huấn lần nào |
| 5 | Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã | Người | 10/ấp | 14/14 ấp |
| * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 0 | Chưa chú ý đến sự tham gia của nữ |
| 6 | Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng | Người | 0 | Chưa thành lập được đội truyên truyền, tuy vậy trong trường hợp cảnh báo khẩn cấp thì xã chỉ đạo phân công thành viên Ban PCTT phối hợp với ấp. |
| * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 0 | Nữ không tham gia |
| 7 | Số lượng Phương tiện PCTT tại xã: |  |  |  |
| * Ghe, thuyền: | Chiếc | 02 | Đã hư |
| * Áo phao * Phao tròn * Aso mưa | Cái | 38  51  10 | Chủ yếu cho Ban PCTT xã |
| * Loa cầm tay | Chiếc | 02 | Còn sử dụng được cho Ban PCTT xã, các ấp chưa ấp nào có |
| * Đèn pin | Chiếc | 09 | Còn sử dụng được |
| 8 | * Máy phát điện dự phòng | Chiếc | 01 | Còn sử dụng được 2 xã Viên An Đông và Viên An và đặt tại xã Viên An Đông |
| * Lều bạt | Chiếc | 0 | Chưa được trang cấp |
| * Xe vận tải | Chiếc | 0 | Không có hộ nào có xe vận tải |
| 9 | Số lượng vật tư thiết bị dự phòng |  | Có dự phòng | Số lượng ít, không đủ dùng |
| * Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ | Đơn vị |  |  |
| 10 | Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ | Đơn vị | 14/14 ấp | 98% hộ không có túi thuốc cứu thương (trừ gia đình cán bộ Y tế) |

## Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

* Nuôi trồng thuỷ sản sinh thái (nuôi tôm, cua thương phầm và sản xuất tôm, cua giống)
* Rừng ngập mặn sản xuất

## Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ** | **Ấp**  **Bàn Quỳ** | **Ấp Xéo Lá** | **Ấp Xưởng Tiện** | | **Ấp Xóm Mới** | **Ấp**  **Tắc Biển** | **Ấp Kinh Ráng** | **Ấp kinh Ba** | **Ấp Cây Phước** | **Ấp Biển Nhạn** | **Ấp Đồng Khởi** | **Ấp Láng Tròn** | **Ấp Kinh Ranh** | **Ấp Xẻo Ngây** | **Ấp Nhưng Miên** | **Khả năng của xã**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| 1 | Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | Trung bình  (60 % dân được tập huấn nhiều, trình độ tiếp thu hạn chế) | Cao  (85% có ý thức, kiến thức) | TB  (60% có ý thức, thiếu kiến thức) | TB  (65% có ý thức, thiếu kiến thức) | | Thấp  (45% có ý thức, thiếu kiến thức) | Thấp  (50% có ý thức, thiếu kiến thức) | Trung bình  70% | Trung bình  (60% có ý thức, thiếu kiến thức) | Cao  80 % dân có kiến thức và ý thức PCTT | TB  (50% có ý thức) | TB  (50% có ý thức) | Cao  (85% có ý thức, kiến thức) | Trung bình  (65% có ý thức, thiếu kiến thức) | TB  (65% có ý thức, thiếu kiến thức) | Trung bình |
| 2 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  250% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | | Thấp  (20% có ý thức) | Thấp  (50% | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (20% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (20% có ý thức) | Thấp  (35% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | hấp |
| * Điện | Cao  (80% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (75% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (80% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (90% có ý thức, hiểu biết) | | Cao  (80% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (70% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (85% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (80% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (70% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (85% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (70% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (70% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (80% có ý thức, hiểu biết) | Cao  (80% có ý thức, hiểu biết) | Cao |
| * Đường và cầu cống | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| * Trường | TB | TB | TB | TB | | TB | TB | TB | TB | TB | TB | TB | TB | TB | TB | TB |
| * Trạm | Thấp | Thấp | Thấp | Cao  (75%) | | Cao  (90%) | Thấp  (50% | TB  (65%) | Cao (90%) | Thấp | Thấp  (50% | TB  (65%) | Cao (90%) | Thấp | Thấp  50% | TB |
| * Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa | Thấp | Thấp | Thấp | Cao  (85% có ý thức) | | Cao  (90% có ý thức) | TB  (65% có ý thức) | TB  (65% có ý thức) | Cao  (95% có ý thức) | TB  (65% có ý thức) | TB  (60% có ý thức) | TB  (60% có ý thức) | TB  (60% có ý thức) | TB  (65% có ý thức) | TB  (60% có ý thức) | TB |
| * Chợ | Thấp  0% | Thấp  0% | Thấp0% | Trung bình  65% | | Cao  100% | Thấp  55% | Trung bình  65% | Cao  95% | Thấp  0% | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| 3 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi | Thấp | Thấp  0%  (mặc dầu ấp có  5km đê) | Thấp | Thấp | | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp | Thấp |
| 4 | Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa | Thấp  50%  Hộ dân | Cao  85% | Trung bình  60% | Cao  80% | | Thấp  45% | Trung bình  60% | Thấp  50% | Thấp  52% | Cao  85% | Cao  (75% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Cao  (80% có ý thức) | Cao  (80% có ý thức) | Cao  (80% có ý thức) | Cao |
| 5 | Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (30% | Cao  80% cosyx thức) | Cao  (80% có ý thức) | | Trung bình  (60%  Có ý thức) | TB  (60% có ý thức) | TB  (55% có ý thức) | Cao  (86% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (30% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp |
| 6 | Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế  Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân | Trung bình  (60% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Trung bình  (60% có ý thức) | | Thấp  (40% có ý thức) | Trung bình  60% | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | Thấp  (40% có ý thức) | TB  (60% có ý thức) | Thấp |
| 7 | Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý | Trung bình  (70% có ý thức) | Cao  (85% có ý thức) | Trung bình  (65% có ý thức) | Trung bình  (65% có ý thức) | | Cao  (90% có ý thức) | Cao  75% có ý thức) | Cao  (90% có ý thức) | Cao  (90% có ý thức) | Cao  (75% có ý thức) | Cao  (90% có ý thức) | Cao  (75% có ý thức) | Cao  (85% có ý thức) | Cao  (90% có ý thức) | Cao  (90% có ý thức) | Cao |
| 8 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | TB  (70% có ý thức, thiếu kiến thức) | Cao  (90% có ý thức, kiến thức) | TB  (70% có ý thức, thiếu kiến thức) | Cao  (80% có ý thức, kiến thức) | | Cao  (90% có ý thức, kiến thức) | Cao  (90% có ý thức, kiến thức) | Cao  (85% có ý thức, kinh nghiệm) | Cao  (90% có ý thức, kiến thức) | Cao  (90% có ý thức, kinh nghiệm) | Cao  (80% có ý thức, kiến thức) | Cao  (75% có ý thức, kiến thức) | Cao  (80% có ý thức, kiến thức) | Cao  (80% có ý thức, kiến thức) | Cao  (90% có ý thức, kiến thức) | Cao |
| 9 | Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | Cao  (85% có điện thoại DĐ) | Cao  (85% có điện thoại DĐ) | Trung bình  (65% có điện thoại DĐ) | Trung bình  (65% có điện thoại DĐ) | | Cao  (100% có điện thoại DĐ) | Cao  (90% có điện thoại DĐ) | Cao  (90% có điện thoại DĐ) | Cao  (95% có điện thoại DĐ) | Cao  (85% có điện thoại DĐ) | Cao  (90% có điện thoại DĐ) | Cao  (95% có điện thoại DĐ) | Cao  (90% có điện thoại DĐ) | Cao  (85% có điện thoại DĐ) | Cao  (100% có điện thoại DĐ) | Cao |
|  | **Khả năng của thôn**  (Cao, Trung Bình, Thấp) | **Trung bình** | **Cao** | **Trung bình** | **Trung bình** | | **Cao** | **Cao** | **Trung bình** | **Cao** | **Cao** | **TB** | **TB** | **Cao** | **TB** | **Cao** | **Trung bình** |

# Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

## Rủi ro với dân cư và cộng đồng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều Cườngngập nước, sạt lở và mưa to kèm lốc xoáy** | **Ấp Nhưng Miên** | 625 hộ | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ 70/625 hộ * Nhà thiếu kiên cố: 117/625 hộ * Đường đất đen: 4 km * 398/625 hộ sử dụng nước giếng khoan * 130/625 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 187/625 hộ và nhà bán kiên cố: 251/625 hộ * Có 1 trạm y tế * Có 3 trường học kiên cố có thể làm nơi trú bão (01 trường mẫu giáo, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS) * 1 trụ sở UBND xã đang xây dựng kiên cố làm nơi trú bão được. * Đường tỉnh huyện 1,5 km đã được bê tông hóa * Đường liên ấp 4,8 km đã được bê tông hóa * 3 cây cầu kiên cố * 227 hộ sử dụng nước máy * 495/625 hộ có nhà vệ sinh tự hoại * 01 trạm truyền thanh trên địa bàn ấp * 95% hộ gia đình có TV. | * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao. * Nhà bị hư hỏng,   Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình.   * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi làm công tác ứng cứu | Trung bình  (Ấp trung tâm xã có nhà đơn sơ và yếu ít, nhà kiên cố nhiều, dân trí và ý thức của dân cao hơn các ấp khác) |  |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em:546 (255 nữ) * Người già:223 (128 nữ) * Người khuyết tật: 34 (18 nữ) * Người nghèo: 80 (33 nữ) * Phụ nữ mang thai: 17 | **Tổ chức, Xã hội:**   * Đội PCTT (80% nam, 20% nữ), * Đội Phòng cháy chữa cháy( 100% nam), đội bảo vệ môi trường (100% nam) * Chính quyền địa phương và các đoàn thể thường xuyên nhắc nhở trước mùa nước dâng. |  |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * Chưa có tập huấn về sơ cấp cứu, người dân thường sơ cấp cứu dựa theo kinh nghiệm * 30% người dân chưa có kỹ năng bơi lội * Người dân chưa có kiến thức về PCTT, đa số theo kinh nghiệm | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Có các buổi tập huấn về phòng ngừa dịch bệnh * 70% người dân có kỹ năng bơi lội * Đa số người dân có ý thức chủ động chằng chống nhà cửa, kê cao đồ đạc khi triều dâng * 60% hộ dân được tiếp cận với internet |  |
| **Triều Cườngngập nước, sạt lở và mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** | 160 | **\*Vật chất:**   * 100% ấp thường xuyên bị ngập triều cường dưới 1m * 34 căn nhà yếu, 15 căn nhà tạm * 100% đường nội đồng bằng đất đen đi lại trơn trượt sau triều rút * Trạm y tế xã cách ấp 3 km (chưa thuận tiện cho hộ dân khám và trị bệnh và ứng cứu khẩn cấp). * Không có điểm trưởng ở ấp nên học sinh phải đi đò nguy hiểm tính mạng * 10% hộ kinh tế khó khăn khô đủ kinh tế để làm gác kê đồ | **\*Vật chất:**   * 0,2km lộ nhựa và 3,5km lộ bê tong * Cột điện trước và sau chia hơi đều bằng cột bê tong * 03 cầu bê tong * Hệ thông loa truyền thanh không dây phủ được 100% hộ dân * 100% hộ có TV, điện thoại di động | * Phụ nữ và trẻ em có nguy cơ đuối nước * Nguy cơ sạt lở 30% đường đất đen nội đồng gần sông * Nhà ở có nguy cơ hư hỏng, xuống cấp nhanh * Nguy cơ hư hỏng vật dụng gia đình | Cao  (Đối tượng DBTT nhiều, thiếu kỹ năng bơi, 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 214 (114 nữ) * Người già: 54 (25 nữ) * Người khuyết tật: 8 (6 nữ) * Người nghèo; 23 (06 nữ) * Phụ nữ mang thai: 06 | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT với 10 người (2 nữ) * Thường xuyên tuyên truyền cảnh báo sớm cho dân * Ấp tổ chức huy động thanh niên hỗ trợ các gia đình khó khăn thiếu nhân lực dọn dẹp nhà ở sau triều rút |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi * 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT * 30% hộ còn chủ quan không kê đồ đạc chạy triều cường | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% hộ dân biết bơi (người lao động chính) * 60-70% hộ có ý thức kê đồ lên cao, gia cố nhà ở phòng chống triều cường |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu và nhà đơn sơ là 48 căn * 100 % đi lại bằng đường đất, khi thủy triều dâng đi lại bằng xuồng * 38 hộ chưa có điện kế chính, chia lại của người khác sử dụng * 15% cột điện sau chia lại của người khác chưa đảm bảo (cột cây) * Trạm Y tế cách xa ấp khoảng 7km (bất tiện cho việc khám trị bệnh) * Học sinh đi bọc xa (7km) bằng đò nguy hiểm đuối nước * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 48 căn * Nhà bán kiên cố: 63 căn * Tổ PCTT ấp có 10 người có 02 nữ tham gia làm hậu cần , tuyên truyền * 100% hộ có võ máy | * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng. * Nhà bị hư hỏng, * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi làm công tác ứng cứu | Cao  (Đối tượng DBTT nhiều, thiếu kỹ năng bơi, 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT và phương tiện) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 231 (109 nữ) * Người cao tuổi: 57 (43 nữ) * Người khuyết tật: 6 (5 nữ) * Hộ nghèo: 18 (10 nữ) * Phụ nữ mang thai: 05 * 65% hộ không có điều kiện kinh tế làm nhà cao cẳng tránh triều cường | **Tổ chức, Xã hội:**   * Có đội thông báo thông tin của ấp * Ấp thường xuyên thông tin cảnh báo thủy triều lên xuống cho dân biết * 40% hộ có nhà kiên cố |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 100% hộ chưa được tập huấn kiến thức PCTT * 70% phụ nữ và trẻ em không biết bơi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân biết bơi giỏ (lao động chính của gia đình) * 35% hộ có điều kiện cất nhà cao cẳng |
| **Triều Cườngngập nước và sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** |  | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu và tạm có 85 * 13 hộ chưa có điện kế chính * Trạm Y tế cách xa ấp khoảng 4km (bất tiện cho việc khám trị bệnh) * Học sinh đi bọc xa (4km) bằng đò nguy hiểm đuối nước * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . * Khoảng 87% đường đất đen thường xuyên bị ngập, satk lỡ đi lại khó khăn | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 85 căn và nhà bán kiên cố là 113 căn * 7,454km lộ bê tông * Có 01 cây cầu bê tong * 95% hộ dân sử dụng điện kế an toàn | * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng. * Nhà bị hư hỏng, * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi làm công tác ứng cứu | Cao  (Đối tượng DBTT nhiều, thiếu kỹ năng bơi, 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT và phương tiện) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 263 (132 nữ) * Người già:82 (43 nữ) * Người khuyết tật: 7 (6 nữ) * Người nghèo: 18 (5 nữ) * Phụ nữ mang thai: 7 * 45% hộ không có điều kiện kinh tế làm nhà cao cẳng tránh triều cường * Tổ PCTT chưa được trang bị kỹ năng sơ cấp cứu * 65% hộ không có điều kiện kinh tế làm nhà cao cẳng tránh triều cường | \* Tổ chức, Xã hội:   * Ấp có Tổ PCTT với 10 người (2 nữ) * Thường xuyên tuyên truyền cảnh báo sớm cho dân * Ấp tổ chức huy động thanh niên hỗ trợ các gia đình khó khăn thiếu nhân lực dọn dẹp nhà ở sau triều rút * 35% hộ có điều kiện kinh tế làm nhà cao cẳng tránh triều cường |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 100% hộ chưa được tập huấn kiến thức PCTT * 80% phụ nữ và trẻ em không biết bơi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% phụ nữ và trẻ em biết bơi * 65% người dân biết bơi (lao động chính) |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu và nhà đơn sơ là 49/165 hộ. * Trạm y tế xa ấp 12km * Có đường lộ bê tông nhưng không di chuyển được khi nước dâng * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố, bán kiên cố 116/165 hộ. * Gần trường Tiều học 2 (điểm trú ẩn kiên cố) * 100% hộ dân có phương tiện đi lại, nghe nhìn (vỏ máy, tivi, radio, loa phát thanh) | * Nguy cơ thiệt hại nhà cửa (sập, tốc mái), mất mát tài sản (trôi, ướt). * Nguy cơ xảy ra tai nạn điện . * Nguy cơ xảy ra tai nạn đuối nước. | Cao  (Đối tượng DBTT nhiều, thiếu kỹ năng bơi, 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT và phương tiện) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Thời gian nước dâng khoảng 2-3 tiếng, mức nước dâng khoảng 30-50cm. * Trẻ em: 162 (Nữ 86). * Phụ nữ mang thai: 5 người. * Người cao tuổi: 89 (42 nữ) * Người khuyết tật: 14 (6 nữ) và 2 người nghèo. | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Có kinh nghiệm trong công tác phòng tránh. * Có tổ của ấp sẵn sàng hỗ trợ nhân dân di dời khi nước dâng. * Thường xuyên tuyên truyền cảnh báo sớm cho dân |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi * 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT * 40% hộ còn chủ quan không kê đồ đạc chạy triều cường | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% hộ dân biết bơi (người lao động chính) * 60% hộ có ý thức kê đồ lên cao, gia cố nhà ở phòng chống triều cường |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu (nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố) 69/234 hộ (30%) * Không có tạm y tế và Xa trạm y tế trên 12km. * Di chuyển chủ yếu bằng đường thủy, 100% lộ đất đen (4km) bị ngập. * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố, bán kiên cố 165/234hộ. * Đường nhựa chạy qua ấp là 2,5km và 3km đường bê tông * Gần trường Tiều học đạt chuẩn quốc gia (điểm trú ẩn an toàn). * Có 5 cụm loa phát thanh. * Trên 80% hộ dân được hạ thế điện thắp sáng. * 100% hộ dân có phương tiện đi lại, nghe nhìn (vỏ máy, tivi, radio) | * Nguy cơ hư hại nhà cửa, mất mát tài sản (trôi, ướt) * Nguy cơ hư hại tài sản của người dân. * Ô nhiễm môi trường | Cao  (Đối tượng DBTT nhiều, thiếu kỹ năng bơi, 100% hộ dân và Tổ PCTT ấp chưa được tập huấn kiến thức PCTT và phương tiện) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Chưa thành lập được đội PCTT của ấp. * Thành viên Ban PCTT xã (trưởng ấp làm thành viên) chưa phát huy vai trò. có xây dựng kế hoạch những chưa tham khảo hoặc lấy ý kiến của các thành viên trong Ban PCTT. * Trẻ em: Nữ 106/228 em, trong đó 41/74 trẻ em dưới sáng tạo. * Phụ nữ mang thai: 8 người. * Người cao tuổi: 32 nữ/61 * Người khuyết tật: 3 nữ/4 * Người bị bệnh hiểm nghèo 1/2 . * Người nghèo 2 nữ/10 hộ. * 25% hộ khó khăn không có điều kiện làm nhà cao cẳng * 80% không đủ khả năng xây bờ bao chống nước dâng | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ban PCTT xã có được tập huấn, được triển khai các cuộc họp. * Chính quyền địa phương và các đoàn thể thường xuyên nhắc nhở trước mùa nước dâng. * Khoảng 20% có đầu tư làm bờ bao chống ngập nhà * Tổ PCTT của ấp có kỹ năng bơi tốt, có sức khoẻ và nhiệt tình giúp dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Trên 50% dân còn chủ quan trong việc kê cao nhà của, các vật dụng. * 100% hộ chưa được tập huấn kiến thức PCTT và trong việc sử dụng điện an toàn | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 50% người dân có ý thức chủ động trong phòng tránh. * 75% người dân có kinh nghiệm trong công tác phòng tránh nước dâng: tự kê cao các vật dụng trong gia đình. |
| **Triều Cườngngập nước, sạt lở và mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu: 28/74 nhà * Nhà đơn sơ: 10/74 hộ * 4/7 km đường tỉnh lộ là đường đất thường bị sình lầy. * Không có trường học trên địa bàn ấp * Không có trạm y tế trên địa bàn ấp, phải đi đến trạm y tế ở ấp Nhân Miên khoảng 30km bằng đường bộ và đường thủy gây khó khăn trong tiếp cận y tế. * Không có chợ, phải đi xa lên chợ Nhân Miên * 68/ 74 Hộ sử dụng nước giếng khoan * 23 hộ sử dụng nhà vệ sinh tam không đảm bảo * 10% hộ không có xuồng võ để đi lại. * 90% hộ không có áo phao cứu sinh * do ý thức còn chủ quan không có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 23/74 hộ * Nhà bán kiên cố: 29/74 hộ * 3/7 km đường tỉnh lộ được rải nhựa * 100% hộ gia đình sử dụng điện * Có 1 cụm loa phát thanh * Có loa cầm tay, huy động sẵn trong ấp khi có thiên tai xảy ra * 51 hộ có nhà vệ sinh tự hoại hợp vệ sinh * 90% hộ gia đình có xuồng võ làm phương tiện đi lại có thể huy động được khi triều dâng. * 10% hộ có áo phao cứu sinh | * Nguy cơ thiệt hại về nhà cửa * Nguy cơ thiệt hại vật dụng khi triều cường lên * Đường đất trơn trượt khó đi lại * Nguy cơ thiệt hại tính mạng (chủ yếu là trẻ em) * Nguy cơ ô nhiễm môi trường | Cao |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội thu gom rác thải, và không có khu vực chôn lấp rác sinh hoạt * Không có tổ chức đoàn thể làm vệ sinh môi trường | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có đội tuyên truyền PCTT của xã (37 người, 80% nam, 20% nữ) * Có sự phối hợp tốt với lực lượng trưởng ấp, đoàn thể trong ấp khi có thiên tai xảy ra. |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Không có lớp tập huấn sơ cấp cứu cho người dân, chủ yếu theo kinh nghiệm * Một số hộ dân còn chủ quan khi có thiên tai * Người dân không có kỹ năng sơ cấp cứu | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Đa số hộ có kinh nghiệm trong phòng ngừa triều dâng * 60% người dân có kỹ năng bơi lội * Đa số người dân có ý thức kê cao vật dụng, chằng chống nhà cửa trước khi triều dâng |
| **Triều cường**  **nước dâng và mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * 100% ấp bị ngập do triều cường nước dân dưới 1m. * Nhà yếu 29 căn nhà; nhà tạm 14 căn nhà. * Xa trạm y tế khoảng 5 km. Không thuận lợi cho việc chữa bệnh và sơ cứu ban đầu. * Đường đất đen 2/3,8 km bị lầy lội khi triều cường rút gây khó khăn cho việc đi lại cho người dân và các em học sinh. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố, bán kiên cố 98/141 hộ. * Có trụ sở tiểu khu 204 (điểm trú ẩn kiên cố) * 100% hộ dân có phương tiện đi lại, nghe nhìn (vỏ máy, tivi, radio, loa phát thanh). * 5 km đường nhựa thuận tiện cho việc trú ẩn. | * Nguy cơ thiệt hại nhà cửa, mất mát tài sản (trôi, ướt). * Nguy cơ cho tính mạng của người dân do sập nhà, đường trơn chợt. * Nguy cơ sạt lở đường đất | Cao  (do hạ tầng giao thông còn yếu kém, đường đất đen nhiều, người dân thiếu kiến thức PCTT) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Thời gian nước dâng khoảng 2-3 tiếng, mức nước dâng khoảng 30-50cm. * Số lượng người già 54 người. Trong đó nữ 25 cụ; khuyết tật 08; (có 6 nữ) phụ nữ mang thai 6 người; trẻ em có 214 người. trong đió có 114 nữ. * Số người cần di dời khi nước dâng cao là 126/687 người (60 nữ). | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có kinh nghiệm trong công tác phòng, tránh, thiên tai.. * Có tổ PCTT của ấp có 10 người sẵn sàng trực để hỗ trợ nhân dân di dời khi nước dâng. * Được đoàn thể ấp hỗ trợ khắc phục sau khi triều cường xuống cho các hộ phụ nữ đơn than, gia đình hộ người già, khuyết tật (dọn dẹp nhà ở, sửa lại nhà…). * Ấp có tổ phát thanh thường xuyên tuyên truyền cho người dân nắm và thực hiện phương án PCTT |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% hộ dân còn chủ quan không kê đồ lên cao, gia cố nhà ở. * 100% hộ dân chưa được tập huấn PCTT * 70% dân không biết bơi (chủ yếu trẻ em, người già…). | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80-90% hộ dân có ý thức chủ động trong phòng tránh. * 30% dân biết bơi (do làm nghề sông nước) * Tổ PCTT của ấp có kỹ năng bơi tốt, có sức khoẻ và nhiệt tình giúp dân |
| **Triều Cườngngập nước, sạt lở và mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\*Vật chất:**   * 100% ấp bị triều cường nước đâng dưới 1m * Có 35 nhà yếu 25 nhà tạm * Có 5/12 km đường đất đen thường bị trơn trượt, sạt lở * 10% hộ nghèo chưa đủ tiền làm cột điện bê tông sau chia hơi (kéo điện vầ nhà) * Nhà văn hoá ấp yếu không làm nơi tránh trú khi cần di dời * Có trường tiểu học bán kiên cố xây dựng lâu năm bị xuống cấp | **\*Vật chất:**   * 62 nhà kiên cố và 80 nhà bán kiên cố * 3 km đường bê tông * 100% cột điện trước chia hơi đều là cột bê tong và 90% cột sau chia hơi đã được bê tông * 60% người dân biết bơi | * Nguy cơ thiệt hại về nhà ở * Nguy cơ sạt lở 05 km đường đất đen | Trung bình  (nhà yếu và tam không nhiều, trạm y tế không xa ấp, 90% người dân biết bơi cao) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 108 (50 nữ) * Người già: 21 (12 nữ) * Người khuyết tật: 2 (1 nữ) * Người nghèo: 7 (2 nữ) * Phụ nữ mang thai: 4 * 10% người dân chưa biết bơi * 40% hộ ở xa hệ thống loa truyền thanh gặp khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin qua loa truyền thanh * Trường ở xa ấp khoảng 3km, học sinh đi hoạc bằng đường thuỷ nguy cơ đuối nước | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Ấp có Tổ PCTT (10 người có 2 nữ) luôn sẵn sàng trực hỗ trợ dân khi cần. * 90% người dân biết bơi (kể cả trẻ em dưới 18 tuổi) * 60% hộ dân nghe được thông tin từ Hệ thống loa truyền thanh không dây của ấp * Trạm Y tế cách ấp 3km và có đường bê tong nên thuận lợi khi cần đến dịch vụ y tế * Ấp có 2 cán bộ y tế * Tổ PCTT của ấp có kỹ năng bơi tốt, có sức khoẻ và nhiệt tình giúp dân |
| **Triều Cườngngập nước và sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\*Vật chất:**   * 100% ấp bị triều cường nước dâng ngập dưới 1m * 66 nhà yếu và 13 nhà đơn sơ * Đường nội đồng 100% đường đất đen * Khoảng 06 tuyến đường chưa có cầu đi lại (Ngã ba Cả Cào, Kinh Xưởng Tiện, Kinh 2m5, Ngã Ba Ngọn Cái, Cây Phước, Gạch Đồng Khởi) * 10% người dân nghèo nhà yếu không có nơi kê cao đồ đạc tránh triều cường * 90% hộ chưa nghe được hệ thống loa truyền thanh. | **\*Vật chất:**   * 79 nhà kiên cố và 107 nhà bán kiên cố * Có 4 cầu bê tong * Có một cụm loa truyền thanh không dây mới được trang cấp phục vụ cho khoảng 10% hộ dân ở gần loa * 100% họ có TV và điện thoại di động | * Thiệt hại nhà ở do xuống cấp * Thiệt hại tài sản * 90% hộ dân không nhận được thông tin cảnh báo sớm của địa phương | Cao  (triều cường nước dân xảy ra hàng năm làm cho nhà ở xuống cấp nhanh, nhà yếu, 90% hộ không nghe được cảnh báo sớm của địa phương) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 257 (123 nữ) * Người già: 63 (50 nữ) * Người khuyết tật: 13 (7 nữ) * Người nghèo: 5 (01 nữ) * Phụ nữ mang thai: 11 * 100% hộ dân chưa được tập huấn về PCTT * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT với 10 người (có 02 nữ) * Ấp có tổ chức hỗ trợ các hộ khó khăn khắc phục hậu sau triều rút |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10-15% hộ dân chủ quan vì ở nơi triều cường nước dân thường xuyên xảy ra * 70% phụ nữ và trẻ em không biết bơi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% hộ dân có ý thức kinh nghiệm và có điều kiện kê đồ đạc tránh triều * Tổ PCTT của ấp có kỹ năng bơi tốt, có sức khoẻ và nhiệt tình giúp dân |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * 100% ấp bị ngập dưới 1m do triều cường nước dâng hang năm * Nhà yếu, nhà tạm: * Đường nội đồng 100% đất đen | **\*Vật chất:**   * Có 03 cầu bê tông |  |  |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 280 (129 nữ) * Người già: 94 (45 nữ) * Người khuyết tật: 06 (02 nữ * Người nghèo: 02 (01 nữ) * Phụ nữ mang thai: 09 | **Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT với 10 người (có 02 nữ) * Ấp có tổ chức hỗ trợ các hộ khó khăn khắc phục hậu sau triều rút |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% người dân nghèo nhà yếu không có nơi kê cao đồ đạc tránh triều cường * 100% người dân chưa được tập huấn PCTT | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% hộ dân có ý thức kinh nghiệm và có điều kiện kê đồ đạc tránh triều * Tổ PCTT của ấp có kỹ năng bơi tốt, có sức khoẻ và nhiệt tình giúp dân |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 hộ | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu 34/150 hộ * 100% đường đất đen theo bờ vuông * 100% đường đất đen liên ấp theo bờ bao vuông tôm * Ấp ở xa trạm y tế xã nên khó khăn cho việc chữa trị bệnh và sơ cấp cứu. * Học sinh phải đi học xa do không có trường học trên địa bàn ấp * Ấp chưa có nhà Văn hóa và xa trụ sở UBND * Tổ PCTT ấp không có trang bị an toàn (võ máy, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, loa cầm ty…) để thực hiện nhiệm vụ . | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố 43/150 nhà * Nhà bán kiên cố 64/150 nhà * 90% hộ gia đình có phương tiện đi lại: * Có 2 cụm loa đang sử dụng tốt. | * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao đột ngột. * Nhà ở bị hư hỏng, * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi làm công tác ứng cứu do thiếu phương tiện an toàn | ***Trung bình***  (chỉ có 25 % hộ nhà yếu, 90% hộ có thuyền dung để làm phương tiện ứng cứu) |
| **\*Tổ chức, Xã Hôi:**   * Vùng nước dâng trên 1m(100% nhà ở bị ngập) * Đối tượng DBTT gồm: 177 trẻ em (117 nữ) * Người già: 53 (28 nữ)/709 khẩu * Người khuyết tật: 4 (2 nữ)/709 khẩu và 6 người nghèo, 03 phụ nữ đang mang thai * Xa trạm y tế xã khoảng 12km), tổ chức đi lại khó khăn, chủ yếu là đường thủy. * Trên 80% hộ không sắm áo phao | **\*Tổ chức, Xã Hôi:**   * Lực lượng dân quân tại chỗ (142 người, trong đó 70% nam, 30% nữ) phỗi hợp với ngành đoàn thể ấp tuyên truyền vận động, sử dụng loa cầm tay khi có thiên tai xảy ra. * 90% phương tiện ứng cứu huy động được từ các hộ gia đình. * 20% hộ có trẻ em có sắm áo phap |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * Một số hộ dân chưa có kỹ năng trong phòng ngừa thủy triều dân cao * 10% Phụ nữ, người già, trẻ em không biết bơi * 30-40% người dân chưa có ý thức kê cao đồ đạc, vật dụng trong gia đình * 100% hộ chưa được tập huấn kiến thức PCTT | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ dân có kinh nghiệm trong phòng ngừa thủy triều dâng cao * 90% người dân trên địa bàn ấp đều biết bơi. * Đại đa số người dân có ý thức kê cao đồ đạc, vật dụng trong gia đình. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | Ấp Xưởng Tiện | 199 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu 51/199 hộ, nhà tạm 9/199 hộ. * Xa trạm y tế (khoảng 25km đường thủy, 40km đường bộ) * Ấp nằm gần biển và nằm trong vùng trũng nên bị triều cường nước ngập 100% trên 1m * Chỉ mới có 01 cụm loa truyền thanh không dây nên còn khoảng 80% hộ dân không nghe được thông tin cảnh báo sớm của địa phương. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố 59/199, bán kiên cố 80/199 hộ. * Có nhà sinh hoạt văn hoá ấp mới xây dựng. * 100% hộ dân có phương tiện đi lại, nghe nhìn (vỏ máy, tivi, radio, loa phát thanh) * Có đường Hồ Chí Minh che chắn. * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 15% hộ dân sống gần loa truyền thanh có thể nghe được thong tin cảnh báo sớm của địa phương | * Nguy cơ thiệt hại nhà cửa (sập, tốc mái) mất mát tài sản (trôi, ướt) * Nguy cơ xảy ra tai nạn về điện, tai nạn giao thông đường thủy. | Cao  (triều cường nước dân xảy ra hàng năm làm cho nhà ở xuống cấp nhanh, nhà yếu, 80% hộ không nghe được cảnh báo sớm của địa phương) |
| \* **Tổ chức, Xã hội:**   * Thời gian nước dâng khoảng 2-3 tiếng, mức nước dâng khoảng 30-50cm. * Trẻ em: 135/275 nứ. * Phụ nữ mang thai: 9 người. * Người cao tuổi: 117 (59 nữ) * Người khuyết tật: 5 (4 nữ) và 2 người nghèo (1 nữ). | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Xã kịp thời thong báo tình hình triều cưởng * Có kinh nghiệm trong công tác phòng tránh. * Có tổ của ấp sẵn sàng hỗ trợ nhân dân di dời khi nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% số hộ dân còn chủ quan trong công tác phòng ngừa PCTT. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Đa số người dân có ý thức chủ động trong phòng tránh. |
| …. | ***Ghi chú khác:***   * Ấp Cây Phước là một trong 5 ấp ở xã thường xuyên bị ngập nước cao trên 1m, tuy nhiên thời gian ngập nước chỉ trong vòng 4-5 tiếng đồng hồ (nước rút nhanh). Theo kịch bản BĐKH nếu đến năm 2050, mực nước biển tại các trạm hải văn Tăng 25cm( Giao động trong khoảng 17-35 cm tại các trạm từ mũi Cà Mau đến Kiên Giang) (Bảng 6.7, trang 69- RCP 8.5, thì mực nước ngập cũng sẽ tăng lên cao hơn 1,5m. Ngoài nước dâng (triều cường), ấp còn có nguy cơ bị ảnh hưởng do sạt lở đất, tuy nhiên ít hơn so với các ấp khác trong xã. * Ấp Láng Tròn là một trong 5 ấp ở xã thường xuyên bị ngập nước cao trên 1m, tuy nhiên thời gian ngập nước chỉ trong vòng 4-5 tiếng đồng hồ (nước rút nhanh). Theo kịch bản BĐKH nếu đến năm 2050, mực nước biển tại các trạm hải văn Tăng 25cm( Giao động trong khoảng 17-35 cm tại các trạm từ mũi Cà Mau đến Kiên Giang) (Bảng 6.7, trang 69- RCP 8.5, thì mực nước ngập cũng sẽ tăng lên cao hơn 1,5m. Ngoài ảnh hưởng do nước dâng (triều cường), ấp còn chịu tác động của sạt lở và lốc xoáy kèm theo mưa to nhiều hơn các ấp khác. * Ấp Nhưng Miên là một trong 9 ấp của xã bị thường xuyên ngập nước do triều cường ở mức độ dưới 1m (ít hơn 5 ấp nêu ở phần trước). Tuy vậy theo kịch bản BĐKH nếu đến năm 2050, mực nước biển tại các trạm hải văn Tăng 25cm( Giao động trong khoảng 17-35 cm tại các trạm từ mũi Cà Mau đến Kiên Giang) (Bảng 6.7, trang 69- RCP 8.5, thì mực nước ngập cũng có nguy cơ tăng cao hơn 1m. Ngoài tác động của triều dâng (ngập nước), Ấp Nhưng Miên còn chịu tác động do sạt lở và lốc xoáy kèm theo mưa to. | | | | | |

## Hạ tầng công cộng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** |  | **\*Vật chất:**   * Đường đất đen: 4 km * Sông ngòi chặt chịt, chưa có cầu bắt qua sông. * Đường đất ngập do triều cường trên 1m, triều rút sau 3-5 tiếng. Đường đất lầy lội sau khi triều rút, dễ gây trơn trượt và tai nạn | **\*Vật chất:**   * Đường tỉnh huyện 1,5 km đã được bê tông hóa * Đường liên ấp 4,8 km đã được bê tông hóa * 3 cây cầu kiên cố | * Hư hỏng đường giao thông nông thôn do triều cường nước dâng. * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) * Gián đoạn việc học. * Ngập trường lớp, ô nhiễm môi trường | Cao  (Tỷ lệ trẻ em, phụ nữ, cao tuổi, khuyết tật và hộ nghèo cao không huy động kinh phí nâng cấp hạ tầng) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * Trẻ em: 546 (255 nữ) * Người cao tuổi: 223 (128 nữ) * khuyết tật: 43 (18 nữ) * Người nghèo: 80 (33 nữ) * Phụ nữ mang thai: 17 * Nguồn thu của địa phương bị hạn chế không có đủ để đầu tư làm đường bê tông * Huy động đóng góp tài chính trong dân khó khăn do hộ nghèo nhiều, đặc biệt hộ không có đất sản xuất sống bằng nghề làm mướn. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * Có vận động nhân dân đóng góp để sửa chữa lộ hư hỏng. * Ý thức người dân trong việc tham gia, ủng hộ xây dựng lộ, cầu cao |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Một số người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * 40% hộ không chủ đông khắc phục, sửa chữa. * Chính quyền ấp không báo cáo kịp thời về trên khi các chủ phương tiện xáng cuốc vào cải tạo vuông làm hư hỏng lộ. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 60% hộ có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. * Tạo phương tiện đưa rước học sinh bằng đò, võ máy |
| **Triều cường ngập nước, và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** |  | **\*Vật chất:**   * 100% đường nội đồng là đất đen | **\*Vật chất:**   * 3,5km lộ bê tông và 0,2km đường nhưa * 03 cây cầu bê tông | * Hư hỏng đường giao thông nông thôn do triều cường nước dâng. * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) * Ô nhiễm môi trường | Cao  (Tỷ lệ trẻ em, phụ nữ, cao tuổi, khuyết tật và hộ nghèo cao không đóng góp kinh phí nâng cấp hạ tầng, ý thức tu sửa đường lộ kém) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em: 214 (114 nữ) * Người già: 54 (25 nữ) * Người khuyết tật: 8 (6 nữ) * Người nghèo: 23 (6 nữ) * Phụ nữ mang thai:6 * Nguồn thu của địa phương bị hạn chế không có đủ để đầu tư làm đường bê tông * Huy động đóng góp tài chính trong dân khó khăn do hộ nghèo nhiều, đặc biệt 15 hộ không có đất sản xuất sống bằng nghề làm mướn. | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Xã chỉ đạo ấp tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * Có vận động nhân dân đóng góp để sửa chữa lộ hư hỏng. * Ý thức người dân trong việc tham gia, ủng hộ xây dựng lộ, cầu cao |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * Khoảng trên 60% hộ dân chưa biết kỹ thuật công nghệ vận hành bảo dưỡng hạ tầng * 100% hộ dân chưa được phổ biến kỹ thuật bão dưỡng công trình | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ có ý thức tu sửa lộ sau triều rút |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\*Vật chất:**   * 100% đường đất đen liên ấp theo bờ bao vuông tôm, triều cường dâng bị ngập, phương tiện duy nhất là đi đò * Đường đất ngập do triều cường trên 1m, triều rút sau 3-5 tiếng. * Đường đất lầy lội sau khi triều rút, dễ gây trơn trượt và tai nạn * Không có trạm y tế trên địa bàn ấp, dẫn đến việc cứu hộ không kịp thời * Không có trường học trên địa bàn ấp, học sinh phải đi 7km. * Không có NVH ấp để sinh hoạt cộng đồng ( Sinh hoạt cộng đồng tại nhà dân) * Xa trụ sở UBND | **\*Vật chất:**   * Có 03 cây cầu bê tông | * Hư hỏng đường giao thông nông thôn do triều cường nước dâng. * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) * Gián đoạn việc học. * Ngập trường lớp, ô nhiễm môi trường | Cao  (Tỷ lệ trẻ em, phụ nữ, cao tuổi, khuyết tật và hộ nghèo cao không huy động kinh phí nâng cấp hạ tầng) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * Nguồn thu của địa phương bị hạn chế không có đủ để đầu tư làm đường bê tông * Huy động đóng góp tài chính trong dân khó khăn do hộ nghèo nhiều (đặc biệt hộ không có đất sản xuất sống bằng nghề làm mướn). | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp thường xuyên phát động đóng góp ngày công và kinh phí đểt u sửa đường * Có tuyên truyên về PCTT * Khoảng 40% hộ có ý thức khả năng đóng góp ngày công * 10% hộ có khả năng đóng góp tiền khi cần huy động |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Khoảng 70% hộ gặp khó khăn khi huy động đóng tiền tu sửa đường lộ * Ấp chưa được đầu tư làm nhà văn hoá * Nguồn vốn đối ứng không huy động được cho nâng cấp hạ tầng do hộ làm mướn đông không có thu nhập ổn định | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Khoảng 40% hộ có ý thức bảo vệ hạ tầng công cộng |
| **Triều cường**  **nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** |  | **\*Vật chất:**   * Đường nội thôn bằng đất: 1,5km * 100% Đường nội đồng bằng đất * 01 cống yếu * Còn tuyến đường Ngọn Mã chưa có cầu | **\*Vật chất:**   * Có 7,454km đường bê tông * Có 01 cầu kiên cố | * Nguy cơ sạt lở hư hỏng đường đất đen hang năm do triều cường nước dâng và mưa to * Giao thông đi lại khó khăn vì thiếu cầu, đường chưa được bê tông | Cao  (Đầu tư làm đường lộ giao thông chưa nhiều, còn thiếu cầu, nhiều tuyến đường chưa được bê tông hoá, khả năng huy động vốn trong dân thấp) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em:263 (132 nữ) * Người già: 82 (43 nữ) * Người khuyết tật: 7 (nữ 6) * Người nghèo: 18 hộ (5 nữ) * Phụ nữ mang thai: 7 * 70% hộ gặp khó khăn không đóng góp tiền để nâng cấp đường giao thông của ấp huy động | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp đã có huy động được đóng góp kinh phí từ người để làm cầu bê tông và khoảng 1,2km bê tông * Huyện đã cấp kinh phí để bê tong lộ ấp (6,5km) |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ dân chưa có kiến thức duy tu hạ tầng công cộng | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ có ý thức bảo vệ hạ tầng công cộng |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\*Vật chất:**   * Có 11/15 km chưa được bê tông hóa. * Có 2/4 km lộ bê tông ngập, hư hỏng. | **\*Vật chất:**   * Có 4/15km đường nội thôn đã bê tông hóa | * Hư hỏng đường giao thông nông thôn khi nước dâng (đường dơ, trơn trượt). * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) | Cao  (Đầu tư làm đường lộ giao thông chưa nhiều, còn thiếu cầu, nhiều tuyến đường chưa được bê tông hoá, khả năng huy động vốn trong dân thấp) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * Không huy động được đóng góp của nhân dân. | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * Có vận động nhân dân đóng góp để sửa chữa lộ hư hỏng. |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 90% hộ dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, không chủ đông khắc phục, sửa chữa * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Khoảng 10% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * 100% đường nội đồng bằng đất đen * Còn 01 tuyến đường cần đầu tư 02 cầu (Từ Trường tiểu học 2 đến Rạch Cá Dồ Nhỏ) | **\*Vật chất:**   * Có lộ nhựa (đường Hồ Chí Minh) 2,5km . * Có 3 km lộ bê tông * Có 04 cây cầu kiên cố | * Hư hỏng đường giao thông trục ấp do triều cường nước dâng và mưa to kéo dài. * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) | Cao  (ấp chưa nhận được đầu tư bê tông hoá trục ấp, còn thiếu cầu, , khả năng huy động vốn trong dân thấp) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * Không huy động được đóng góp kinh phí từ người dân để bê tông hoá đường trục ấp. * Chưa huy động đủ nguồn lực tham gia | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * Có vận động nhân dân đóng góp để sửa chữa lộ hư hỏng. * Ý thức người dân trong việc tham gia, ủng hộ xây dựng lộ, cầu cao |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 80% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * Không chủ đông khắc phục, sửa chữa. * Chính quyền ấp không báo cáo kịp thời về trên khi các chủ phương tiện xáng cuốc vào cải tạo vuông làm hư hỏng lộ. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 20% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều cường ngập nước, sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Áp Láng Tròn*** |  | **\*Vật chất:**   * Đường trục ấp còn 27km đường đất chưa được bê tong hoá. * Không có trường học trên địa bàn ấp * Không có trạm y tế trên địa bàn ấp, phải đi đến trạm y tế ở ấp Nhân Miên khoảng 30km phải đi bằng đường bộ và đường thủy gây khó khăn trong tiếp cận y tế. * Không có chợ, phải đi xa lên chợ Nhưng Miên nên mua bán khó khăn. * Chưa có nhà văn hoá ấp * 100% các tuyến đường chưacó cầu | **\*Vật chất:**   * 03 km đường tỉnh lộ được rải nhựa * 100% hộ gia đình sử dụng điện * 10 cột điện, 500m dây điện hạ thế * Có 1 cụm loa phát thanh không dây * Có loa cầm tay, huy động sẵn trong ấp khi có thiên tai xảy ra | * Nguy cơ hu hỏng đường trục ấp bằng đất * Đường nội đồng thường xuyên bị sạt lở hư hỏng. | Cao  (ấp chưa nhận được đầu tư bê tông hoá trục ấp, 100% tuyến đường chưa có cầu, , khả năng huy động vốn trong dân thấp) |
|  |  |  | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 80% hộ không có khả năng đóng góp kinh phí để bê tông hoá đường trục ấp. * Chưa huy động đủ nguồn lực tham gia | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp thường xuyên tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 20% hộ có khả năng đóng góp kinh phí để sửa chữa lộ đất đen trục ấp hư hỏng. * Ý thức người dân trong việc tham gia, ủng hộ xây dựng lộ, cầu cao |  |
|  |  |  | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 90% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * Không chủ đông khắc phục, sửa chữa. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 10% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * Có 8km chưa được bê tông hóa. * 100% tuyến đường giao thong chưa có cầu * Không có trường học ở ấp. | **\*Vật chất:**   * Có 1,4km đường nhựa * Có nhà sinh hoạt văn hoá của ấp. | * Hư hỏng đường đất đen chưa được bê tông, * ô nhiễm môi trường . * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) | Cao  (100% đường đất đen thường xuyên bị lầy lội khi nước dâng; không có đội tu sữa; năng lực đóng góp kinh phí làm đường bê tông của người dân tấp) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 70% hộ dân khó khăn không thể huy động đóng góp kinh phí để bê tong hoá lộ trục ấp | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 30% hộ có điều kiện có thê góp kinh phí để sửa chữa lộ hư hỏng. * 70% hộ có khả năng đóng góp ngày công nếu có kinh phí làm đường lộ trục ấp bê tông |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 80% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * Không chủ đông khắc phục, sửa chữa. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 20% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều cường ngập nước, sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** |  | **\*Vật chất:**   * 100% đường trục ấp là đường đất đen * 0,3% hộ chưa dùng điện an toàn (điện chia hơi cột tạm bợ cây gỗ địa phương) | **\*Vật chất:**   * Có nhà sinh hoạt văn hoá ấp * 97% hộ dung điện an toàn từ năm 2011 (cột bê tông, hệ thống dây tốt) * Có 2,2 km đường nhựa * Có 02 cây cầu bê tông | * Hư hỏng đường đất đen chưa được bê tông, * ô nhiễm môi trường . * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) | Cao  (100% đường đất đen thường xuyên bị lầy lội khi nước dâng; không có đội tu sữa; năng lực đóng góp kinh phí làm đường bê tông của người dân tấp) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Phụ nữ mang thai:07 * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 75% hộ dân khó khăn không thể huy động đóng góp kinh phí để bê tong hoá lộ trục ấp | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 25% hộ có điều kiện có thê góp kinh phí để sửa chữa lộ hư hỏng. * 80% hộ có khả năng đóng góp ngày công nếu có kinh phí làm đường lộ trục ấp bê tông |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 70% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * Không chủ đông khắc phục, sửa chữa. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 30% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** |  | **\*Vật chất:**   * 0,5% hộ đang sử dụng điện chia hơi chưa an toàn * Còn lại 02 tuyến giao thông cần đầu tư 03 cái cầu * Trường học không có * Xã cơ sở Y tế | **\*Vật chất:**   * Có nhà sinh hoạt văn hoá * 95% hộ dung điện an toàn * Có 04 cây cầu bê tông | * Hư hỏng đường đất đen chưa được bê tông, * ô nhiễm môi trường . * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) | Cao  (100% đường đất đen thường xuyên bị lầy lội khi nước dâng; không có đội tu sữa; năng lực đóng góp kinh phí làm đường bê tông của người dân tấp) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 65% hộ dân khó khăn không thể huy động đóng góp kinh phí để bê tong hoá lộ trục ấp | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 35% hộ có điều kiện có thê góp kinh phí để sửa chữa lộ hư hỏng. * 80% hộ có khả năng đóng góp ngày công nếu có kinh phí làm đường lộ trục ấp bê tông |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 70% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * Không chủ đông khắc phục, sửa chữa. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 30% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Xéo Lá*** |  | **\*Vật chất:**   * 0,2% hộ đang sử dụng điện chia hơi chưa an toàn * Còn lại 02 tuyến giao thông cần đầu tư 03 cái cầu * Trường học không có * Xã cơ sở Y tế | **\*Vật chất:**   * Có nhà sinh hoạt văn hoá * 98% hộ dung điện an toàn * Có 03 cây cầu bê tông | * Hư hỏng đường đất đen chưa được bê tông, * ô nhiễm môi trường . * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) | Cao  (100% đường đất đen thường xuyên bị lầy lội khi nước dâng; không có đội tu sữa) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 20% hộ dân khó khăn không thể huy động đóng góp kinh phí để bê tong hoá lộ trục ấp * 25% hộ không nguồn nhân lực (hộ người già, khuyết tật…) | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 75% hộ có điều kiện có thê góp kinh phí để sửa chữa lộ hư hỏng. * 75% hộ có khả năng đóng góp ngày công nếu có kinh phí làm đường lộ trục ấp bê tông |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 30% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 70% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều Cường ngập nước** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 hộ | **\*Vật chất:**   * 0,7% hộ đang dung điện thiếu an toàn * 100% đường đất đen liên ấp theo bờ bao vuông tôm, triều cường dâng bị ngập, phương tiện duy nhất là đi đò. * Không có trạm y tế trên địa bàn ấp, dẫn đến việc cứu hộ không kịp thời * Không có NVH ấp * Ấp ở xa trụ sở UBND * Còn 02 tuyến đường giao thông cần có 03 cây cầu | **\*Vật chất:**   * 93% dùng điện an toàn * Có 2 cụm loa đang sử dụng tốt * 90% hộ dân có đò để làm phương tiện đi lại khi có triều cường * Có 05 cầu bê tông * Có một điểm trường tiểu học 2 thuận tiện cho con em đi học | * Hư hỏng đường đất đen chưa được bê tông, * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) * Đi lại khó khăn do còn 02 tuyến đường giao thong chưa có cầu | Cao  (100% đường đất đen thường xuyên bị lầy lội khi nước dâng; không có đội tu sữa, còn thiếu cầu cho 02 tuyến đường giao thông) |
|  |  |  | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 55% hộ dân khó khăn không thể huy động đóng góp kinh phí để bê tông hoá lộ trục ấp * 15% hộ không nguồn nhân lực (hộ người già, khuyết tật…) | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 45% hộ có điều kiện có thê góp kinh phí để sửa chữa lộ hư hỏng. * 85% hộ có khả năng đóng góp ngày công nếu có kinh phí làm đường lộ trục ấp bê tông |
|  |  |  | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 45% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 55% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |
| **Triều Cường**  **ngập nước** | Ấp Xưởng Tiện | 165 | **\*Vật chất:**   * Ấp ven biển nên 100% ấp bị triều cường nước dâng trên 1m * Có 5,2 km đường đất chưa được bê tông hóa. * Đi lại chủ yếu bằng đường thủy * Không có điểm trường, xa trạm y tế xã * 0,4% hộ dân sử dụng điện không an toàn (cột điện bằng cây gỗ địa phương và dây yếu) * Còn 02 tuyến đường giao thong trục ấp chưa có cầu | **\*Vật chất:**   * Có 3,5km đường nhựa (đường Hồ Chí Minh) * Có nhà Văn hoá ấp * Có 03 cây cầu bê tông * 96% hộ dân sử dụng điện an toàn | * Hư hỏng đường đất đen chưa được bê tông, * Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông (té, ngã) * Đi lại khó khăn do còn 02 tuyến đường giao thong chưa có cầu | Cao  (100% đường đất đen thường xuyên bị lầy lội khi nước dâng; không có đội tu sữa, còn thiếu cầu cho 02 tuyến đường giao thông) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Không có đội, nhóm để phục vụ cho công tác sửa chữa lộ hư hỏng. * 25% hộ dân khó khăn không thể huy động đóng góp kinh phí để bê tông hoá lộ trục ấp * 20% hộ không nguồn nhân lực (hộ người già, khuyết tật…) | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có tổ chức tuyên truyền nhân dân chủ động bảo vệ, sửa chữa lộ thuộc phần đất của mình. * 75% hộ có điều kiện có thê góp kinh phí để sửa chữa lộ hư hỏng. * 80% hộ có khả năng đóng góp ngày công nếu có kinh phí làm đường lộ trục ấp bê tông |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 25% người dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ thuật duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 75% người dân có ý thức tự bảo vệ và khắc phục lộ hư hỏng để đảm việc đi lại. |

## Công trình thủy lợi (Xã không có công trình thuỷ lợi)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |

## Nhà ở

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Nhưng Miên** | 625 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ: 70/625 hộ. * Nhà thiếu kiên cố: 117/625 hộ. * Đặc điểm vùng đất trũng thấp, dễ bị ngập. * Diễn biến lốc xoáy bất thường, khó dự đoán vùng xảy ra. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 187/625 hộ * Nhà bán kiên cố 251/625 hộ | * Nhà bị hư hỏng (sập, tốc mái). * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. | Trung bình  (Do người dân có ý thức phòng chống tốt, nhà kiên cố và bán kiên cố nhiều) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng | **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người và có 2 nữ) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Biện Nhạn** |  | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ: 15/160 hộ. * Nhà thiếu kiên cố: 34/160 hộ. * Đặc điểm vùng đất trũng thấp, dễ bị ngập. * Diễn biến lốc xoáy bất thường, khó dự đoán vùng xảy ra. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 47/160 hộ * Nhà bán kiên cố 64/160 hộ | * Nhà bị hư hỏng (sập, tốc mái). * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. | Thấp  (do người dân có ý thức phòng ngừa tốt và số nhà yếu còn không nhiều) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng | **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% hộ dân nhà ở kiên cố, nhà có kỹ năng chằng néo nhà cửa. |
| **Triều cường ngập nước** | **Ấp Bàn Quỳ** | 159 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu: 30/159 * 100 % đi lại bằng đường đất, khi thủy triều dâng đi lại bằng xuồng * 38 hộ chưa có điện kế chính, chia lại của người khác sử dụng * Cột điện sau chia lại của người khác chưa đảm bảo * Hộ dân sử dụng điện chưa an toàn nguy cơ giật điện cao | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 48/159 hộ * Nhà bán kiên cố 63/159 hộ | * Hư hỏng vật dụng trong gia đình * Có nguy cơ thiệt hại đến tính mạng cho bộ phận người dân không biết bơi * Nguy cơ thiệt hại tính mạng do sử dụng điện chưa an toàn | Cao  (Nhà yếu chiếm tỷ lệ cao và có nhiều hộ nghèo không cs khả năng kinh tế gia cố nhà ở) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * 18 hộ nghèo * 9 hộ cần nghèo * 5 phụ nữ làm chủ hộ | **\* Tổ chức xã hội:**   * Có đội tuyên truyền cảnh báo sớm triều cường |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * Đa số hộ dân chưa có ý thức chằng néo nhà cửa, có 18 nhà yếu tạm bợ * Còn chủ quan trong việc sửa chữa nhà cửa * Một số người dân không biết bơi gây nguy hiểm tính mạng | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Một số hộ có kiến thức trong phòng chống khắc phục hậu quả sau triều cường |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | **Ấp Kinh Ranh** | 283 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ: 11/283 hộ. * Nhà yếu: 74/283 hộ. * Đặc điểm vùng đất trũng thấp, dễ bị ngập. * Diễn biến lốc xoáy bất thường, khó dự đoán vùng xảy ra. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 85/283 hộ * Nhà bán kiên cố 113/283 hộ | * Nhà bị hư hỏng (sập, tốc mái). * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. | Cao  (số nhà yếu nhiều, ý thức phòng chống lốc xoáy thấp, nhiều hộ nghèo không có khả năng gia cố nhà ở) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng * 80% hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức PCTT | **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra. * 20% hộ dân có khả năng đầu tư gia cố nhà ở |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 0.5% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 99.5% hộ dân nhà kiên cố và bán kiên cố, có kỹ năng chằng néo nhà cửa. |
| **Triều cường (Nước dâng)+**  **Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\*Vật chất:**  - Có 42/165 nhà thiếu kiên cố và 7 nhà đơn sơ (lá, vật liệu địa phương).   * Địa hình nằm trong vùng trũng, gần biển. | **\*Vật chất:**   * Có 66/165 nhà kiên cố và bán kiên cố. | * Nhà ngập và dễ bị hư hỏng tài sản (tivi, tủ lạnh,…) * Có nguy cơ bị tai nạn về điện | Cao  (số trẻ em, người già và người khuyết tật nhiều, nhà yếu nhiều, ý thức phòng chống lốc xoáy thấp, nhiều hộ nghèo không có khả năng gia cố nhà ở) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Trẻ em: 86(32 nữ)/162 em. * Phụ nữ mang thai: 5 người. * Người cao tuổi: 89 (42 nữ) * Người khuyết tật: 14 (6 nữ) và 5 người nghèo. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Lồng ghép hội, họp tuyên truyền nâng cao ý thức giằng néo nhà ở đến người dân. * Các ngành đoàn thể xã phối hợp với ấp để tuyên truyền, giúp đỡ các hộ khó khăn |
| **\*Kiến thức ý thức:**   * Một số người dân vẫn chủ quan không sửa chữa, gia cố nhà khi đến mùa nước dâng. * Một số giằng néo nhưng không đúng cách vì chưa có kỹ thuật, * Một số ít hộ không có điều kiện kinh tế để gia cố nhà và di dời đến nơi không bị ảnh hưởng | **\*Kiến thức ý thức:**   * Nhiều hộ dân có ý thức chủ động di dời tài sản đến nơi an toàn như: kê cao, sắp xếp ngăn nắp khi đến mùa nước lên. * Người dân có ý thức bảo vệ và giúp đỡ hộ khó khăn khi đến mùa nước dâng như: hỗ trợ di dời, hỗ trợ tiền của khi bị thiệt hại,.. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * Nhà yếu (nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố: 63/234 hộ (30%) | **\*Vật chất:**   * Có 165/234 nhà kiên cố và bán kiên cố. | * Nhà sập và dễ bị hư hỏng tài sản (tivi, tủ lạnh,…) * Có nguy cơ bị tai nạn về điện | Cao  (do nằm gần tuyến biển triều cường thường xuyên dâng cao dễ bị sạt lở có nhiều trẻ em, người già và người khuyết tật nhiều, nhà yếu nhiều, ý thức phòng chống lốc xoáy thấp, nhiều hộ nghèo không có khả năng gia cố nhà ở) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Trẻ em: 228 (106 nữ) . * Phụ nữ mang thai: 8 người. * Người cao tuổi: 61 (32 nữ) * Người khuyết tật: 4 (3 nữ) * Người bị bệnh hiểm nghèo 1/2 . * Người nghèo 4 nữ/5 hộ. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Lồng ghép hội, họp tuyên truyền nâng cao ý thức giằng néo nhà ở đến người dân. * Các ngành đoàn thể xã phối hợp với ấp để tuyên truyền, giúp đỡ.các hộ khó khăn |
| **\*Kiến thức ý thức:**   * Một số người dân vẫn chủ quan không giằng néo nhà cửa mặc dù có tuyên truyền. * Một số giằng neo nhưng không đúng cách vì chưa có kỹ thuật, * Một số ít hộ không có điều kiện kinh tế. | **\*Kiến thức ý thức:**   * Đa số người dân có ý thức tự chằng chống nhà cửa khi được tuyên truyền vận động |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ: 10/74 hộ. * Nhà thiếu kiên cố: 12/74 hộ. * Đặc điểm vùng đất trũng thấp, dễ bị ngập. * Diễn biến lốc xoáy bất thường, khó dự đoán vùng xảy ra. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 23/74 hộ * Nhà bán kiên cố 29/74 hộ | * Nhà bị hư hỏng (sập, tốc mái). * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. | Cao  (số trẻ em, người già và người khuyết tật nhiều, nhà yếu nhiều, ý thức phòng chống lốc xoáy thấp, nhiều hộ nghèo không có khả năng gia cố nhà ở) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng | **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ dân nhà kiên cố và bán kiên cố, có kỹ năng chằng néo nhà cửa. |
| **Triều cường ngập nước và Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ: 14/141 hộ. * Nhà thiếu kiên cố: 29/141 hộ. * Đặc điểm vùng đất trũng thấp, dễ bị ngập. * Diễn biến lốc xoáy bất thường, khó dự đoán vùng xảy ra. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 42/141 hộ * Nhà bán kiên cố 56/141 hộ | * Nhà sập và dễ bị hư hỏng tài sản (tivi, tủ lạnh,…) * Có nguy cơ bị tai nạn về điện | Trung bình  (do người dân có ý thức và kinh nghiệm phòng tránh, khi triều cường dâng; có nhiều nhà kiên cố) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng | **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% hộ dân nhà kiên cố và bán kiên cố, có kỹ năng chằng néo nhà cửa. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ: 25/201 hộ. * Nhà thiếu kiên cố: 35/201 hộ. * Đặc điểm vùng đất trũng thấp, dễ bị ngập. * Diễn biến lốc xoáy bất thường, khó dự đoán vùng xảy ra. | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố: 62/201 hộ * Nhà bán kiên cố 80/201 hộ | * Nhà bị hư hỏng (sập, tốc mái). * Hư hỏng một số vật dụng trong gia đình. | Trung bình  (do người dân có ý thức và kinh nghiệm phòng tránh, khi triều cường dâng; có nhiều nhà kiên cố) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng | **\* Tổ chức xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ dân nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng chằng néo nhà cửa. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ dân nhà kiên cố và bán kiên cố, có kỹ năng chằng néo nhà cửa. |
| **Mưa to kèm lốc xoáy và Sạt lở** | ***Ấp Xóm Mới*** | 310 | \***Vật chất:**   * Nhà đơn sơ 10/310 hộ * Nhà tạm bợ 84/310 hộ * Có nhiều yếu dể bị sập khi có lốc xoáy   **\*Tổ chức, xã hội:**   * Ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT riêng mà chỉ thực hiện theo kế hoạch PCTT của xã. * Công tác tuyên truyền vận động người dân đối phó với triều cường và mưa to lốc xoáy chưa sâu rộng   **\*Kiến thức, ý thức:**  **-**30.3% nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố thiếu kỹ năng phòng chống thiên tai | \***Vật chất:**   * Nhà kiên cố 92/310 hộ * Nhà bán kiên cố 124/310 hộ   **\*Tổ chức, xã hội:**   * Ấp có đội xung kích (10 người) để kịp thời cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra.   **\*Kiến thức, ý thức:**   * 69.7% nhà kiên cố, nhà bán kiên cố có kiến thức về phòng chống thiên tai | * Hư hỏng nhà cửa( tốc mái nhà, vật dụng trong nhà bị hư hỏng nặng) | Cao  (số trẻ em, người già và người khuyết tật nhiều, nhà yếu nhiều, ý thức phòng chống lốc xoáy thấp, nhiều hộ nghèo không có khả năng gia cố nhà ở) |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ 13/265 hộ * Nhà tạm bợ 66/265 hộ * Nhà dể bị hư hỏng như mục chân nhà | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố 79/265 hộ * Nhà bán có 107/265 hộ | * Hư hỏng nhà cữa do nước dâng | Cao  (số trẻ em, người già và người khuyết tật nhiều, nhà yếu nhiều, ý thức phòng chống lốc xoáy thấp, nhiều hộ nghèo không có khả năng gia cố nhà ở) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em:122(nữ)/247 * Người già:50(nữ)/63 * Người khuyết tật:7(nữ)/13 * Người nghèo:14(nữ)/47 * Phụ nữ mang thai:11 | **\* Tổ chức, xã hội:**   * Lồng ghép hội, họp tuyên truyền nâng cao ý thức giằng néo nhà ở đến người dân. * Các ngành đoàn thể xã phối hợp với ấp để tuyên truyền, giúp đỡ.các hộ khó khăn |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 29.8% nhà đơn sơ, nhà tạm bợ thiếu kỹ năng trong việc PCTT | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70.2% nhà kiên cố, bán kiên cố có kỹ năng về PCTT |
| **Triều cường**  **ngập nước dâng)** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ 06 căn * Nhà tạm bợ 63 căn * Nhà dể bị hư hỏng như mục chân nhà | **\*Vật chất:**   * Nhà kiên cố 93/230 hộ * Nhà bán kiên cố có 68/230 căn | * Hư hỏng nhà ở do nước dâng | Thấp  (do người dân có ý thức và khả năng phòng tránh tốt) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em:129(nữ)/280 * Người già:31(nữ)/99 * Người khuyết tật:3 * Người nghèo:4(nữ)/13 * Phụ nữ mang thai:9 | **\* Tổ chức, xã hội:**  - Lồng ghép hội, họp tuyên truyền nâng cao ý thức giằng néo nhà ở đến người dân.  Các ngành đoàn thể xã phối hợp với ấp để tuyên truyền, giúp đỡ.các hộ khó khăn |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% nhà đơn sơ, nhà tạm bợ thiếu kỹ năng trong việc PCTT | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% nhà kiên cố, bán kiên cố có kỹ năng về PCTT |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 | **\*Vật chất:**   * Nhà đơn sơ 11/150 hộ * Nhà tạm bợ 35/150 hộ * Nhà dể bị hư hỏng như mục chân nhà | **\*Vật chất:**  - Nhà kiên cố 43/150 hộ  - Nhà bán có 61/150 hộ | Hư hỏng nhà cữa do nước dâng | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * Trẻ em:117(nữ)/177 * Người già:28(nữ)/53 * Người khuyết tật:2(nữ)/3 * Người nghèo:2(nữ)/16 * Phụ nữ mang thai:3 | **\* Tổ chức, xã hội:**   * Lồng ghép hội, họp tuyên truyền nâng cao ý thức giằng néo nhà ở đến người dân. * Các ngành đoàn thể xã phối hợp với ấp để tuyên truyền, giúp đỡ.các hộ khó khăn |
| **\* Kiến thức, ý thức:**  -30.6% nhà đơn sơ, nhà tạm bợ thiếu kỹ năng trong việc PCTT | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 69.4% nhà kiên cố, bán kiên cố có kỹ năng về PCTT |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\*Vật chất:**   * Có 9/199 nhà đơn sơ * 51/199 nhà tạm (lá, vật liệu địa phương) | **\*Vật chất:**   * Có 59/199 nhà kiên cố * 80/199 nhà bán kiên cố. | * Nhà sập và dễ bị hư hỏng tài sản (tivi, tủ lạnh,…) * Có nguy cơ bị tai nạn về điện | Cao  (do nằm ở tuyến biển triều cường dâng thường xuyên xảy ra, nhiều trẻ em, người già và nhà tạm) |
| **\* Tổ chức xã hôi:**   * Trẻ em: 135 (nữ)/275 * Phụ nữ mang thai: 9 người. * Người cao tuổi: 117 (59 nữ) * Người khuyết tật: 5 (4 nữ) * 8 người nghèo (7 nữ). | **\*Tổ chức xã hôi:**   * Lồng ghép hội, họp tuyên truyền nâng cao ý thức giằng néo nhà ở đến người dân. * Các ngành đoàn thể xã phối hợp với ấp để tuyên truyền, giúp đỡ.các hộ khó khăn |
| **\*Kiến thức ý thức**  -30.15% nhà đơn sơ và tạm bợ người dân vẫn chủ quan không giằng néo nhà cửa mặc dù có tuyên truyền.   * Một số giằng néo nhưng không đúng cách vì chưa có kỹ thuật, * Một số ít hộ không có điều kiện kinh tế. | **\*Kiến thức ý thức**   * 69.85% nhà kiên cố và bán kiên cố người dân có ý thức chằng néo nhà cửa. * Chủ động di dời tài sản đến nới cao ráo tránh ngập, ướt, sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng |

## Nước sạch, vệ sinh và môi trường

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Nhưng Miên** | 625 | **\*Vật chất:**   * 130/625 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * Khoảng 200 hộ dân khu dân cư ấp Nhưng Miên không có diện tích đất để làm các hố rác. | **\*Vật chất:**   * 100% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh (trong đó có 3 trạm cấp nước công cộng với 227 hộ, giếng đào/khoan là 398 hộ) * 495/625 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * Ấp có 10 thùng rác đặt tại các nơi công cộng và 3 thùng đốt rác. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Cao  (thói quen của người dân xả thải ra sông; ấp không có nơi xử lý rác tập trung; số hộ có nhà vệ sinh tạm và số hộ dân vứt rác thải ra sông còn nhiều (330 hộ) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ dân có thói quen xả chất thải sinh hoạt và chất thải chăn nuôi trực tiếp xuống sông. * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ dân có thói quen xả chất thải sinh hoạt và chất thải chăn nuôi trực tiếp xuống sông. * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Biện Nhạn** | 160 | **\*Vật chất:**   * 24/160 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 13 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân còn vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 136/160 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 147 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (30% người dân vứt rác thải ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** | 283 | **\*Vật chất:**   * 32/283 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 9 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 251/283 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 274 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (30% người dân vứt rác thải ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\*Vật chất:**   * 36/165 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 34 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 129/283 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 131 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (30% người dân vứt rác thải ra sông; hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm còn nhiều (36 hộ) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Láng Tròn** | 74 | **\*Vật chất:**   * 23/74 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 6 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 51/74 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 68 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Cao  (30% người dân vứt rác thải ra sông, ấp không có nơi xử lý rác tập trung; số hộ có nhà vệ sinh tạm còn nhiều (23/74 hộ). |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước và Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * 28/141 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 3 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 113/141 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 138 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (30% người dân vứt rác thải ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\*Vật chất:**   * 53/201 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 3 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 35% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 158/201 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 198 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 65% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Cao  (ấp không có nơi xử lý rác tập trung; 35% hộ dân còn vứt rác thải ra sông; số hộ có nhà vệ sinh tạm còn nhiều (53/201 hộ) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\*Vật chất:**   * 25/265 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 9 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 240/265 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 256 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (30% người dân vứt rác thải ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xẻo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * 19/230 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 2 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 35% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 211/230 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 228 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 65% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (35% hộ dân vứt rác ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\*Vật chất:**   * 48/159 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 12 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 113/159 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 147 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (người dân có ý thức hạn chế việc xả rác thải ra sông; 100% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh, tuy nhiên số hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm còn nhiều (48/159 hộ) |
|  |  | **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 | **\*Vật chất:**   * 41/150 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 5 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 109/150 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 145 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Cao  (ấp không có nơi xử lý rác tập trung; 30% hộ dân còn vứt rác thải ra sông; số hộ có nhà vệ sinh tạm còn nhiều (41/150 hộ) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\*Vật chất:**   * 19/199 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 18 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 180/199 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 181 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. * Ô nhiễm môi trường nước NTTS. * Nguy cơ xảy ra dịch bệnh. | Trung bình (30% hộ dân vứt rác ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * 31/234 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 15 hộ không có hệ thống giếng đào/khoan (sử dụng chung với các hộ lân cận) * Ấp không có nơi xử lý rác tập trung. * 30% hộ dân vứt rác ra sông. | **\*Vật chất:**   * 203/234 hộ có nhà vệ sinh tự hoại. * 219 hộ có hệ thống giếng đào/khoan. * 70% hộ dân đốt rác thải. | * Ô nhiễm môi trường sống xung quanh nhà. | Trung bình (30% hộ dân vứt rác ra sông; vẫn còn hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm) |
| **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. | **\*Tổ chức xã hội:**   * Xã có đội môi trường, kết hợp cùng ấp để tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện các chiến dịch vệ sinh môi trường. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% người dân nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. |

## Y tế và quản lý dịch bệnh

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | **\*Vật chất:**   * 95% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. | **\*Vật chất:**   * 5% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. * Có 01 trạm y tế xã đóng trên địa bàn ấp gồm: 01 bác sĩ, 4 y tá đã qua đào tạo. * Có 03 quầy thuốc tây trên ấp. | * Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời dẫn đến lây lan. * Thiếu cán bộ y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân | Trung bình  (Người dân có ý thức tốt, có trạm y tế tại ấp, có UBND xã đóng trên địa bàn ấp nên các Ban ngành đoàn thể xã phối hợp tốt) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 255/546 nữ. * Phụ nữ mang thai: 17 người. * Người cao tuổi: 128/223 nữ * Người khuyết tật: 18/34 nữ. * Người bị bệnh hiểm nghèo: 1/3 nữ. * Người nghèo: 33/80 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 60% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 40% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 40% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 60% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Biện Nhạn** | 160 | **\*Vật chất:**   * 97%% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. | **\*Vật chất:**   * 3% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. * Gần trạm y tế xã (khoảng 3 km). * Có Tổ y tế ấp (1 người). | * Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời dẫn đến lây lan. * Thiếu cán bộ y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 114/214 nữ. * Phụ nữ mang thai: 6 người. * Người cao tuổi: 25/54 nữ * Người khuyết tật: 6/8 nữ. * Người nghèo: 6/23 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 70% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 40% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 30% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 60% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\*Vật chất:**   * 97% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 8 km).   - Không có Tổ y tế ấp. | **\*Vật chất:**   * 3% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 109/231 nữ. * Phụ nữ mang thai: 5 người. * Người cao tuổi: 34/57 nữ * Người khuyết tật: 5/6 nữ. * Người nghèo: 10/18 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 70% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 40% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 30% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 60% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** | 283 | **\*Vật chất:**   * 90% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 27 km). | **\*Vật chất:**   * 10% hộ dân có tủ thuốc tại nhà.   - Có Tổ y tế ấp (1 người) | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 132/163 nữ. * Phụ nữ mang thai: 7 người. * Người cao tuổi: 43/87 nữ * Người khuyết tật: 6/7 nữ. * Người nghèo: 5/18 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 70% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 40% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 30% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 60% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng** | **Ấp Đồng Khởi** | 165 | **\*Vật chất:**   * 90% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 10 km).   - Không có Tổ y tế ấp. | **\*Vật chất:**   * 10% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 86/162 nữ. * Phụ nữ mang thai: 5 người. * Người cao tuổi: 42/89 nữ * Người khuyết tật: 6/14 nữ. * Người nghèo: 5 người. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 68% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 30% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 32% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 70% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * 95% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 10 km).   - Không có Tổ y tế ấp. | **\*Vật chất:**   * 5% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 106/228 nữ. * Phụ nữ mang thai: 8 người. * Người cao tuổi: 32/61 nữ * Người khuyết tật: 3/4 nữ. * Người bệnh hiểm nghèo: 1/2 nữ * Người nghèo: 4/5 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 70% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 30% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 30% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 70% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 | **\*Vật chất:**   * 90% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 8 km). | * \*Vật chất: * 10% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. * Có Tổ y tế ấp (1 người). | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Trung bình |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 50/108 nữ. * Phụ nữ mang thai: 4 người. * Người cao tuổi: 12/21 nữ * Người khuyết tật: 1/2 nữ. * Người nghèo: 4/14 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | **\* Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 60% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 40% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng, Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * 95% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 10 km).   - Không có Tổ y tế ấp. | **\*Vật chất:**   * 5% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Trung bình |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 87/168 nữ. * Phụ nữ mang thai: 6 người. * Người cao tuổi: 30/56 nữ * Người khuyết tật: 1/5 nữ. * Người bệnh hiểm nghèo: 1/2 nữ * Người nghèo: 1/14 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 60% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 40% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\*Vật chất:**   * 92% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. | **\*Vật chất:**   * 8% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. * Gần trạm y tế xã (khoảng 05 km). * Có Tổ y tế ấp (1 người). | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Trung bình |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 99/182 nữ. * Phụ nữ mang thai: 7 người. * Người cao tuổi: 31/47 nữ * Người khuyết tật: 3/12 nữ. * Người nghèo: 4/34 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 60% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 40% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\*Vật chất:**   * 95% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 12 km). | **\*Vật chất:**   * 5% hộ dân có tủ thuốc tại nhà.   - Có Tổ y tế ấp (1 người). | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 257 (123 nữ). * Phụ nữ mang thai: 11 * Người cao tuổi: 63 (50 nữ) * Người khuyết tật: 13 (7 nữ) * Người nghèo: 14 (4 nữ) * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 55% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 45% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng** | ***Ấp Xẻo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * 90% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 12 km). * Không có Tổ y tế ấp. | **\*Vật chất:**   * 10% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 129/280 nữ. * Phụ nữ mang thai: 9 người. * Người cao tuổi: 45/94 nữ * Người khuyết tật: 2/6 nữ. * Người nghèo: 5/9 nữ * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 50% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 50% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng** | **Ấp Cây Phước** | 150 | **\*Vật chất:**   * 90% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 10 km). | **\*Vật chất:**   * 10% hộ dân có tủ thuốc tại nhà.   - Có Tổ y tế ấp (1 người) | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 117/177 nữ. * Phụ nữ mang thai: 3 người. * Người cao tuổi: 28/53 nữ * Người khuyết tật: 2/4 nữ. * Người nghèo: 2/16 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 50% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 50% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |
| **Triều cường nước dâng** | **Ấp Xưởng Tiện** | 199 | **\*Vật chất:**   * 92% hộ dân không có tủ thuốc tại nhà. * Cách xa trạm y tế xã (khoảng 13 km). | **\*Vật chất:**   * 8% hộ dân có tủ thuốc tại nhà. * Có Tổ y tế ấp (1 người) | * Nguy cơ bị dịch bệnh * Nguy cơ cứu chữa không kịp thời do khó khăn đi lại | Cao  (ý thức người dân thấp, xa trạm y tế không thuận tiện cho chăm sóc sức khoẻ và tỷ lệ người già, trẻ em, người khuyết tật cao) |
| \* **Tổ chức xã hội**   * Trẻ em: 135/275 nữ. * Phụ nữ mang thai: 9 người. * Người cao tuổi: 59/117 nữ * Người khuyết tật: 4/5 nữ. * Người nghèo: 7/8 nữ. * Chưa có các buổi tập huấn về nâng cao sức khỏe cộng đồng. | \* **Tổ chức xã hội**   * Vận động người dân tiêm phòng, chích ngừa bệnh dịch. * Thường xuyên tuyên truyền người dân vệ sinh khu vực xung quanh nhà ở hạn chế dịch bệnh. * Vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện. |
| **\* Kiến thức, ý thức**   * 55% người dân vẫn còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 20% người dân không khám chữa bênh, tự ý mua thuốc uống không qua hướng dẫn của bác sĩ chuyên môn. | **\* Kiến thức, ý thức**   * 45% người dân chủ động trong việc phòng ngừa bệnh. * 55% người dân tham gia BHYT tự nguyện. * 80% người dân đến cơ sở y tế đề điều trị khi có bệnh. |

## Giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Nhưng Miên** | 625 | **\*Vật chất:**   * 100% đường lộ đất đen, 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 50% trẻ em chưa biết bơi. | **\*Vật chất:**   * Có 3 điểm trường kiên cố đạt chuẩn quốc gia: mẫu giáo, THCS, Tiểu học. | * Có nguy cơ bị đuối nước. * Có nguy cơ té, ngã, ướt cặp sách. Học sinh có nguy cơ phải nghĩ học vì nước dâng | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 50% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 50% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Biện Nhạn** | 160 | **\*Vật chất:**   * 55% đường lộ đất đen * 100% đường thôn và đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 50% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp | **\*Vật chất:**  - Gần trường học trung tâm xã (3km).   * 50% trẻ em biết bơi. | * Có nguy cơ bị đuối nước. * Có nguy cơ té, ngã, ướt cặp sách. Học sinh có nguy cơ phải nghĩ học vì nước dâng | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng** | **Ấp Bàn Quỳ** | 159 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn và đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh.   - Xa trường học trung tâm xã (8km).   * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi. | * Nguy cơ thiệt hại đến tính mạng trẻ em do không biết bơi * Nguy cơ gián đoạn trong việc đi học. | Cao |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng và Sạt lở** | **Ấp Kinh Ranh** | 283 | **\*Vật chất:**   * 55% đường lộ đất đen   100% đường thôn và đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh.  - Xa trường học trung tâm xã (7 km).   * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi. | * Nguy cơ thiệt hại đến tính mạng trẻ em do không biết bơi * Nguy cơ gián đoạn trong việc đi học. | Cao |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng** | **Ấp Đồng Khởi** | 165 | **\*Vật chất:**   * 25% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi.   - Gần trường học Tiểu học 2 (1km). | * Nguy cơ thiệt hại đến tính mạng trẻ em do không biết bơi * Nguy cơ gián đoạn trong việc đi học. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng và Sạt lở** | **Ấp Kinh Ráng** | 234 | **\*Vật chất:**   * 60% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 30% trẻ em chưa biết bơi. | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi.   - Có trường Tiểu học 2 trên địa bàn ấp. | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Láng Tròn** | 74 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 20% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp | **\*Vật chất:**   * 80% trẻ em biết bơi.   - Gần trường học Tiểu học 2 (4km). | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng và Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 20% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp   - Gần trường học trung tâm xã (5km). | **\*Vật chất:**   * 80% trẻ em biết bơi.   - | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Tắc Biển** | 201 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 85% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp. | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi.   - Gần trường học trung tâm xã (5km). | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng và Sạt lở** | **Ấp Xẻo Ngay** | 265 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp * Xa trường học trung tâm xã (7km). | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi. | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp * Xa trường học trung tâm xã (12km). | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi. | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 20% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp * Xa trường học trung tâm xã (10km). | **\*Vật chất:**   * 80% trẻ em biết bơi. | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% phụ huynh đưa rước học sinh. |
| **Triều cường nước dâng** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\*Vật chất:**   * 100% đường thôn ấp. * 100% đường nội đồng gây khó khăn cho việc đi lại của học sinh. * 30% trẻ em chưa biết bơi. * Không có trường học trên địa bàn ấp * Xa trường học trung tâm xã (13km). | **\*Vật chất:**   * 70% trẻ em biết bơi. | * Học sinh có nguy cơ phải bỏ học. * Học sinh có nguy cơ bị đuối nước. | Trung bình |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Chưa có chương trình dạy bơi cho học sinh. | **\* Tổ chức, Xã hội:**  - Các ngành đoàn thể thường xuyên tuyên truyền vận động học sinh đảm bảo an toàn khi đến trường trong mùa nước dâng. |  |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 90% người dân còn để tình trạng con em tự đi đến trường. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 10% phụ huynh đưa rước học sinh. |

## Rừng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lố xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 0,5% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 390,2ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 50% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 80% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 80% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 20% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 80% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 20% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lố xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** | 160 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 10% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 290,5ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 90% diện tích trồng đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
|  | **\* Tổ chức**   * 60% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 85% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 32% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 15% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
|  |  |  | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 80% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 20% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |  |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 10% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 250,7ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 90% diện tích trồng đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 40% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 75% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 56% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 20% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 85% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 15% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** |  | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 0,5% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 390,2ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng trước đây 10 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 50% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 80% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 80% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 20% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 80% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 20% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 15% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết | **\*Vật chất:**   * 264,3ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * Ấp có 264ha rừng phòng hộ do BQL Rừng phòng hộ Nhưng Miên quản lý * 100% diện tích trồng cách đây 7 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 50% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 85% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 40% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 15% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 80% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 20% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 10% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ dotriều cường ngập nước và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 430ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * Ấp có 430,5ha rừng phòng hộ do BQL Rừng phòng hộ Nhưng Miên quản lý * 100% diện tích trồng đã cách đây 7-8 năm thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 55% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 75% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 42% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 25% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 75% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 25% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 hộ | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 25% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 130,9ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * Ấp có 130,9ha rừng phòng hộ do BQL Rừng phòng hộ Nhưng Miên quản lý * 100% diện tích trồng đã thành rừng cách đây 10 năm * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 65% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 80% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 54% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 20% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
|  |  |  | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 85% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 15% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |  |  |
| **Triều cường ngập nước và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 10% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do triều cường ngập nước và lốc xoáy | **\*Vật chất:**   * 301,3ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng cách đây 7 đến 8 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 50% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 75% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 48% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 25% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 70% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 30% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 10% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 15% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 747ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng cách đây 8-10 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 70% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 85% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 48% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 15% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 90% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 10% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Mưa to kèm Lốc xoáy và Sạt** | ***Ấp Xóm Mới*** | 310 | **\*Vật chất:**   * 20% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước thấp khoảng 0,3m * Khoảng 15% rừng mới trồng chưa thành rừng dễ bị chết do sạt lở | **\*Vật chất:**   * 715ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 90% diện tích trồng cách đây 7-9 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 50% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 75% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 86% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 25% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 75% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 25% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước và một số diểm bị sạt lở * Khoảng 20% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 15% cây bị gãy đổ do triều cường và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 810ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng cách đây 5-7 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 70% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 80% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 52% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 20% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 80% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 20% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 15% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết | **\*Vật chất:**   * 820ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 60% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 70% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 28% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 30% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
|  |  |  | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 70% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 30% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 0,5% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết * Khoảng 10% cây bị gãy đổ do lốc xoáy và sạt lở | **\*Vật chất:**   * 375ha rừng ngập trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * 100% diện tích trồng cách đây 6-8 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 70% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 80% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 35% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 20% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
|  |  |  | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 85% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 15% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |  |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\*Vật chất:**   * 100% rừng đều thường xuyên bị triều cường ngập nước * Khoảng 25% rừng mới trồng chưa thành rừng cây ngập nước chết | **\*Vật chất:**   * 485,1ha rừng ngập mặn trồng cây đước, xen mắm (tự mọc) * Ấp có 485,1ha rừng phòng hộ do BQL Rừng phòng hộ Nhưng Miên quản lý * 100% diện tích trồng cách đây 10 năm đã thành rừng * Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng là nuôi tôm, cua, cá sinh thái | * Diện tích rừng có nguy cơ giảm do cây bị gãy, chết không trồng lại | Cao  (Số hộ thiếu ý thức bảo vệ phát triển rừng còn nhiều) |
| **\* Tổ chức**   * 50% hộ dân chưa thực hiện trồng đủ rừng do vẫn muốn sử dụng diện tích mặt nước để nuôi tôm, cua cá sinh thái * 85% hộ thiếu ý thức chủ động trồng dặm rừng bị gãy, chết * 42% phụ nữ không đất sản xuất sống chủ yếu vào nghề khai thác thủ công (bắt Ba khía, Ốc các loại…) | **\* Tổ chức**   * 100% diện tích rừng sản xuất do dân làm chủ * Đánh bắt thủ công (bắt ba khía, ốc, thòi lời * Ban QL rừng kết hợp với Xã để tuyên truyền vận động người dân trồng đủ 70% diện tích dược giao khoán * 15% hộ có ý thức chủ động trồng thay thế cây bị gãy, chết |
| **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 85% hộ không có ý thức và kiến thức trồng rừng | **\* Kiến thức, Ý thức:**   * 15% hộ có ý thức cao về bảo vệ và phát triển rừng |

## Trồng trọt

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường**  **nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | **\* Vật chất:**   * 51/171 hộ trồng rau màu với diện tích 4,2/12,5 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 10% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 90% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt.   - 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất rau màu. * Giảm diện tích đất trồng rau màu.. | Trung bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 30% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 70% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** | 160 | **\* Vật chất:**   * 20/80 hộ trồng rau màu với diện tích 2,1/8,2 ha bị ảnh hưởng. * vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 5% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 95% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất rau màu. * Giảm diện tích đất trồng rau màu.. | Trung bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\* Vật chất:**   * 31/111 hộ trồng rau màu với diện tích 2,5/8,9 ha bị ảnh hưởng. * vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 7% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 93% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất rau màu. * Giảm diện tích đất trồng rau màu.. | Trung bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 25% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 75% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** |  | **\* Vật chất:**   * 23/141 hộ trồng rau màu với diện tích 2/9,6 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 5% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 95% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất rau màu. * Giảm diện tích đất trồng rau màu.. | Trung bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 15% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 85% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\* Vật chất:**   * 36/99 hộ trồng rau màu với diện tích 3,7/9,2 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng, triều cường dâng cao khoảng 1m). * 5% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 95% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất rau màu. * Giảm diện tích đất trồng rau màu.. | Trung bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\* Vật chất:**   * 56/140 hộ trồng rau màu với diện tích 5,4/11,2 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng, triều cường dâng cao khoảng 1m). * 7% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 93% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 10% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 90% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 hộ | **\* Vật chất:**   * 21/44 hộ trồng rau màu với diện tích 1,6/5,2 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng, triều cường dâng cao khoảng 1m). * 10% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 90% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 25% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 75% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** |  | **\* Vật chất:**   * 23/84 hộ trồng rau màu với diện tích 2,1/8,3 ha bị ảnh hưởng. * vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 5% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 95% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 25% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 75% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** |  | **\* Vật chất:**   * 31/141 hộ trồng rau màu với diện tích 3,4/9,2 ha bị ảnh hưởng. * vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 5% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 95% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. * Đất bị nhiễm mặn | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** |  | **\* Vật chất:**   * 29/153 hộ trồng rau màu với diện tích 2,6/9,8 ha bị ảnh hưởng. * vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 10% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 90% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. * Đất bị nhiễm mặn | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Xéo Lá*** |  | **\* Vật chất:**   * 18/138 hộ trồng rau màu với diện tích 1,9/9,1 ha bị ảnh hưởng. * vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng). * 5% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 80% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 95% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 20% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. * Đất bị nhiễm mặn | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Cây Phước*** |  | **\* Vật chất:**   * 38/91 hộ trồng rau màu với diện tích 2,9/8,1 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng, triều cường dâng cao khoảng 1m) * 8% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 90% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 92% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 10% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. * Đất bị nhiễm mặn | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |
| **Triều cường**  **nước dâng** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\* Vật chất:**   * 32/79 hộ trồng rau màu với diện tích 2,5/6,1 ha bị ảnh hưởng. * Vùng đất trồng thấp (dễ ngập úng, triều cường dâng cao khoảng 1m) * 10% hộ không đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 90% hộ trồng rau màu chưa áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. | **\*Vật chất:**   * 90% hộ đảm bảo nước phục vụ cho việc trồng trọt. * 10% hộ trồng rau màu ứng dụng khoa học kỹ thuật tăng thu nhập. | * Giảm năng suất cây trồng. * Giảm diện tích. * Đất bị nhiễm mặn | Trung Bình  (rủi ro do thiên tai có thể từng hộ sản xuất khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Ít mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học trên lĩnh vực trồng trọt. * Toàn xã chỉ có 1 cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp. | **\* Tổ chức xã hội:**   * Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng chiều cao diện tích trồng rau màu chống ngập. |
| **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 20% hộ trồng rau màu chưa chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. * Do không phải là nguồn thu nhập chính nên nhiều hộ dân không quan tâm. | **\* Ý thức kinh nghiệm:**   * 80% hộ trồng rau màu chủ động trong việc nâng chiều cao diện tích trồng trọt để chống ngập. |

## Chăn nuôi

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 70% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 30% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ dân không tiêm phòng theo quy định. * 30% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 70% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** |  | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 60% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 40% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ dân không chịu tiêm phòng theo quy định. * 20% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 80% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước** | **Ấp Đồng Khởi** |  | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 65% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 35% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ dân không tiêm phòng theo quy định. * 25% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 75% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** |  | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 70% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 30% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ dân không tiêm phòng theo quy định. * 30% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 70% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** |  | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 60% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 40% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ dân không tiêm phòng theo quy định. * 30% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 70% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** |  | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 50% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 50% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ dân không tiêm phòng theo quy định. * 30% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 70% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triwwuf cường ngập nước và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** |  | **\*Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * Chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. * 65% hộ nuôi có chuồng trại không kiên cố. | **\*Vật chất:**   * 35% hộ nuôi có chuồng trại kiên cố. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Không kịp thời xử lý dịch bệnh dẫn đến lây lan. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Tập huấn kiến thức về chăn nuôi còn hạn chế. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ dân không tiêm phòng theo quy định. * 20% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ dân chủ động phối hợp với cán bộ thú y để thực hiện tiêm phòng. * 80% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xẻo Lá*** |  | **\* Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * 65% hộ nuôi có chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. | **\* Vật chất:**   * 35% hộ nuôi có chuồng trại không bị ngâp. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** |  | **\* Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * 60% hộ nuôi có chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. | **\* Vật chất:**   * 40% hộ nuôi có chuồng trại không bị ngâp. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**  - 70% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước** | **Ấp Xưởng Tiện** |  | **\* Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * 40% hộ nuôi có chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. | **\* Vật chất:**   * 60% hộ nuôi có chuồng trại không bị ngâp. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước** | **Ấp Bàn Quỳ** |  | **\* Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * 30% hộ nuôi có chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. | **\* Vật chất:**   * 70% hộ nuôi có chuồng trại không bị ngâp. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | **Ấp Kinh Ráng** |  | **\* Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * 30% hộ nuôi có chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. | **\* Vật chất:**   * 70% hộ nuôi có chuồng trại không bị ngâp. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm |  |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 25% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 75% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |
| **Triều cường ngập nước** | **Ấp Cây Phước** |  | **\* Vật chất:**   * Đặc điềm vùng đất trũng, thấp. * 30% hộ nuôi có chuồng trại xây dựng vị trí thấp, dễ bi ngập. | **\* Vật chất:**   * 70% hộ nuôi có chuồng trại không bị ngâp. | * Có nguy cơ sập chuồng trại. * Thiệt hại về số lượng gia súc, gia cầm | Trung bình  (quy mô nhỏ hộ gia đình có thể khắc phục được) |
| **\* Tổ chức xã hội:**   * Chỉ có 1 cán bộ thú y xã. * Công tác tiêm phòng chưa thường xuyên. | **\* Tổ chức xã hội**   * Phối hợp với các ngành đoàn thể tuyên truyền vận động đăng ký kê khai sản xuất ban đầu và tiêm phòng đúng quy định. * Xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra không để bùng phát lan rộng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 20% hộ dân còn chủ quan trong việc quản lý dịch bệnh đàn vật nuôi. | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 80% hộ dân có ý thức trong việc quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi. |

## Thủy Sản

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | **\* Vật chất:**   * 45% hộ nuôi trồng thuỷ sản (125 hộ ) với 390 ha có 67% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hang năm 57% * 90% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 60% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 10% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 40% hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (90% bờ bao đất đen. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, 30% hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi khôn có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 30% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 70% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có dự án của Công ty Minh Phú hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 25% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 45% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** | 160 | **\* Vật chất:**   * 79,38% hộ nuôi trồng thuỷ sản (127 hộ ) với 495 ha có 52% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 38% * 78% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 40% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 22% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 60% hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
|  |  | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 20% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 80% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  |  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 25% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\* Vật chất:**   * 87% hộ nuôi trồng thuỷ sản (118 hộ ) với 328 ha có 50% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 88% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 60% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 12% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 40% hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 60% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 40% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 25% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** | 283 | **\* Vật chất:**   * 66,78% hộ nuôi trồng thuỷ sản (189 hộ ) với 560ha có 65% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 55% * 78% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 40% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 22% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 60% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 60% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 40% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |  |  |
|  |  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 25% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường**  **ngập nước** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\* Vật chất:**   * 73% hộ nuôi trồng thuỷ sản (121hộ ) với 229ha có 78,3% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 45% * 95% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 50% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 0,5% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 50% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 50% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 50% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 45% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 55% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\* Vật chất:**   * 68,4% hộ nuôi trồng thuỷ sản (160hộ ) với 559,4ha có 36% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 93% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 43% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 0,7% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 57% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 43% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 57% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 25% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 75% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt ỡ và Mưa to kèm Lốc xoáy**  **(nước**  **dâng)** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 | **\* Vật chất:**   * 73,4% hộ nuôi trồng thuỷ sản (55hộ ) với 160ha có 50% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 80% * 96% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 45% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 0,4% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 55% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 45% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước và Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | **\* Vật chất:**   * 78,8% hộ nuôi trồng thuỷ sản (110hộ ) với 390ha có 70% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 56% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 27% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 44% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 73% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 27% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 73% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 70% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\* Vật chất:**   * 68% hộ nuôi trồng thuỷ sản (181hộ ) với 810,4ha có 80% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 45% * 40% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 35% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 60% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 65% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 35% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kem Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\* Vật chất:**   * 78,6% hộ nuôi trồng thuỷ sản (165hộ ) với 747ha có 55% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 80% * 40% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 45% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 60% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 55% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 45% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  |  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 45% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 55% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 70% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Mư to kèm Lốc xoáy và Sạt lở** | ***Ấp Xóm Mới*** | 310 | **\* Vật chất:**   * 83,3% hộ nuôi trồng thuỷ sản (258hộ ) với 825ha có 42% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 35% * 20% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Ấp ít bị triều cường ngập nước * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 80% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. * Có HTX Đồng Phát Đạt của ấp cung cấp tôm giống sạch theo chuẩn Vietgap | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. | **Trung bình**  (có 25% bờ bao đất đen, ít bị triều cường ngập nước, chưa có thuốc đặc trị, ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật cao) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 15% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 08km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 25% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 85% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hàng năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 20% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 80% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | **\* Vật chất:**   * 88,3% hộ nuôi trồng thuỷ sản (203hộ ) với 832ha có 50% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 40% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 60% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 25% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 12km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 75% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 70% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường**  **ngập nước** | **Ấp cây phước** | 150 | **\* Vật chất:**   * 74,7% hộ nuôi trồng thuỷ sản (112hộ ) với 385ha có 90% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 61% * 70% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 55% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 30% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 45% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bệnh, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 18km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 45% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 55% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 45% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường**  **ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\* Vật chất:**   * 87,2% hộ nuôi trồng thuỷ sản (136hộ ) với 480ha có 45% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 60% * 65% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 35% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 25% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 75% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Thuỷ sản Năm Căn hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. * Có HTX Đồng Phát Đạt chuyên cung cấp dịch vụ nươi trồng thuỷ sản (thuốc, thức ăn…) |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật. * 15% hộ còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức và ý thức nuôi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 85% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…). |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\* Vật chất:**   * 68,4% hộ nuôi trồng thuỷ sản (181hộ ) với 810,4ha có 80% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 45% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố * 17% mua giống trôi nỗi kém chất lượng | **\* Vật chất:**   * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 55% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 25% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 75% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Thuỷ sản Năm Căn hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. * Có HTX Đồng Phát Đạt chuyên cung cấp dịch vụ nươi trồng thuỷ sản (thuốc, thức ăn…) |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 27% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật. * 15% hộ còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức và ý thức nuôi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 85% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thông qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |

## Du lịch (xã không có du lịch)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

## Buôn bán và dịch vụ khác

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | **Ấp Nhưng Miên** | 625 | **\* Vật chất:**   * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông. * Các quán bán hàng nhỏ, lẻ chưa kiên cố * Buôn bán tự phát * 70% hộ chưa có kho chứa cất hàng hóa. * 70% hộ dân buôn bán quanh mé sông, nhà thiếu kiên cố. | **\* Vật chất:**   * Trong ấp có 125 hộ buôn bán * 25 hộ có vốn buôn bán lớn cung cấp đầy đủ hàng hoá. * 50% hộ có vốn dự trữ đủ hàng hóa bán trong mùa thên tai | * Thiệt hại tài sản * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao. * Nhà ngập bị hư hỏng * Hư hỏng hàng hóa, ướt,trôi nổi | **Cao**  (nhiều hộ chưa có kho/giá kê hang, thiếu kiến thức kỹ năng bán hang, thiếu vốn) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có vận động những hộ buôn bán quanh mé sông đến nơi an toàn. * 85% hộ buôn bán không được vay vốn ngân hang, vì do lãi suất cao. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Nan và nữ đều tham gia buôn bán (65% nữ và 35% nam) * Có thành lập Tổ quản lý chợ vận động tuyên truyền kê cao, bảo vệ hàng hóa đến nơi an toàn * Có kế hoạch quy hoạch di dời chợ đến nơi an toàn |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 30% số hộ dân chưa có ý thức kê cao hàng hóa. * 100% hộ buôn bán tự phát * 70% hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng * Hàng boá tiêu thụ chậm | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 70% hộ dân biết bảo quản hàng hóa có giá trị, di chuyển đến nơi an toàn. * 30% hộ có kiến thức bán hàng |
| **Triều cường ngập nước** | **Xẻo Lá** | 230 | **\* Vật chất:**   * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông. * Các quán bán hàng nhỏ, lẻ chưa kiên cố * 100% hộ buôn bán tự phát * 32% hộ chưa có kho chứa cất hàng hóa. * 100% hộ dân buôn bán quanh mé sông, nhà thiếu kiên cố. | **\* Vật chất:**   * Trong ấp có 10 hộ buôn bán * 07 hộ có vốn buôn bán lớn cung cấp đầy đủ hàng hoá. * 50% hộ có vốn dự trữ đủ hàng hóa bán trong mùa thên tai * 68% hộ có kho, giá kê hang tránh triều cường ngập nước | * Thiệt hại tài sản * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao. * Nhà ngập bị hư hỏng * Hư hỏng hàng hóa, ướt,trôi nổi | **Cao**  (nhiều hộ chưa có kho/giá kê hang, thiếu kiến thức kỹ năng bán hang, thiếu vốn, nhà yếu) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có vận động những hộ buôn bán quanh mé sông đến nơi an toàn. * 95% hộ buôn bán không được vay vốn ngân hang, vì do lãi suất cao. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Nam và nữ đều tham gia buôn bán (82% nữ và 18% nam) * Có thành lập Tổ quản lý chợ vận động tuyên truyền kê cao, bảo vệ hàng hóa đến nơi an toàn * Có kế hoạch quy hoạch di dời chợ đến nơi an toàn * 05% tự xoay xở vốn để kinh doanh |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 50% số hộ dân chưa có ý thức kê cao hàng hóa. * 95% hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng * Hàng boá tiêu thụ chậm | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 50% hộ dân biết bảo quản hàng hóa có giá trị, di chuyển đến nơi an toàn. * 0,5% hộ có kiến thức bán hàng |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | **Xẻo Ngay** | 265 | **\* Vật chất:**   * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông. * Các quán bán hàng nhỏ, lẻ chưa kiên cố * 100% hộ buôn bán tự phát * 32% hộ chưa có kho chứa cất hàng hóa. * 100% hộ dân buôn bán quanh mé sông, nhà thiếu kiên cố. * 50% hộ có ít vốn | **\* Vật chất:**   * Trong ấp có 15 hộ buôn bán * 50% hộ có vốn buôn bán lớn cung cấp đầy đủ hàng hoá. * 50% hộ có vốn dự trữ đủ hàng hóa bán trong mùa thên tai * 68% hộ có kho, giá kê hang tránh triều cường ngập nước | * Thiệt hại tài sản * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao. * Nhà ngập bị hư hỏng * Hư hỏng hàng hóa, ướt,trôi nổi | **Cao**  (nhiều hộ chưa có kho/giá kê hang, thiếu kiến thức kỹ năng bán hang, thiếu vốn, nhà yếu) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có vận động những hộ buôn bán quanh mé sông đến nơi an toàn. * 95% hộ buôn bán không được vay vốn ngân hàng, vì do lãi suất cao. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Nam và nữ đều tham gia buôn bán (72% nữ và 28% nam) * Có thành lập Tổ quản lý chợ vận động tuyên truyền kê cao, bảo vệ hàng hóa đến nơi an toàn * Có kế hoạch quy hoạch di dời chợ đến nơi an toàn * 05% tự xoay xở vốn để kinh doanh |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 50% số hộ dân chưa có ý thức kê cao hàng hóa. * 95% hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng * Hàng boá tiêu thụ chậm | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 50% hộ dân biết bảo quản hàng hóa có giá trị, di chuyển đến nơi an toàn. * 0,5% hộ có kiến thức bán hàng |
| **Triều cường**  **ngập nước và Sạt lở** | **Ấp Kinh Ranh** | 283 | **\* Vật chất:**   * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông. * Các quán bán hàng nhỏ, lẻ chưa kiên cố * 100% hộ buôn bán tự phát * 70% hộ chưa có kho chứa cất hàng hóa. * 100% hộ dân buôn bán quanh mé sông, nhà thiếu kiên cố. * 40% hộ có ít vốn | **\* Vật chất:**   * Trong ấp có 9 hộ buôn bán * 30% hộ có vốn buôn bán lớn cung cấp đầy đủ hàng hoá. * 50% hộ có vốn dự trữ đủ hàng hóa bán trong mùa thên tai * 68% hộ có kho, giá kê hang tránh triều cường ngập nước | * Thiệt hại tài sản * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao. * Nhà ngập bị hư hỏng * Hư hỏng hàng hóa, ướt,trôi nổi | **Cao**  (nhiều hộ chưa có kho/giá kê hang, thiếu kiến thức kỹ năng bán hang, thiếu vốn, nhà yếu) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có vận động những hộ buôn bán quanh mé sông đến nơi an toàn. * 80% hộ buôn bán không được vay vốn ngân hàng, vì do lãi suất cao. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Nam và nữ đều tham gia buôn bán (57% nữ và 43% nam) * Có thành lập Tổ quản lý chợ vận động tuyên truyền kê cao, bảo vệ hàng hóa đến nơi an toàn * Có kế hoạch quy hoạch di dời chợ đến nơi an toàn * 20% tự xoay xở vốn để kinh doanh |
|  | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 60% số hộ dân chưa có ý thức kê cao hàng hóa. * 85% hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng * Hàng boá tiêu thụ chậm | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 40% hộ dân biết bảo quản hàng hóa có giá trị, di chuyển đến nơi an toàn. * 15% hộ có kiến thức bán hàng |
| **Triều cường**  **ngập nước** | **Ấp Đồng Khởi** | 165 | **\* Vật chất:**   * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông. * Các quán bán hàng nhỏ, lẻ chưa kiên cố * 100% hộ buôn bán tự phát * 52% hộ chưa có kho chứa cất hàng hóa. * 100% hộ dân buôn bán quanh mé sông, nhà thiếu kiên cố. * 40% hộ có ít vốn | **\* Vật chất:**   * Trong ấp có 06 hộ buôn bán * 60% hộ có vốn buôn bán lớn cung cấp đầy đủ hàng hoá. * 60% hộ có vốn dự trữ đủ hàng hóa bán trong mùa thên tai * 48% hộ có kho, giá kê hang tránh triều cường ngập nước | * Thiệt hại tài sản * Nguy cơ thiệt hại về tính mạng khi triều cường dâng cao. * Nhà ngập bị hư hỏng * Hư hỏng hàng hóa, ướt,trôi nổi | **Cao**  (nhiều hộ chưa có kho/giá kê hang, thiếu kiến thức kỹ năng bán hang, thiếu vốn, nhà yếu) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có vận động những hộ buôn bán quanh mé sông đến nơi an toàn. * 80% hộ buôn bán không được vay vốn ngân hàng, vì do lãi suất cao. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Nam và nữ đều tham gia buôn bán (50% nữ và 50% nam) * Có thành lập Tổ quản lý chợ vận động tuyên truyền kê cao, bảo vệ hàng hóa đến nơi an toàn * Có kế hoạch quy hoạch di dời chợ đến nơi an toàn * 20% tự xoay xở vốn để kinh doanh |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 70% số hộ dân chưa có ý thức kê cao hàng hóa. * 85% hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng * Hàng boá tiêu thụ chậm | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 30% hộ dân biết bảo quản hàng hóa có giá trị, di chuyển đến nơi an toàn. * 15% hộ có kiến thức bán hàng |
| **Mưa to kèm Lốc xoáy và Sạt lở** | **Ấp Xóm Mới** | 310 | **\* Vật chất:**   * 01 chợ tạm, kinh doanh buôn bán quanh khu vực mé sông. * Các quán bán hàng nhỏ, lẻ chưa kiên cố * 100% hộ buôn bán tự phát * 65% hộ chưa có kho chứa cất hàng hóa. * 90% hộ dân buôn bán quanh mé sông, nhà thiếu kiên cố. * 30% hộ có ít vốn | **\* Vật chất:**   * Trong ấp có 09 hộ buôn bán * 70% hộ có vốn buôn bán lớn cung cấp đầy đủ hàng hoá. * 60% hộ có vốn dự trữ đủ hàng hóa bán trong mùa thên tai * 35% hộ có kho, giá kê hang tránh triều cường ngập nước |  |  |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Có vận động những hộ buôn bán quanh mé sông đến nơi an toàn. * 50% hộ buôn bán không được vay vốn ngân hàng, vì do lãi suất cao. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Nam và nữ đều tham gia buôn bán (50% nữ và 50% nam) * Có thành lập Tổ quản lý chợ vận động tuyên truyền kê cao, bảo vệ hàng hóa đến nơi an toàn * Có kế hoạch quy hoạch di dời chợ đến nơi an toàn * 50% tự xoay xở vốn để kinh doanh |
|  |  |  | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 60% số hộ dân chưa có ý thức kê cao hàng hóa. * 85% hộ kinh doanh không có kỹ năng bán hàng * Hàng boá tiêu thụ chậm | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * 40% hộ dân biết bảo quản hàng hóa có giá trị, di chuyển đến nơi an toàn. * 15% hộ có kiến thức bán hàng |  |  |
| **Ghi chú khác:** Xã có một chợ tạm thuộc địa bàn ấp Nhưng Miên, còn lại 5 ấp có của hàng tạp hoá. Còn lại 8 ấp khác có mua bán nhưng nhỏ lẽ số lượng ít, bán rong nhiều. | | | | | | |

## Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường, sạt lở kèm theo mưa giông lốc xoáy**  **(Nước dâng)** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 35% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị bất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 05 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 35% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 65% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** | 160 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 15% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
|  | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |  |
|  |  | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 40% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 60% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |
| **Triều cường**  **(Nước dâng)** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 55% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 85% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 40% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 60% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** | 283 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 25% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 80% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Rủi ro không nắm bắt được thông tim kịp thời | Trung bình  (Có nhiều cụm loa truyền thanh, ý thức người dân cao) |
|  | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
|  |  |  | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 35% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 65% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 25% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 02 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 70% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 55% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 45% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng*** | 234 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 35% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 07 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Rủi ro không nắm bắt được thông tim kịp thời | Trung bình  (Có nhiều cụm loa truyền thanh, ý thức người dân cao) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 25% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 75% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 55% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 70% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
|  |  | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |  |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 25% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 75% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |
| **Triều cường ngập nước và Mư to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** |  | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 35% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 85% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Rủi ro không nắm bắt được thông tim kịp thời | Trung bình  (Có nhiều cụm loa truyền thanh, ý thức người dân cao) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 35% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 65% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 201 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 25% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
|  |  | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 15% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 85% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |  |
| **Mưa to kèm lốc xoáy và Sạt lở** | ***Ấp Xóm Mới*** | 310 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 15% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 02 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 95% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Rủi ro không nắm bắt được thông tim kịp thời | Trung bình  (Có nhiều cụm loa truyền thanh, ý thức người dân cao) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
|  |  |  | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 35% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 65% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |  |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 25% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị mất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 80% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 65% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 35% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 25% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị bất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Rủi ro không nắm bắt được thông tim kịp thời | Trung bình  (Có nhiều cụm loa truyền thanh, ý thức người dân cao) |
|  | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |
|  | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 45% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 55% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Cây Phước*** | 150 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 55% hộ dân sống ở vùng trũng có nguy cơ bị bất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 02 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Nguy cơ không tiếp cận được thông tin về thiên tai * Hệ thống loa truyền thanh có nguy cơ hư hỏng và đổ ngã | Cao  (hộ dân chủ quan không theo giỏi cảnh báo sớm, thong tin lien lạc chưa đảm bảo, ) |
|  | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân |  |
|  | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 40% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 60% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 | **\*Vật chất:**   * Ấp chưa được trang bị loa cầm tay, âm ly di động để truyên truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai * Thiếu các phương tiện cảnh báo nguy hiểm ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao. * 0,5% hộ dân sống ở vùng ven biển * 30% hộ ở vùng trũng có nguy cơ bị bất điện cao khi mùa mưa đến. * Ấp chưa có trang thiết bị an toàn cho Tổ cứu hộ (võ máy, áo phao, phao cứu sinh…) | **\*Vật chất:**   * Có 01 cụm phát thanh còn sử dụng được * 100% hộ có TV và sử dụng điện thoại di động * Khoảng 90% hộ có thể sử dụng mạng internet | * Rủi ro không nắm bắt được thông tim kịp thời | Trung bình  (Có nhiều cụm loa truyền thanh, ý thức người dân cao, Bí thư chi bộ và trưởng ấp tích cực thông báo cảnh báo cho người dân về PCTT) |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Công tác truyên truyền chưa thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai. * Ấp chưa có biển cảnh báo vùng nguy hiểm sạt lở. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * Ấp có Tổ PCTT trực hỗ trợ dân khi cần thiết * Xã thường xuyên cập nhật và thông báo cấp độ Triều cường ngập nước và Mưa to, áp thấp nhiệt đới đến các ấp trong xã * Đã tuyên truyền về PCTT * Có dự báo, thông báo cấp độ nước dâng đến các hộ dân * Bí thư chi bộ và trưởng ấp tích cực thông báo cảnh báo cho người dân về PCTT |
| **\*Kiến thức, Ý thức**   * 45% Người dân còn chủ quan không nghe dự báo thiên tai và cảnh báo sớm. * Học sinh đi học bằng đò có áo phao nhưng không mặc | **\*Kiến thức, Ý thức**   * 55% Người dân tiếp cận được thông tin truyền thông và cảnh báo sớm * Người dân chủ động hơn trong việc nghe thông tin về cảnh báo có thiên tai. |  |

## Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên xã** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Xã Viên An Đông*** | 3.196 | **\*Vật chất:**   * Chưa có các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn phòng, tránh: áo phao, đèn pin, phao cứu sinh. | **\*Vật chất:**   * Có 5 trường học kiên cố có thể làm nơi trú bão ( 01 trường mẫu giáo, 03 trường tiểu học, 01 trường THCS) * Một trụ sở UBND xã đang xây dựng kiên cố làm nơi trú bão được. | * Ban chỉ đạo tìm kiếm cứu nạn giảm nhẹ thiên tai xã có nguy cơ gặp tai nạn khi có thiên tai xảy ra. * Công tác ứng phó chưa kịp thời. * Thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn. | ***Cao***  *( do thiếu kiến thức phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu ban đầu, chưa có tính chuyên nghiệp và chưa có chính sách bảo hộ khi làm nhiệm vụ cứu nạn khi có thiên tai xảy ra).* |
| **\*Tổ chức, Xã hội:**   * 30% người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH. * Chủ yếu là kiêm nhiệm và chưa có chính sách hỗ trợ. * Chưa có quy chế hoạt động. * Chưa có lòng ghép giới vào công tác phòng chống thiên tai. | **\*Tổ chức, Xã hội:**   * 70% người dân được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH. * Xã có ban chỉ đạo phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn với 37 thành viên có 6 nữ. * Ban chỉ đạo xã có xây dựng kế hoạch và phương án tìm cứu nạn và giảm nhẹ thiên tai hang năm. |
| **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai xã chưa được tập huấn về công tác phòng chống thiên tai tiềm kiếm cứu nạn. * Chưa được diễn tập PCTT hàng năm * Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT * 20% hộ dân còn chủ quan trong gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai. * 20 % người dân chưa có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai. * 10% người dân chưa chấp hành sơ tán khi có tình huống xảy ra. | **\*Kiến thức, Ý thức:**   * Áp dụng phương châm bốn tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chố, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ * 80% hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai. * 80 % người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai. * 90% người dân chấp hành sơ tán khi có tình huống xảy ra. |

## Giới trong PCTT và BĐKH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên*** | 625 | - Có 55 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 460 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 40% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 52% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 25% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 28% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 60% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 75% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - có 48% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao  (Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn*** | 160 | - có 7 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 15 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 32% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 45% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 35% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 12% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 50% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 65% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 55% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Bàn Quỳ*** | 159 | - Có 5 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 54 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 56% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 28% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 40% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 11% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 55% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 60% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 72% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh*** | 283 | - Có 9 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 61 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 40% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 48% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 36% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 19% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 52% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 64% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 52% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Đồng Khởi*** | 165 hộ | - Có 6 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 45 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 40% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 32% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 25% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 19% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 75% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 68% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Kinh Ráng*** |  | - Có 7 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 52 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 42% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 17% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 35% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 13% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 65% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 83% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Láng Tròn*** | 74 | - Có 2 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 36 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 54% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 28% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 30% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 26% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 70% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 72% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba*** | 141 | - Có 10 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 39 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 48% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 25% phụ nữ và trẻ em không biết bơi, dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 24% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - % nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 75% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 76% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển*** | 210 | - Có 12 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 53 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 48% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 22% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 20% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 10% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 80% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 78% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Sạt lở và Mưa to kèm Lốc xoáy** | ***Ấp Xóm Mới*** | 310 | - Có 15 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 18 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 86% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 16% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 9% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 12% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 91% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 84% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay*** | 265 | - Có 19 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 63 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 52% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 32% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 17% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 10% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 21% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 83% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 83% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xéo Lá*** | 230 | - Có 20 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 22 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 28% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 32% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 25% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 19% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 75% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 68% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
|  | ***Ấp Cây Phước*** | 150 | - Có 9 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 43 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 40% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 25% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 24% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 9% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 75% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 67% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện*** | 199 hộ | - Có 17 hộ phụ nữ làm chủ hộ.  - Ấp có 48 hộ không đất sản xuất. Trong đó có 42% phụ nữ phải đi làm thuê, công việc thủ công nên việc PCTT cũng gặp rất nhiều khó khăn.  - 30% phụ nữ và trẻ em không biết bơi dễ gây bị tai nạn trong việc sơ tán, kê cáo vật dụng trong nhà, đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn, chằng néo nhà cửa.  - Có 25% người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai.  - 20% nam giới điều đi làm ăn xa ngoài tỉnh nên thiếu năng lực về PCTT. | - 40% phụ nữ đơn thân có kinh tế ỏn định nên hộ tự khắc phục, chằng chống nhà cửa.  - Có 75% người dân có ý thức chằng néo nhà cửa, không trông chờ ỷ lại của người khác.  - Có tổ PCTT được bố trí 10 người sẳn sàng giúp đở phụ nữ đơn thân người già, trẻ em.  - có 70% phụ nữ và trẻ em biết bơi.  - Có loa truyền thanh tuyên truyền thường xuyên khi có rủi ro thiên tai xảy ra.  - Được các ban ngành, đoàn thể xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân PCTT. | - Phụ nữ, và trẻ em có nguy cơ bị tai nạn nhiều hơn nam giới khi di dời đồ đạc, chằng néo nhà cửa  - Vật dụng trong nhà dể bị hư hỏng, các đồ đạt trong các tiệm tạp hóa cũng bị hư hao  - Nguy cơ ảnh hưởng đến kinh tế của người dân.  - Nam giới có nguy cơ bị tai nạn trong việc cứu hộ cứu nạn. | Cao ( Do triều cường ngập nước thường xuyên lên nhanh, đa phần là phụ nữ nên việc phòng chống khó khăn |

## Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn/Ấp** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  (Cao, Trung Bình, Thấp) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Nhưng Miên***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 625 | **\* Vật chất:**   * 10-15 rừng mới trồng bị chết, gãy do ngập nước, sạt lở và lốc xoáy * 45% hộ nuôi trồng thuỷ sản (125 hộ ) với 390 ha có 67% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hang năm 57% * 90% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 60% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 390,2ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 10% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 40% hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (90% bờ bao đất đen. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, 30% hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi khôn có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 30% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 70% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có dự án của Công ty Minh Phú hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định * UBND xã thường xuyên tuyên truyền vận động người dân đảm bảo thực hiện quy định 70% diện tích trồng rừng. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 25% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 45% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kèm lốc xoáy** | ***Ấp Biện Nhạn***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 160 | **\* Vật chất:**   * 79,38% hộ nuôi trồng thuỷ sản (127 hộ ) với 495 ha có 52% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 38% * 78% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 40% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 295ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 22% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 60% hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
|  |  | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 20% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 80% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  |  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 25% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * Kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Bàn Quỳ***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 159 | **\* Vật chất:**   * 87% hộ nuôi trồng thuỷ sản (118 hộ ) với 328 ha có 50% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 88% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 60% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 250,7ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 12% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 40% hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 60% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 40% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 25% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ranh***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 283 | **\* Vật chất:**   * 66,78% hộ nuôi trồng thuỷ sản (189 hộ ) với 560ha có 65% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 55% * 78% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 40% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 425,5ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 22% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 60% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 60% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 40% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |  |  |
|  |  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 25% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 75% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường**  **ngập nước** | ***Ấp Đồng Khởi***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 165 | **\* Vật chất:**   * 73% hộ nuôi trồng thuỷ sản (121hộ ) với 229ha có 78,3% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 45% * 95% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng triều cường ngập nước trên 1m * 50% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 264,3ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 0,5% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 50% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 50% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 50% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn ấp hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 45% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 55% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Kinh Ráng***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 234 | **\* Vật chất:**   * 68,4% hộ nuôi trồng thuỷ sản (160hộ ) với 559,4ha có 36% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 93% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 43% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 430,5ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 0,7% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 57% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 43% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 57% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 25% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 75% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước, Sạt ỡ và Mưa to kèm Lốc xoáy**  **(nước**  **dâng)** | ***Ấp Láng Tròn***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 74 | **\* Vật chất:**   * 73,4% hộ nuôi trồng thuỷ sản (55hộ ) với 160ha có 50% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 80% * 96% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 45% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 130,9ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 0,4% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 55% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 45% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập. | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 40% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 60% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước và Lốc xoáy** | ***Ấp Kinh Ba***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 141 | **\* Vật chất:**   * 78,8% hộ nuôi trồng thuỷ sản (110hộ ) với 390ha có 70% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 56% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 27% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 301,4ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 44% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 73% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 27% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 73% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 70% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 265 | **\* Vật chất:**   * 68% hộ nuôi trồng thuỷ sản (181hộ ) với 810,4ha có 80% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 45% * 40% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng ven biển bị triều cường ngập nước trên 1m * 35% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 910ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 60% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 65% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
|  |  | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 35% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 30% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 70% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước, Sạt lở và Mưa to kem Lốc xoáy** | ***Ấp Tắc Biển***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 201 | **\* Vật chất:**   * 78,6% hộ nuôi trồng thuỷ sản (165hộ ) với 747ha có 55% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 80% * 40% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 45% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 747ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 60% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 55% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 45% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  |  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 45% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 55% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 70% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xóm Mới***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 310 | **\* Vật chất:**   * 83,3% hộ nuôi trồng thuỷ sản (258hộ ) với 825ha có 42% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 35% * 20% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 715ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Ấp ít bị triều cường ngập nước * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 80% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. * Có HTX Đồng Phát Đạt của ấp cung cấp tôm giống sạch theo chuẩn Vietgap | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. | **Trung bình**  (có 25% bờ bao đất đen, ít bị triều cường ngập nước, chưa có thuốc đặc trị, ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật cao) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 15% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 08km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 25% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 85% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hàng năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 20% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 80% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường ngập nước** | ***Ấp Xéo Lá***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 230 | **\* Vật chất:**   * 88,3% hộ nuôi trồng thuỷ sản (203hộ ) với 832ha có 50% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 40% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 820ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 60% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bện, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 25% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 12km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 75% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
|  | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 35% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 65% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 70% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |  |  |
| **Triều cường**  **ngập nước** | **Ấp cây phước**  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 150 | **\* Vật chất:**   * 74,7% hộ nuôi trồng thuỷ sản (112hộ ) với 385ha có 90% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 61% * 70% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 55% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 375ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 30% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 45% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, hộ nuôi mua giống trôi nỗi gây dịch bệnh, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 55% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 18km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 45% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Minh Phú đặt tại địa bàn xã hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 55% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 45% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 65% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |
| **Triều cường**  **ngập nước** | ***Ấp Xưởng Tiện***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 199 | **\* Vật chất:**   * 87,2% hộ nuôi trồng thuỷ sản (136hộ ) với 480ha có 45% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 60% * 65% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố | **\* Vật chất:**   * 485,1ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 35% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 25% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 20% hộ mua giống trôi nổi kém chất lượng * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 75% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Thuỷ sản Năm Căn hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. * Có HTX Đồng Phát Đạt chuyên cung cấp dịch vụ nươi trồng thuỷ sản (thuốc, thức ăn…) |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 30% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật. * 15% hộ còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức và ý thức nuôi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 85% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thong qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…). |
| **Triều cường ngập nước và Sạt lở** | ***Ấp Xẻo Ngay***  ***(Trồng rừng kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản sinh thái)*** | 265 | **\* Vật chất:**   * 68,4% hộ nuôi trồng thuỷ sản (181hộ ) với 810,4ha có 80% nữ tham gia * Tỷ lệ thiệt hại hàng năm 50% * 45% bờ bao đất đen, thấp chưa kiến cố nằm ở vùng bị triều cường * 25% hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố * 17% mua giống trôi nỗi kém chất lượng | **\* Vật chất:**   * 810ha rừng ngập mặn trồng cây đước và xem mắm , vẹt tự nhiên tạo thu nhập qua việc khai thác rừng sản xuất sau 15 năm * Nuôi tôm quản canh cải tiến là tiềm năng phát của ấp và là ngành mũi nhọn của xã. * 55% hộ làm bờ bao cao, lát mặt bê tông làm đường đi lại giảm được sạt lở * Chủ yếu nuôi, cua các loại thủy sản khác. * 75% hộ có vốn làm hồ nuôi có bờ bao kiên cố. | * Diện tích rừng có nguy cơ bị thu hẹp do thiên tai và do người dân thiếu ý thức bảo vệ và phát triển rừng * Ngập vuông tôm. * Thiệt hại tôm, cua thành phẩm và giống do sốc nước. * Dịch bệnh tôm làm giảm năng suất. * Có nguy cơ mất trắng do vỡ bờ bao | **Cao**  (bờ bao đất đen nhiều. Triều cường ngập nước thường xuyên xảy ra với tốc độ nhanh làm vỡ bờ bao, chưa có thuốc đặc trị, tỷ lệ hộ nuôi không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật) |
| **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 25% hộ nuôi thiếu vốn đầu tư mua giống rẻ tiền trôi nổi kém chất lượng * Chưa có thuốc đặc trị cho tôm bị dịch bệnh. * Dịch vụ bán thuốc dịch bệnh trên tôm ở Năm Căn cách xa xã là 15km nên không kịp thời trị bệnh gây dịch bệnh tràn lan. * 15% hộ mua giống trôi nổi * Công tác quản lý và bảo vệ rừng còn bất cập | **\* Tổ chức, Xã hội:**   * 75% giống được kiểm dịch mua tại địa phương * Chính quyền hỗ trợ con giống cho các hộ nuôi nằm trong vùng dự án * Xã có 01 cán bộ khuyến nông ngư giám sát và phản ánh tình hình dịch bệnh lên tỉnh huyện để kịp thời hỗ trợ các hộ nuôi. * Chi cục khuyến nông ngư của tỉnh/huyện có tổ chức tập huấn nuôi tôm, cua cho dân. * Người dân có ý thức gia cố bờ bao hang năm. * Có Công ty Thuỷ sản Năm Căn hỗ trợ thu mua tôm nguyên liệu với giá ổn định. * Có HTX Đồng Phát Đạt chuyên cung cấp dịch vụ nươi trồng thuỷ sản (thuốc, thức ăn…) |
| **\* Kiến thức, ý thức:**   * 15% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 27% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật. * 15% hộ còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức và ý thức nuôi | **\* Kiến thức, ý thức:**   * 85% hộ có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản của người dân. * 85% hộ nuôi có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ thuật do có ý thức tham gia gia tập huấn. * UBND xã thường xuyên lồng ghép tuyên truyền về phòng dịch bệnh cho tôm thông qua các cuộc họp dân, sinh hoạt đoàn thể (PN, Chi Bộ, Nông dân, Ban dân chính…) |

# Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự vấn đề ưu tiên (\*)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **TTDBTD** | **Nguyên nhân** | **Giải pháp**  (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được) |
| 1 | Thiệt hại về tính mạng | **\*Vật chất:**   * Đặc điểm vùng đất trũng thấp. * Sông ngòi chằng chịt, chưa có cầu bắc qua sông. * Nhà không kiên cố: 733/3196 hộ. * Nhà đơn sơ: 233/3196 hộ. * 14/14 ấp có 100% bờ bao chống triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn bằng đất đen chưa kiên cố. * 7/14 ấp có đường đất ngập do triều cường ngập trên 1 mét * 5/14 ấp không có nhà sinh hoạt văn hóa sinh hoạt cộng đồng * Có 01 Trạm y tế tại ấp Nhưng Miên, có 08 ấp có Tổ y tế nhưng không đảm bảo cho người dân khi có sự cố xảy ra. * 12% hộ dân sử dụng điện chia hơi. * 3/5 điểm trường xa khu dân cư. * 80% hộ dân không đủ điều kiện xây bờ bao chống nước dâng. * Đường đất đen bị lầy lội khi triều cường rút gây khó khăn cho việc đi học của học sinh và đi lại của người dân.   **\*Tổ chức xã hội:**   * Trẻ em: 3351 * Người già: 1116 * Người khuyết tật: 123 * Người bệnh hiểm nghèo: 6 * Người nghèo: 271 * Dân tộc thiểu số: 46 * Phụ nữ mang thai: 106. * 65% hộ không có điều kiện kinh tế làm nhà cao cẳng chống triều cường. * Các ấp chưa xây dựng kế hoạch PCTT. * Công tác tuyên truyền vận động người dân chưa sâu rộng. * Công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường chưa thường xuyên và chưa thành lập đội môi trường. * Tổ PCTT chưa được đang trang bị những kỹ năng sơ, cấp cứu. * Không có đội nhóm để phục vụ sửa chữa lộ hư hỏng. * Xã không có nguồn kinh phí để đầu tư làm đường bê tông. * Huy động đóng góp tài chính trong dân khó khăn. * Công tác tuyền truyền của các ngành có liên quan có lúc chưa sâu rộng. * Chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong việc xây dựng nhà ở cho nhân dân còn hạn chế.   **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**   * 40% hộ dân còn chủ quan trong việc chằng néo nhà cửa và kê cao đồ vật. * 15-20% người dân còn chủ quan trong việc phòng ngừa bệnh. * 45% Người dân không tham gia BHYT tự nguyện. * 90% người dân không khám bệnh định kỳ. * 25% người dân còn trông chờ ỷ lại vào Nhà nước. * 100% người dân trong ấp không được cung cấp kiến thức, kỹ năng duy tu bảo vệ hạ tầng công cộng. * 20% người dân còn chủ quan trong công tác PCTT. | * Một số hộ dân điều kiện kinh tế khó khăn nên không có điều kiện di dời nhà cửa đến nơi an toàn * Một số người dân không biết bơi. * Người dân còn sử dụng điện chia hơi, còn chủ quan trong việc đảm bảo thiết kế của ngành điện. | **Phi công trình**   * Thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức trong việc nâng cấp và sửa chữa nhà cửa. * Nâng cao nhận thức cho người dân trong công tác PCTT. * Tổ chức các lớp dạy bơi cho người dân tại các ấp.   **Công trình**   * Hỗ trợ tái định cư đối với vùng có nguy cơ sạt lở. * Hỗ trợ những hộ không có điều kiện để xây dựng nhà an toàn. * Hỗ trợ xây dựng các tuyến điện để nâng cao số lượng hộ dân sử dụng điện kế chính. * Hỗ trợ xây dựng nhà tránh trú bão tại các ấp ven biển. |
| 2 | Thiệt hại về nhà ở | **\*Vật chất**   * Nhà gần ven biển, sông * Nhà không kiên cố: 733/3196 hộ. * Nhà đơn sơ: 233/3196 hộ. * 20% nhà bán kiên cố xuống cấp * Có 5 cụm dân cư (khoảng 350 hộ) nằm trong vùng có nguy cơ bị sạt lở. * 193 phụ nữ là chủ hộ.   **\*Tổ chức xã hội**   * Công tác tuyên truyền vận động nhân dân chằng chống nhà cửa chưa thường xuyên. * Cán bộ xã chưa được tập huấn các kiến thức về công tác PCTT và Đề án 1002. * Chưa có kế hoạch di dời những hộ dân có nguy cơ sạt lở đến nơi an toàn.   **\* Ý thức kinh nghiệm**   * 40% hộ dân còn chủ quan trong việc chằng néo nhà cửa và kê cao đồ vật. * 10% hộ dân kinh nghiệm và kỹ thuật trong việc xây nhà thích ứng với thiên tai còn hạn chế. | * Tình trạng giông lốc và sạt lở diễn biến bất thường. * Một số người dân không có điều kiện để xây dựng nhà kiên cố và di dời đến nơi an toàn ở những vùng có nguy cơ sạt lở. * Tình trạng sạt lở bờ biển và chặt phá rừng phòng hộ còn diễn ra. | **Phi công trình**   * Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong việc nâng cấp và sửa chữa nhà cửa. * Nâng cao nhận thức cho người dân trong công tác PCTT.   **Công trình**   * Hỗ trợ tái định cư đối với vùng có nguy cơ sạt lở. * Hỗ trợ những hộ không có điều kiện để xây dựng nhà an toàn. |
| 3 | Đường giao thông | **\* Vật chất**   * Sông ngòi chằng chịt, chưa có cầu bắt qua sông. * 14/14 ấp có 100% bờ bao chống triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn bằng đất đen chưa kiên cố. * 5/14 ấp có đường đất ngập do triều cường ngập trên 1 mét. * Đường đất đen bị lầy lội khi triều cường rút gây khó khăn cho việc đi học của học sinh và đi lại của người dân.   **\* Tổ chức xã hội**   * 70% hộ dân gặp khó khăn trong việc vận động đóng góp để sửa chữa lộ còn gặp nhiều khó khăn. * Không có đội nhóm để phục vụ sửa chữa lộ hư hỏng. * Cán bộ ấp không báo cáo về trên về việc các chủ phương tiện cơ giới làm hư hỏng lộ. * Nguồn thu của địa phương còn hạn chế không đủ kinh phí để đầu tư làm đường bê tông.   **\* Ý thức kinh nghiệm**   * 20% người dân còn trông chờ, ỷ lại không chủ động khắc phục, sửa chữa khi tuyến lộ ngang nhà bị hư hỏng nhỏ. | * Ý thức người dân bảo vệ các công trình hạ tầng công cộng chưa cao. * Một số công trình chất lượng chưa đảm bảo. * Nguồn vốn của cấp trên đầu tư các tuyến lộ giao thông chưa nhiều (một năm khoảng 2km). * Một số đường giao thông bị ngập vào những tháng cuối năm do triều cường dâng cao. | **Phi công trình:**   * Tuyên truyền, vận động nâng cao ý thưc bảo vệ công trình công cộng của người dân. * Công trình của nhà nước đầu tư cần có giám sát chặt chẽ của cộng đồng.   **Công trình:**   * Đầu tư xây dựng các tuyến bờ bao chống triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn. * Ưu tiên đấu nối các tuyến liên ấp, về trung tâm xã, thông ra các tuyến lộ lớn. |
| 4 | Ô nhiễm môi trường nuôi thủy sản | **\*Vật chất**   * Đặc điểm vùng đất trũng thấp. * 80% hộ dân không đủ điều kiện xây bờ bao chống nước dâng. * 506/3196 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 14/14 ấp không có nơi xử lý rác thải. * 90% chất thải từ NTTS và chăn nuôi ra sông. * Có thùng rác đặt ở ấp Nhưng Miên nhưng không có nơi xử lý rác.   **\*Tổ chức xã hội**   * Công tác tuyền truyền của các ngành có liên quan trong bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. * Ấp chưa thành lập được đội môi trường. * Nguồn vốn hỗ trợ người dân xây dựng nhà hợp vệ sinh còn ít.   **\*Ý thức kinh nghiệm**   * 30% người dân chưa nhận thức được tác hại của rác thải đối với môi trường. * 70% hộ dân có thói quen thải rác thải sinh hoạt ra sông. * Ấp Nhưng Miên có thùng rác nhưng người dân không bỏ rác vào thùng, vứt ra sông | * Do thói quen của người dân xả rác thải và xây dựng cầu không hợp vệ sinh ven sông. * Người dân chưa có ý thức trong việc xử lý chất thải trong chăn nuôi * Một số hộ dân trong sên vét, cải tạo ao đầm xây dựng nơi chứa bùn không đảm bảo theo quy định. | **Phi công trình:**   * Kiên quyết xử lý nghiêm tất cả các trường hợp vi phạm. * Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường trong sinh hoạt và cải tạo ao đầm.   **Công trình:**   * Nâng cấp và kiên cố chuồng trại, đầu tư xây dựng hầm bioga xử lý chất thải trong chăn nuôi. * Xây dựng nơi chứa rác thải trong sinh hoạt. * Hỗ trợ xây dựng nơi chứa bùn đảm bảo theo quy định trong sên vét và cải tạo ao đầm. |
| 5 | Bờ bao bị vỡ, mất sản lượng thủy sản | **\*Vật chất:**   * Đặc điểm vùng đất trũng thấp. * 5/14 ấp có đường đất ngập do triều cường ngập trên 1 mét. * 14/14 ấp có 100% bờ bao chống triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn bằng đất đen chưa kiên cố. * 506/3196 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm. * 14/14 ấp không có nơi xử lý rác thải. * 90% chất thải từ NTTS và chăn nuôi ra sông. * 57% thiệt hại sản lượng thủy sản hàng năm. * Hộ thiếu vốn làm bờ bao kiên cố.   **\*Tổ chức xã hội:**   * Công tác tuyền truyền của các ngành có liên quan trong việc vận động người dân nâng cấp bờ bao chưa thường xuyên. * 30% hộ mua con giống kém chất lượng, không rõ nguồn gốc. * Nơi bán thuốc thủy sản ở thị trấn Năm Căn cách xã 15 km.   **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**   * Một số người dân chưa chủ động trong việc nâng cấp bờ bao. * 18% hộ nuôi thiếu kiến thức, kỹ thuật chăm sóc. * 35-40% hộ không có ý thức tham gia tập huấn kỹ thuật. | - Triều cường diễn biến bất thường, năm sau cao hơn năm trước.   * Lượng mưa nhiều vào mùa mưa dẫn đến thay đổi độ mặn nguồn nước làm tôm nuôi bị chết. * Chất lượng giống không đảm bảo (giống trôi nổi). | **Phi công trình:**   * Thường xuyên tuyền truyền vận động để người dân chủ động nâng cấp bờ bao chống tràn. * Hướng dẫn người dân mua con giống ở các cơ sở sản xuất giống đảm bảo chất lượng. * Mớ các lớp tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật vào NTTS cho người dân.   **Công trình:**   * Hỗ trợ kinh phí những hộ dân không có điều kiện nâng cấp bờ bao chống tràn. * Xây dựng bờ bao ngăn triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn (lộ bê tông). * Hỗ trợ kinh phí cho người dân thực hiện các tiêu chuẩn nuôi tôm sinh thái để được chứng nhận quốc tế. * Hỗ trợ kinh phí các cơ sở sản xuất giống đảm bảo theo tiêu chuẩn sinh thái. |

1. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành/lĩnh vực (\*)** | **Các giải pháp đề xuất (\*\*)** | **Địa điểm và đối tượng hưởng lợi** | **Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp**  **(\*\*\*\*)** | **Thời gian dự kiến** | | **Nguồn ngân sách dự kiến** |
| **Ngắn hạn** (thời thực hiện dưới 2 năm) | **Dài hạn** (thời gian thực hiện trên 2 năm) |
| **An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới** | | | | | | |
| Thiệt hại về tính mạng và  Nhà ở | Thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức trong việc nâng cấp và sửa chữa nhà cửa và PCTT. | Người dân toàn xã | 1. Khảo sát đánh giá nhu cầu của người dân về kiên thức, kỹ năng ứng phó PCTT. 2. Lập kế hoạch tổ chức truyền thông. 3. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã và các cụm loa phát thanh tại các ấp. 4. Tổ chức tuyên truyền trong các cuộc hội họp trong các tổ chức chính trị - xã hội.   và dân quân chánh tại các ấp.   1. Tổ chức tập huấn và nâng cao kiến thức cho cán bộ và người dân (Số lượng nữ tham gia. 2. Thiết kế, in ấn các panô, áp phích, tờ rơi. 3. Tổ chức các sự kiện truyền thông về công tác PCTT. |  | x | 100% Nhà nước |
| Tổ chức các lớp dạy bơi cho người dân tại các ấp. | 1. Khảo sát đánh giá nhu cầu về số lương, đối tượng học bơi (chú trọng đối tượng nữ và trẻ em gái). 2. Lên kế hoạch vận động các nguồn lực. 3. Tổ chức các lớp tập huấn theo kế hoạch. | x |  | 70% Nhà nước + 30% vốn dân |
| Hỗ trợ tái định cư đối với vùng có nguy cơ sạt lở. | 1. Khảo sát nhu cầu của người dân trong vùng có nguy cơ sạt lở. 2. Khảo sát địa điểm để xây dựng khu tái định cư. 3. Xây dựng kế hoạch xin hỗ trợ kinh phí, phương án thực hiện đối với cấp có thẩm quyền. 4. Xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực: các dự án, mạnh thường quân, nhà hảo tâm,… 5. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. |  | x | 100% Nhà nước |
| Hỗ trợ xây dựng các tuyến điện để nâng cao số lượng hộ dân sử dụng điện kế chính. | 1. Khảo sát nhu cầu của người dân về sử dụng điện chia hơi. 2. Đề xuất với Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện về danh mục các tuyến chưa có điện. |  | x | 30% Nhà nước + 70% vốn dân |
|  | Hỗ trợ xây dựng nhà tránh trú bão tại các ấp ven biển. |  | 1. Khảo sát, thống kê tình hình, thực trạng tại các ấp ven biển. 2. Xây dựng kế hoạch xin hỗ trợ kinh phí, phương án thực hiện đối với cấp có thẩm quyền. 3. Huy động các nguồn lực: các dự án, mạnh thường quân, nhà hảo tâm,… 4. Tổ chức thực hiện. 5. Giám sát và quản lý các công trình. |  | x | 90% Nhà nước+10% vốn dân |
| **Hạ tầng công cộng** | | | | | | |
| Đường giao thông | Tuyên truyền, vận động nâng cao ý thưc bảo vệ công trình công cộng của người dân. | Người dân toàn xã | 1. Lập kế hoạch tổ chức truyền thông về nâng cao ý thức người dân bảo vệ các tuyến đường giao thông (lộ bê tông, lộ nhựa, lộ đất đen). 2. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã và các cụm loa phát thanh tại các ấp. 3. Tổ chức tuyên truyền trong các cuộc hội họp trong các tổ chức chính trị - xã hội và dân quân chánh tại các ấp. |  | x | 100% Nhà nước |
| Đầu tư xây dựng các tuyến bờ bao chống triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn. |  | 1. Khảo sát, thống kê tình hình, thực trạng các tuyến bờ bờ bao. 2. Lập kế hoạch xây dựng các tuyến bờ bao chống triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn. 3. Vận động người dân tham gia thực hiện nâng cáp bờ bao kết hợp lộ giao thông nông thôn. 4. Vận động nguồn lực. 5. Tham gia tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý các công trình. |  | x | 100% vốn dân |
| Ưu tiên đấu nối các tuyến liên ấp, về trung tâm xã, thông ra các tuyến lộ lớn. | 1. Khảo sát, thống kê tình hình, thực trạng các tuyến liên ấp, về trung tâm xã, thông ra các tuyến lộ lớn. 2. Lập kế hoạch xây dựng các tuyến liên ấp, về trung tâm xã, thông ra các tuyến lộ lớn. 3. Vận động người dân tham gia thực hiện nâng cấp bờ bao kết hợp lộ giao thông nông thôn đảm bảo theo Quyết định 154 của Chủ tịch UBND huyện để đấu nối các tuyến liên ấp, về trung tâm xã, thông ra các tuyến lộ lớn. 4. Vận động nguồn lực. 5. Tham gia tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý các công trình. |  | x | 100% vốn dân |
| **Nước sạch, vệ sinh và môi trường** | | | | | | |
| 1. Ô nhiễm môi trường nuôi thủy sản | Thường xuyên tuyền truyền vận động để người dân chủ động trong việc bảo vệ môi trường NTTS. | Người dân toàn xã | 1. Lập kế hoạch tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường NTTS. 2. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã và các cụm loa phát thanh tại các ấp. 3. Tổ chức tuyên truyền trong các cuộc hội họp trong các tổ chức chính trị - xã hội và dân quân chánh tại các ấp. 4. Tập huấn nâng cao kiến thức cho cán bộ và người dân về công tác bảo vệ môi trường NTTS gồm: phân loại và xử lý rác thải, rác hữu cơ làm phân compost, bỏ rác đúng nơi quy định, sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hiệu quả; xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và phù hợp, … 5. Thiết kế, in ấn các panô, áp phích, tờ rơi. 6. Tổ chức các sự kiện truyền thông về bảo vệ môi trường. 7. Tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm |  | x | 100% Nhà nước |
| Xây dựng nơi chứa rác thải trong sinh hoạt và nơi xử lý rác tập trung đối với các khu dân cư tập trung. | 1. Khảo sát, thống kê tình hình, thực trạng, địa điểm. 2. Xây dựng kế hoạch. 3. Lập dự toán. 4. Vận động nguồn lực. 5. Thành lập đội thu gom rác thải. 6. Mua sắm trang thiêt bị. 7. Tuyên truyền vận động thu gom rác thải. 8. Tổ chức thu gom 9. Quản lý, bảo dưỡng. | x |  | 20% Nhà nước + 80% vốn dân |
| Vận động người dân nâng cấp và xây dựng chuồng trại kiên cố, xây dựng hầm bioga xử lý chất thải trong chăn nuôi. | 1. Khảo sát, thống kê tình hình, thực trạng. 2. Tập huấn kiến thức xây dựng và sử dụng hầm bioga, xử lý chất thải trong chăn nuôi. 3. Vận động người dân đầu tư xây dựng chuồng trại kiên cố. 4. Vận động nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật. 5. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, theo dõi. | x |  | 20% Nhà nước + 80% vốn dân |
| 1. Bờ bao bị vỡ, mất sản lượng thủy sản | Tuyền truyền, hướng dẫn người dân chủ động nâng cấp bờ bao chống tràn, mua con giống chất lượng và tổ chức tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật vào NTTS cho người dân. | Người dân toàn xã | 1. Lập kế hoạch truyền thông hướng dẫn người dân. 2. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã và các cụm loa phát thanh tại các ấp. 3. Tổ chức tuyên truyền trong các cuộc hội họp trong các tổ chức chính trị - xã hội và dân quân chánh tại các ấp về ý thức chủ động thường xuyên nâng cấp bờ bao chống tràn. 4. Phân công cán bộ khuyến nông kết hợp với cán bộ nông nghiệp và trưởng ấp các ấp hướng dẫn cho hộ dân chọn mua con giống tại những cơ sở sản xuất giống chất lượng. 5. Tập huấn cho cán bộ và người dân về kiến thức, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào NTTS. Đồng thời tổ chức các cuộc hội thảo đầu bờ. |  | x | 100% vốn dân |
| Xây dựng bờ bao ngăn triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn (lộ bê tông). | 1. Khảo sát, thống kê tình hình, thực trạng, địa điểm. 2. Xây dựng kế hoạch. 3. Lập dự toán. 4. Vận động nguồn lực. 5. Thực hiện xây dựng bờ bao 6. Tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. |  | x | -100% vốn dân xây dựng bờ bao đát đen+  100% vồn Nhà nước đầu tư mặt lộ bê tông |
| Hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở sản xuất giống đảm bảo theo tiêu chuẩn sinh thái và người dân thực hiện các tiêu chuẩn nuôi tôm sinh thái để được chứng nhận quốc tế. | 1. Khảo sát, đánh giá thực trạng. 2. Xây dựng kế hoạch. 3. Lập dự toán. 4. Vận động nguồn lực. 5. Tiến hành hỗ trợ: Các thủ tục, hỗ trợ vay vốn,… 6. Tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. |  |  |  |

1. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

- Viên An Đông là xã ven biển thuộc huyện Ngọc Hiển, đặc điểm trũng, thấp, sông ngòi chằng chịt việc đi lại chủ yếu bằng đường thủy do các tuyến bờ bao ngăn triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn được đầu tư chưa nhiều, thiên tai thường xuyên xảy ra đặc biệt là triều cường, mưa to kèm lốc xoáy và sạt lở đã ảnh hưởng lớn đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân.

- Đặc thù kinh tế của xã là nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên còn một số hộ không có đất, hộ không nghề nghiệp, hộ nghèo, hộ cận nghèo còn chiếm tỷ lệ cao.

- Cơ sở hạ tầng của xã còn thấp kém, nhiều ấp chưa xây dựng được nhà sinh hoạt văn hóa, các tuyến lộ giao thông tại ấp và liên ấp còn thấp, xã không có nhà tránh trú bão. Nhà thiếu kiên cố và nhà đơn sơ chiếm tỷ lệ cao, có 5 cụm dân cư tập trung không có điểm xử lý rác, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện chia hơi còn nhiều, 80% hộ dân không có điều kiện nâng cao bờ bao chống triều cường.

1. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

- Đại diện Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các ban, ngành, đoàn thể xã thống nhất theo báo cáo của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Riêng Chủ tịch UBND xã có đóng góp ý kiến về 02 số liệu có liên quan đến trường học và nhà sinh hoạt văn hóa ấp, 01 ý kiến đóng góp về giải pháp trong rủi ro thiên tai thiệt hại về tính mạng.

- Do lần đầu xã thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, nên nhóm hỗ trợ kỹ thuật mặc dù có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn một số hạn chế nhất định, nhờ được sự hỗ trợ của giảng viên TƯ, giảng viên tỉnh (Hội LHPN tỉnh Cà Mau) và cán bộ của Dự án GCF, từ đó cơ bản xã thực hiện đảm bảo theo kế hoạch của Dự án đề ra.

- Trên cơ sở báo cáo rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, UBND xã sẽ điều chỉnh, bổ sung, chấn chỉnh những nội dung còn hạn chế trong Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm của xã, để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn trong thời gian tới.

- UBND xã chân thành cám ơn Dự án GCF đã tạo điều kiện để xã Viên An Đông tham gia vào Dự án. Hiện nay, điều kiện xã còn gặp nhiều khó khăn, thường xuyên xảy ra thiên tai, nếu được sự quan tâm, hỗ trợ của Dự án, người dân tại địa phương sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ để giảm các thiệt hại do thiên tai gây ra, đồng thời có điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- UBND xã cám ơn cô Nguyễn Thị Phúc Hòa, chị Lữ Thị Anh Thư, chị Phạm Thị Thu Hằng, chị Phạm Kim Dung đã nhiệt tình hỗ trợ nhóm hỗ trợ kỹ thuật trong những ngày tập huấn vừa qua. Bên cạnh đó, UBND xã sẽ tạo điều kiện phối hợp tốt hơn nữa để thực hiện những nội dung tiếp theo cuả Dự án.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**

**TM UBND Xã**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Huỳnh Hảo**

**(đã ký)**

# Phụ lục

## Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên (Nam/Nữ)** | **Đơn vị** | **Số điện thoại** |
| 1 | Lương Huỳnh Hảo | Phó chủ tịch UBND xã | 0913005211 |
| 2 | Lê Minh Thắng | Bí thư xã Đoàn | 0913094724 |
| 3 | Huỳnh Văn Guồl | Chủ tịch Hội chữ thập đỏ (Cựu Bí thư Đảng ủy xã) | 0913861597 |
| 4 | Phan Quang Phục | Văn hóa Xã Hội | 0915373702 |
| 5 | Trần Quốc Việt | Phó chủ tịch Hội Nông dân | 0948961194 |
| 6 | Nguyễn Văn Toàn | Công An viên | 0911436431 |
| 7 | Nguyễn Mộng Trân | Cán bộ Thú y | 0942780711 |
| 8 | Dương Văn Nguyện | Cán bộ Giao thong thủy lợi-Môi trường | 0914747490 |
| 9 | Đỗ Trúc Bảo | Phó chỉ huy Quân sự xã | 0945535084 |
| 10 | Huỳnh Văn Tý | Công chức Địa chính - Xây dựng | 0918017707 |
| 11 | Nguyễn Minh Trí | Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 0917890915 |
| 12 | Phạm Thị Liễu Ca | Công chức Văn phòng - Thống kê | 0843999414 |
| 13 | Phạm Thị Hồng | Chủ tịch Hội LHPN xã | 0917890627 |
| 14 | Nguyễn Quốc Minh | Chủ tịch MTTQ VN xã | 0919024813 |
| 15 | Trần Quốc Cương | Công chức Tư pháp - Hộ tịch | 0919349849 |

## Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

**Công cụ 2: LỊCH SỬ THIÊN TAI**

| **Năm tháng** | **Loại thiên tai** | **Đặc điểm và xu hướng** | **Khu vực chịu thiệt hại** | **Thiệt hại gì và mức độ thiệt hại** | **Tại sao bị thiệt hại** | **Đã làm gì để PCTT** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng 5 đến tháng 8 năm 2018 | Lốc xoáy | -Số lượng cơn lốc ngày càng nhiều hơn(có năm 6 cơn)  -Tốc độ gió mạnh hơn, tăng đột ngột  -Lốc xoáy phát triển từng cơn rất mạnh  -Lốc xoáy thay đổi vài chục mét  -Khoảng cách giữa các cơn lốc ngắn hơn  -Xảy ra rải rác ở nhiều ấp. | Ấp Xóm Mới  Ấp Kênh Ba  Ấp Tắc Biển  Ấp Xưởng Tiện  Ấp Láng Tròn  Ấp Nhưng Miên | -ATCĐ:  Tốc 17 mái nhà, thiệt hại trên 100 triệu | -Vc:  Nhà không kiên cố: mái tôl, mái lá.  -TCXH:  Chưa tuyên truyền sâu rộng  NT: Không chằng chống nhà cửa, chủ quan | - Thực hiện việc tuyên truyền vận động người dân của ngành đoàn thể, chính quyền chưa thường xuyên  Ý thức chuẩn bị trước khi thiên tai xảy ra:  -Chằng chống nhà cửa  -Báo cáo nhanh với UBND xã về mức độ thiệt hại  -Hỗ trợ 500.000đ/căn  -Cán bộ ấp hỗ trợ người dân  -Vận động các hộ dân xung quanh |
| Từ tháng 11 của năm trước đến tháng 01 của năm sau | Triều cường | -Nước lên bất thường vào ban đêm  -Từ nửa đêm về sáng  -Gió nhiều hơn  - Thời gian khoảng 2-3 tiếng  - Nước cao hơn,Không khí lạnh,Nước dâng kéo dài từ 3- 5 ngày | Các ấp ven biển: xưởng tiện, lán tròn, Đồng Khởi, Kinh Rá, Kinh Ranh, Cây Phước | \*ATCĐ:  Ngập trụ sở làm việc , trường học, nhà: 650/3196 căn, thiệt hại trên 300 triệu đồng.  Đường trơn chợt, ngập ảnh hưởng đến việc giao thương của người dân và học sinh đến trường  \*VSMT:  Ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm rác thải  \*SXKD  Bể bờ bao vuông tôm 3km bờ bao nuôi tôm bị thiệt hại, trên 300 triệu đồng.  1530ha/5300ha diện tích nuôi tôm bị thiệt hại; 4,6 tỷ  Làm sập và xé miệng đáy ở sông cửa lớn 03 hộ, ước thiệt hại khoảng 30.000.000 đồng | \*VC:  Nhà thấp, gần ven biển  Bờ bao không kiên cố  Do đặc trưng của địa chất, đất thưa thịt (đất không chân).  \*TCXH:  -nuôi theo ộ gia đình  -cơ sở dịch vụ thuốc cho tôm không có ở địa phương  \*KN, Ý Thức:  -Người dân còn chủ quan trong việc chủ động ứng phó .  Gia đình không có điều kiện gia cố bờ bao,vuông tôm | Đoàn thể và chính quyền địa phương tuyên truyền  Hộ dân chủ động gia cố bờ bao và làm Lộ đất đen kết hợp đê ngăn triều -- Chủ động nâng nhà chống ngập, khoảng 20%  - Đề nghị cấp trên hỗ trợ về bù giá cho việc thuê cơ giới. |
| 2018 | Sạt lở | -Vào ban đêm.  -Mưa nhiều  -Đất không chân  -Nước thủy triều cạn khô, mưa kéo dài dẫn đến đất bị sói mòn, bọng chân(hàm ếch) làm sạt lở, khu vực thường xảy ra ở ngã ba, ngã tư. | Ở ngã ba ấp Nhưng Miên, Xẻo Lá, Xéo Ngay, Kinh Ranh | \*ATCĐ:  Nhà bị sạt lở 12 căn, tương ứng 1 tỷ đồng.  Xăng dầu máy móc  Ô nhiễm môi trường: nguồn nước, vuông tôm. | \*VC:  Ở gần mé sông, dòng nước chảy siết, mưa nhiều  \*NT:  Người dân không chịu di dời  \*TCXH:  Công tác tuyên truyền của chính quyền chưa thường xuyên | -10% hộ dân thực hiện công tác di dời tốt.  -Công tác tuyên truyền của chính quyền địa phương thường xuyên.  -Vận động người dân trồng cây mắm ven sông để chống sạt lở.  -Cất nhà rời nữa trên bờ, nữa dưới sông, sàn nhà không dính liền với nhà ở |

**Công cụ 3: LỊCH THEO MÙA**

| **Loại thiên tai** | **Tháng** | | | | | | | | | | | | **Xu hướng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| TRIỀU CƯỜNG (nước dâng) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | Nước lên bất thường vào ban đêm, Từ nửa đêm về sáng, Gió nhiều hơn, Theo mùa,Thời gian khoảng 2-3 tiếng  Nước cao hơn, | | |
| LỐC XOÁY |  |  |  |  |  | | | | |  |  |  | Số lượng cơn lốc ngày càng nhiều hơn: 6  Tốc độ gió mạnh hơn, tăng đột ngột  Lốc xoáy phát triển từng cơn rất mạnh  Lốc xoáy thay đổi vài chục mét  Khoảng cách giữa các cơn lốc ngắn hơn  Xảy ra rải rác ở nhiều ấp. | | |
| SẠT LỞ |  |  |  |  |  | | |  |  |  |  |  | Vào ban đêm. Mưa nhiều  Đất không chân | | |
| **Hoạt động kinh tế-xã hội** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **ảnh hưởng** | **Tại sao?** | **Kinh nghiệm PCTT** |
| Nuôi trồng thủy sản |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | -Bể bờ bao, thất thoát tôm cua.  -Sản lượng giảm  Sạt lở: bể bờ bao, bể cống, thất thoát sản lượng  Làm ảnh hưởng đến các hoạt động của người dân đi lại và học sinh  Gây ô nhiểm môi trường nước, dịch bệnh tôm, cua và các loại thủy sản khác | Vật chất: 100% bờ bao vuông tôm bằng đất.  không thể gia cố do địa chất, vùng đất thấp, rừng ngập mặn, gần biển.  TC-XH:  100% hộ nuôi tôm (60% có vốn còn lại 40% thiếu vốn)  do bờ thấp yếu, thiếu vốn, thiếu đầu tư,  Nhận thưc:  Khoảng 10% người dân còn chủ quan, trông chờ ỷ lại.  Có tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi tôm, cua nhưng chưa thường xuyên | Chính quyền địa phương thường chuyên TT, vận động.  Làm bờ bao bằng bê tông, bằng đá, bằng các lốp xe, trồng cây ráng, cây mắm giữ bờ bao.  Khi triều cường dâng làm bể bờ bao người dân tự đắp lại bờ bao hoặc thuê cơ giới làm để phục vu cho NTTS |
| chăn nuôi |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Triều cường: chuồng trại ngập, heo gà vịt chết, ô nhiễm nguồn nước.  Lốc xoáy: tốc mái chuồng trại | VC: chuồng trại làm bằng cây lá tạm bợ, thiếu vốn để đầu tư, xây chuồng ở vùng đất thấp gần với mé sông  NT: không chôn lấp các xác chết của gia cầm, gia súc | -Gia cố bờ bao.  -Được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi thú y.  -Biết cách chằng néo chuồng trại chống tốc máy và sập chuồng trại.  -Làm chuồng trại trại ở vùng đất cao. |
| Trồng trọt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | TC: thiệt hại rau màu, đất bị nhiễm mặn  SL: ảnh hưởng mất đất trồng màu | VC:  Trồng trọt ở vùng đất thấp, thiệt hại đến rau màu, cây ăn trái | Sản xuất rau màu quanh năm. Tránh các tháng có triều cường dâng. Chọn vùng đất cao trồng rau tránh ngập úng. Làm giàn trồng rau trên cao để ăn . |
| Rừng phòng hộ nằm ấp ven biển (01 phần đất của các ấp), ấp láng tròn rừng nằm toàn bộ, ban QL rừng Nhưng miên, khoảng 30 ssau 12km mất rừng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Sật lỡ: mất diện tích rừng, ven biển, ven sông.  Lốc xoáy: đỗ ngã cây ảnh hưởng sản lượng rừng | VC: thiếu vốn xây dựng bờ kè ven biển.  Đê chắn sóng  Chết cây con.  Cây đổ ngã | -Xin chủ trương hỗ trợ xây dựng bờ kè.  -Tuyên truyền phát triển thêm việc trồng rừng, khôi phục diện tích. |
| Sản xuất con giống |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | -Trại nằm sát mé sông,  -Thay đổi môi trường nước.  -Nước mưa làm thay đổi môi trường nước.  -Thiệt hại con giống. | Gia cố, làm mái chắc chắn hơn.  Không làm trại sát mé sông. |

**CÔNG CỤ 4: Kết quả tổng hợp công cụ Sơ họa bản đồ RRTT**

| **Thiên tai/BĐKH** | **Xu hướng của**  **thiên tai** | **Tình trạng**  **DBTT** | **Năng lực PCTT** | **Rủi ro Thiên tai** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| Triều cường ngập nước, Mưa to kèm Lốc xoáy | Xảy ra từ tháng 10 năm trước đến tháng 01 năm sau | VC:  Bờ yếu 10% không gia cố được.  Tôm, cua chết, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, theo dồng nước trôi mất con giống  Có khi không thuê được cơ giới do ít.  Đất bạc màu: do lâu năm cằn cỏi, không màu mở.  Sử dụng con giống ở chổ khác, chưa có kiểm định chất lượng con giống | Trên 90% thuê cơ giới, cơ giới có tại địa phương (xe cuốc).  Tôm giống có tại địa phương có khoảng 40% | Con giống không phát triển, chết hàng loạt.  Ảnh hưởng đến đời sống của người dân |
| TC- XH: chưa có kỹ thuật.  Kỹ sư củng khó khăn khi tham gia cải tạo  Trên 10% là hộ nghèo.  Trên 95% các hộ nuôi riêng lẻ, chưa có tổ hợp tác nhiều. | Cấp trên có hỗ trợ tư vấn kỹ thuật (tập huấn kỹ thuật nuôi tôm, cua).  Đã có thành lập tổ hợp tác (được hỗ trợ người khó khăn, chất lượng, giá cả còn rẻ hơn) |
| Nhận thức- Khả năng  2% người dân còn chủ quan trong bảo vệ bờ bao vuông tôm | 98% người dân có ý thức tốt chủ động gia cố bờ bao vuông tôm |
| Sạt lở | Xảy ra từ tháng 6- tháng 8, xảy ra ở khu vực ngã ba, ngã tư (ít) | VC:  Kinh Doanh,  Sạt lở bờ bao thiệt hại vuông tôm.  50% người dân không có đất để di dời. | Trồng mắn bảo vệ bờ bao khoảng 35%, Riêng Tắc Biển 100%.  30% người dân trồng đước chống sạt lở.  Đá học, bánh xe củ, xịa cừ 5%. |  |
| TCXH:  Cán bộ chưa đi tuyên truyền, chưa được tập huấn. |  |
| Nhận thức- kỹ năng: |  |

**CÔNG CỤ 4: Kết quả tổng hợp công cụ Sơ họa bản đồ RRTT**

| **Thiên tai/BĐKH** | **Xu hướng của**  **thiên tai** | **Tình trạng**  **DBTT** | **Năng lực PCTT** | **Rủi ro Thiên tai** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| Triều cường | Xảy ra từ tháng 10 năm trước đến tháng 01 năm sau | VC:  Nước ngập có rác thải, gây ô nhiễm môi trường nước.  Khoảng 2% chưa có bồn cầu tự hoại.  Không có nơi thu gom, xử lý rác thải tập trung, | -98% hộ dân sử dụng cầu vệ sinh tự hoại  -Chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường | Nuôi tôm, địch bệnh, ô nhiễm môi trường nước |
| TC- XH: những nơi tập trung đông dân cư như Trường học, cơ quan, chợ tập trung rác nhiều.  40% hộ dân chưa có mô hình xử lý rác. | Có tổ phụ nữ tuyên truyền, thu gom, xử lý rác thải (đốt).  Có 60% hộ dân có mô hình xử lý rác thải. |
| Nhận thức- Khả năng  20% hộ dân chưa có ý thức trông việc giữ vệ sinh môi trường | Khoảng 80% hộ dân chủ động xử lý rác thải hộ gia đình.  Chưa có ý thức bảo vệ môi trường như làm nhà tiêu, chuồng trại trên sông. |
| Sạt lở | Xảy ra từ tháng 6- tháng 8, xảy ra ở khu vực ngã ba, ngã tư (ít) | VC:  Cây xăng dầu gây ô nhiểm môi trường |  |  |
| TCXH:  Cán bộ chưa đi tuyên truyền, chưa được tập huấn. |  |
| Nhận thức- kỹ năng:  Bớt nguy hiểm nhưng chưa di dời vì làm kinh tế (20 hộ) |  |

**CÔNG CỤ 4: Kết quả tổng hợp công cụ Sơ họa bản đồ RRTT**

| **Thiên tai/BĐKH** | **Xu hướng của**  **thiên tai** | **Tình trạng**  **DBTT** | **Năng lực PCTT** | **Rủi ro Thiên tai** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| Triều cường | Xảy ra từ tháng 10 năm trước đến tháng 01 năm sau | VC:  - Nhà, cửa bị ngập,  Trường học bị ngập.  - Lộ Giao thông nông thôn bị hư hỏng.  - Khoảng 20% nhà ở của hộ dân bị nước ngập do triều cường không đủ điều kiện kinh tế để nâng nền, di dời | - 30% nhà ở kiên cố.  Lộ bê tông:  Khoảng 90% hộ dân - có nhà cao cẳn tránh được triều cường dâng cao.  - Có tuyến lộ đất đen, kết hợp đê ngăn triều cường. | - Ngập nhà ở, trường học khả năng học sinh có nguy cơ bỏ học từ 4- 5 ngày do triều cường dâng cao. |
| TC- XH: có tuyền truyền vận động.  - Một số ít hộ dân chưa có ý thức kê cao đồ đạt và vật dụng trong nhà. | - Được hỗ trợ nguồn vốn nạo vét kênh thủy lợi làm lộ đất đen kết hợp đê ngăn triều cường. |
| Nhận thức- Khả năng:  - 20% hộ dân chưa có ý thức trông việc giữ vệ sinh môi trường | - Có ý thức gia cố bờ bao bảo vệ sản xuất, nhà cửa, các công trình công cộng của địa phương. |
| Lốc Xoáy | Diễn ra vào mùa mưa từ tháng 05- 12 hàng năm | VC:  - Nhà, cửa bị lốc xoáy một phần hoặc hoàn toàn.  - Nhà tạm bợ, bán kiên cố chiếm khoảng 94%. | Nhà kiên cố 6%  Có nhà sinh hoạt văn hóa ấp để di dời. | - Thiệt hại tính mạng, nhà, cửa và một số tài sản khác của các hộ dân khi bị lốc xoáy. |
| TC- XH:  Chưa thực hiện tuyên truyền cho người dân có ý thức phòng tránh trước. |  |
| Nhận thức: Chưa có ý thức chủ động tránh trước mùa mưa như: Chằng, néo nhà, trường học…, trên 60% | 40% người dân chủ động chằng, néo nhà, chủ động chằng néo Nhà sinh hoạt văn hóa, trường học và các công trình phúc lợi khác |

**Công cụ 5: Điểm mạnh và điểm yếu trong công tác PCTT**

| **STT**  **(1)** | **Hạng mục**  **(2)** | **Điểm mạnh**  **(3)** | **Điểm yếu**  **(4)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | Năng lực bộ máy PCTT và TKCN cấp xã | * Các ấp đều có tổ phòng chống thiên tai từ 05- 07 thành viên trong đó có 02 nữ. * Có 100% thành viên trong tổ đều biết bơi, biết lội. * Có xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể từng thanh viên, tuyên truyền vận động, cho người dân có ý thức về phòng chống thiên tai. * Có 90% sau khi vận động người dân có ý thức về phòng chống thiên tai. | * 95% chưa được tập huấn kỹ năng về phòng chống thiên tia ở các tổ. * 100% các thành viên tổ hoạt động kiêm nhiệm. * Không đủ điều kiện và phương tiện để phòng chống thiên tai, như 70% võ máy chưa đủ công sức để sơ tán người dân khi có thiên tai, 95% chưa có áo phao, dụng cụ y tế, lương thực, thực phẩm, đèn pin chiếu sáng, áo mưa. |
| **2** | Hệ thống thông tin (hệ thống thông tin cộng đồng, hệ thống thông tin cảnh báo sớm…)  (Điều 7, Luật PCTT) | * 40% các ấp đều có cụm loa tuyên truyền cho người dân, 30% loa lưu động để cho người dân biết cách PCTT. * 90% người dân có ý thức trong việc phòng chống thiên tai. | * Có 60% các ấp chưa có cụm loa tuyên truyền, 70% chưa có loa lưu động để phòng chống thiên tai. * 10% người dân chưa có ý thức trong PCTT |
| **3** | Công trình PCTT: Đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở, khu neo đậu tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán… (Điều 3, khoản 5 Luật PCTT) | * 30% người dân tự làm bờ kè chống sạt lở, 5% bằng bê tông, 10% người dân trồng cây, 5% dân tự vô bao đất kè, 5% người dân kè bằng cấy Ráng, 10% nhà kiên cố để sơ tán người dân khi có thiên tai xảy ra * 10% có đê ngăn triều cường kết hợp lộ giao thông nông thôn như: đường Hồ Chí Minh, đường cấp 6 đồng bằng, lộ bê tông nông thôn. | * 70% người dân chưa có điều kiện làm bờ kè chống sạt lở, 90% nhà dân thiếu kiên cố, 90% chưa có đê ngăn chiều cường và lộ giao thông nông thôn. |
| **4** | Phương châm bốn tại chỗ | * 100% có tổ phòng chống thiên để ứng phó giảm nhẹ thiên tai, 30% lực lượng thanh niên tại địa bàn khi có tình huống xảy ra. * 10% hộ dân có phương tiện lớn tại chổ để sơ tán người dân * 10% nhà kiên cố. * 20% kinh phí tại chổ để phục vụ PCTT | * 70% hộ dân có phương tiện võ máy nhỏ, 20% hộ dân không có phương tiện võ máy. * 90 % nhà bán kiên cố và nhà tạm bợ. * 70% người già, phụ nữ và trẻ em, người tàn tật. * 80% thiếu kinh phí phục vụ cho phòng chống thiên tai |
| **5** | Ý thức, năng lực của người dân | * 90% người dân có nhận thức và kinh nghiệm trong PCTT như: chằng chống nhà cửa, cất nhà kiên cố, nhà cao cẳn, trồng rừng cân bằng hệ sinh thái, dự trữ lương thực thực phẩm thuốc men, tự duy truyển đến nơi trú ẩn an toàn khi có tình huống xảy ra. | * 10% người dân còn chủ quan trong phòng chống thiên tai, 95% ngươi dân chưa được tập huấn về phòng chống thiên tai, người dân chưa nắm bắt thông tin kịp thời, 90% nhà thiếu kiên cố. |

**Công cụ 6: Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai**

| **Thiên tai** | **Xu hướng của thiên tai** | **Tình trạng DBTT** | **Năng lực PCTT** | **Rủi ro TT** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| **Triều cường ngập nước** | * Nước lên bất thường vào ban đêm. * Từ nửa đêm về sáng * Gió nhiều hơn. * Không theo mùa (trước đây bắt đầu từ tháng 10, nhưng năm 2018 xảy ra vào tháng 9). * Thời gian khoảng 2-3 tiếng. * Nước cao hơn. * Không khí lạnh. * Nước dâng kéo dài từ 3- 5 ngày. | \*ATCĐ:   * Ngập cơ quan, trường học, nhà ở của người dân. * Đường trơn chợt, ngập ảnh hưởng đến việc giao thương của người dân và học sinh đến trường.   \* VSMT: Ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm rác thải.  \*SXKD: Bể bờ bao vuông tôm, giảm sản lượng giống tôm, cua và các loại thủy sản khác. | \*VC:   * Nhà thấp, gần sông, ven biển * Bờ bao không kiên cố * Do đặc trưng của địa chất, đất thưa thịt (đất không chân).   \*TCXH:   * Ý thức của người dân chưa tốt trong việc chủ động ứng phó * Gia đình không có điều kiện gia cố bờ bao vuông tôm | * Đoàn thể và chính quyền địa phương tuyên truyền * Hộ dân chủ động gia cố bờ bao và làm Lộ đất đen kết hợp đê ngăn triều cường cao hơn mực nước là 0,5m. * Chủ động nâng nhà chống ngập. * Đề nghị cấp trên hỗ trợ về bù giá, thuê cơ giới |
| **Sạt lở** | * Vào ban đêm. Mưa nhiều * Đất không chân * Nước thủy triều cạn khô, mưa kéo dài dẫn đến đất bị sói mòn, bọng chân (hàm ếch) làm sạt lở, khu vực thường xảy ra ở ngã ba, ngã tư. | -ATCĐ:  - Nguy cơ sạt lở nhà, ở, trại sản xuất con giống.  - Xăng dầu máy móc,  Ô nhiễm môi trường: nguồn nước, vuông tôm, thiệt hại đến gia súc, gia cầm. | VC:  Ở gần mé sông, gần biển, dòng nước chảy siết, mưa nhiều  -NT: Người dân không chịu di dời.  -TCXH: Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên | * Nhiều hộ dân công tác di dời tốt * Công tác tuyên truyền thường xuyên, * Vận động người dân trồng cây mắn ven sông để chống sạt lở. * Cất nhà rời nữa trên bờ, nữa dưới sông, sàn nhà không dính liền với nhà ở |
| **Lốc xoáy** | * Số lượng cơn lốc ngày càng nhiều hơn năm sau nhiều hơn năm trước. * Tốc độ gió mạnh hơn, tăng đột ngột * Lốc xoáy phát triển từng cơn rất mạnh * Lốc xoáy thay đổi vài chục mét * Khoảng cách giữa các cơn lốc ngắn hơn * Xảy ra rải rác ở nhiều ấp. | -ATCĐ:  - Tốc mái nhà, thiệt hại tài sản. | -VC:  Nhà không kiên cố: mái tôl, mái lá.  -TCXH:  Chưa tuyên truyền sâu rộng  NT:  - Không chằng chống nhà cửa, chủ quan. | * Các ngành đoàn thể, chính quyền thực hiện việc tuyên truyền vận động người dân * Ý thức chuẩn bị trước khi thiên tai xảy ra: * Chằng chống nhà cửa * Vận động các hộ dân xung quanh. |

**Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai của xã**

**Họp dân lần 2: Tiêu chí xếp hạng:** (i)Tần suất xuất hiện nhiều; (ii) Phạm vi tác động rộng; (iii) Mức độ thiệt hại lớn

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **RRTT** | **Xếp hạng của nhóm HTKT12** | | | **Thứ tự  ưu tiên** | **Xếp hạng của**  **Cụm Ấp 1** | | | **Thứ tự  ưu tiên** | **Xếp hạng của Cụm Ấp 2** | | | **Thứ tự  ưu tiên** | Tổng | Xếp hạng |
| **Nam**  **(10)** | **Nữ**  **(2)** | **Tổng** | **Nam**  **(8)** | **Nữ**  **(3)** | **Tổng** | **Nam**  **(8)** | **Nữ**  **(3)** | **Tổng** |
|  | **Thiệt hại về tính mạng (đuối nước, điện giật, do TNGT)** | 2 | 1 | 3 | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 | 24 | 17 | 41 | 4 | 44 | 1 |
|  | Thiệt hại về nhà ở | 4 | 2 | 6 | 2 | 2 | 2 | 4 | 2 | 48 | 23 | 71 | 3 | 77 | 2 |
|  | Đường giao thông | 6 | 3 | 9 | 3 | 12 | 7 | 19 | 12 | 57 | 17 | 74 | 5 | 93 | 5 |
|  | Ô nhiễm môi trường thủy sản | 17 | 7 | 24 | 8 | 4 | 4 | 8 | 4 | 58 | 29 | 87 | 12 | 96 | 6 |
|  | Ô nhiễm môi trường đời sống | 10 | 6 | 16 | 4 | 3 | 3 | 6 | 3 | 43 | 37 | 80 | 7 | 111 | 8 |
|  | **Dịch bệnh ở người** | 12 | 5 | 17 | 5 | 7 | 1 | 8 | 7 | 60 | 33 | 93 | 10 | 110 | 7 |
|  | Gián đoạn việc học và làm ăn do GT đi lại | 17 | 9 | 27 | 9 | 8 | 10 | 18 | 9 | 84 | 27 | 111 | 13 | 138 | 13 |
|  | Dịch bệnh gia súc, gia cầm | 18 | 12 | 30 | 10 | 14 | 15 | 29 | 15 | 65 | 24 | 89 | 9 | 119 | 9 |
|  | Bờ bao bị vỡ | 13 | 8 | 21 | 6 | 5 | 11 | 16 | 5 | 58 | 14 | 72 | 1 | 83 | 4 |
|  | Mất sản lượng thủy sản do xỡ bờ bao | 18 | 4 | 22 | 7 | 6 | 6 | 12 | 6 | 36 | 15 | 51 | 2 | 73 | 3 |
|  | **Không đả bảo thông tin** | 27 | 13 | 40 | 14 | 10 | 12 | 22 | 10 | 63 | 12 | 75 | 6 | 115 | 11 |
|  | Thiếu kiến thức, kỹ năng PCTT | 25 | 11 | 36 | 12 | 13 | 13 | 26 | 13 | 73 | 20 | 93 | 11 | 126 | 12 |
|  | Hủ hỏng tài sản | 25 | 10 | 35 | 11 | 9 | 8 | 17 | 8 | 59 | 26 | 85 | 8 | 120 | 10 |
|  | Mất rừng phòng hộ do dạt lỡ bờ biển | 23 | 14 | 37 | 13 | 11 | 9 | 20 | 11 | 73 | 34 | 107 | 15 | 144 | 14 |
|  | Thiệt hại rau màu | 30 | 15 | 45 | 15 | 15 | 14 | 29 | 14 | 80 | 26 | 106 | 14 | 151 | 15 |
|  | **Phòng chống thiên tai và TUBĐKH** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân**

| **Thiên tai** | **Rủi ro thiên tai** | **Tình trạng đễ bị tổn thương** | **Nguyên nhân** | **Giải pháp** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** |  | **(2)** | **(3)** | **(4)** |
| **Triều cường, sạt lở, mưa giông kèm lốc xoáy** | **Thiệt hại về nhà ở.** | \*VC:   * Nhà yếu, nhà đơn sơ 956/3.196 hộ. * 10% nhà ở ven sông, ven biển.   \*TC- XH:   * Hộ Nghèo: có 271/3.196 hộ, trong đó phụ nữ làm chủ hộ là 193 hộ. * Có trên 200 hộ nghèo không có khả năng trả tiền khi vay vốn cất nhà. * 10% hộ người già, phụ nữ đơn thân, người tàn tật không có khả năng chằng chống nhà cửa và kê cao vật dụng trong nhà.   \*NT- KN:   * 30% người dân còn chủ quan trong việc chằng chống nhà cửa và kê cao các vật dụng trong nhà khi có triều cường xảy ra. | * Do điều kiện kinh tế khó khăn khoảng 50% người dân không nâng cấp sửa chữa di dời nhà của được. * Có khoảng 10% hộ dân còn chủ quan trong việc nâng cấp và sửa chữa, chằng chống nhà cửa. * Có khoảng 10% người dân còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước trong việc xây cất nhà cho các đối tượng chính sách, và hộ nghèo. | **Phi công trình:**   * Tuyên truyền vận động người dân chủ động trong việc chủ động nâng cấp, sửa chữa, chằng chống nhà cửa trước mừa thiên tai; * vận động người dân không nên trông chờ ỷ lại vào nhà nước. |
|  | Thiệt hại về tính mạng (đuối nước, điện giật TNGT đo đường trơn) | \*VC:   * Khoảng 30% người dân không biết bơi. * 30% Nhà thấp, vùng trũng dễ ngập, ven biển. * Đường trơn trợt do nước ngập lâu.   \*NT- KN:   * 95% đường đất đen theo bờ vuông. | * Người dân còn chủ quan trong việc tập cho trẻ em tập bơi và trang bị áo phao cho trẻ khi đến trường bằng đò. * Còn thiếu kiến thức trong việc sử dụng điện an toàn. | * Tập huấn kiến thức về phòng chống thiên tai và sử dụng điện an toàn, tiết kiệm. * Vận động người dân làm lộ giao thông nông thôn kết hợp với đê ngăn triều cường. * Tổ chức các lớp dạy bơi cho trẻ và vận động gia đình tang bị áo phao cho trẻ khi đến trường bằng đò. |
|  | Mất sản lượng thủy sản do vỡ bờ bao | \*VC:   * 95% đường đất đen theo bờ vuông, có nguy cơ bể bờ bao do triều cường dâng và mưa giông kèm theo lốc xoáy. * 100% đường đất đen nội đồng theo bờ bao vuông tôm.   \*NT- KN:   * 20% còn ỷ lại trong việc gia cố bờ bao vuông tôm | * Do bờ bao vuông tôm yếu, không xây dựng kiên cố, vùng đất thấp, ven biển. * Chưa được gia cố thường xuyên | **Giải pháp công trình:**   * Kiến nghị hố trợ xây dựng bờ kè tuyến ven biển. * Vận động người dân thường xuyên gia cố bờ bao vuông tôm, đồng thời trồng cây ven sông chống sạt lở. |
|  | Ô nhiễm môi trường thủy sản | \*VC:   * Triều cường dâng cao kèm theo mưa giông dẫn. * 506/3.196 hộ chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh. * 80% hộ dân chăn nuôi xả thải ra sông. * 50% hộ dân chưa ý thức trong việc bảo vệ môi trường. * Xã chưa đội thu gom rác thải, chưa có khu vực tập trung và phân loại rác thải. | * Do ô nhiễm môi trường nước dẫn đến các loại thủy sản khác chết hàng loạt làm ô nhiễm môi trường thủy sản. * Ý thức của người dân chưa cao trong việc giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường sống. | * Tuyên truyền vận động người dân xây dựng cầu tiêu hợp vệ. * Hỗ trợ xây dựng khu vực thu gom rác tập trung và phân loại rác thải. |
|  | Đường giao thông | * Ấp có đường đất ngập do triều cường, đường đất đen lầy lội, sông ngòi chặt chịt. | * Ý thức người dân bảo vệ các công trình. | * Tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức bảo vệ công trình công cộng. * Ưu tiên đấu nối các tuyến liên ấp. |